



ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ

Thất thập bát niên
Tòa-Thánh Tây-Ninh

Tập-San

THẾ ĐẠO



Tập mới
Số 17

- * Tóm lược Lịch-Sử và Giáo-Lý Cao-Đài.
- * Con đường của người đệ-tử Cao-Đài.
- * Quy nguyên bản theo Nho giáo (tiếp theo)

01-2003



TẬP-SAN THẾ ĐẠO

I-Tôn-chỉ và mục-dịch:

Tập-San Thế-Đạo truyền bá tôn-chỉ và mục-dịch của Đạo Cao-Đài, phổ-biến ánh-sáng chơn-lý của Đạo đến mọi tầng lớp nhân sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời chuyển thế.

II-Chủ-trương:

Tập-San Thế-Đạo là cơ-quan ngôn-luận của tín-đồ Cao-Đài đi theo tôn-chỉ và đường lối của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ Toà-Thánh Tây-Ninh.

Tập-San Thế-Đạo xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý đồng đạo, quý đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ dân-tộc, nhân sanh và xã-hội.

Bài vở trên *Tập-San Thế-Đạo* có mục-dịch xây dựng lợi-ích chung cho dân-tộc, đạo-pháp và xã-hội, không mang một nội dung bài kích cá-nhân hay tập thể. Mọi quan-điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi-phạm đến tôn-chỉ và đường lối của Đại-Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của dân-tộc Việt-Nam.

Tập-San Thế-Đạo là nơi trao đổi tin-tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ-sở Đạo Cao-Đài khắp nơi trong nước và hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp-tác thân hữu với các tôn-giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ-chức xã-hội, các tổ-chức nhân-đạo có cùng mục-dịch chung là phục-vụ nhân-loại.

Tập-San Thế-Đạo có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên-cứu đạo học, triết-học, tâm-lý học, sử-Đạo, văn-hóa, khoa-học kỹ-thuật, thơ văn, truyện ngắn ...v....v...và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.



TẬP-SAN THẾ ĐẠO

Chủ trương: Ban Quản Nhiệm
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

Chủ nhiệm: HT Nguyễn Ngọc Dũ
Phó Chủ Nhiệm; Cao Ninh.
Chủ bút: Quốc Đạt.

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Cầu, Mai Văn Tim, Nguyễn Đăng Khích, Lê Quan Liêm, Dương Văn Ngựa, Nguyễn Văn Qui, Nguyễn Ngọc Dũ.

Cộng tác thường xuyên:

Tiến-Sĩ Nguyễn Thanh Liêm, Tiến Sĩ Nguyễn Anh Tuấn, Bác-Sĩ Nguyễn Văn Thọ, Lê Văn Thêm, Duy Văn, Trần Công Bé, Nguyễn Trung Đạo, Hoàng Hồ, Kim Minh, Lê Văn Năm, Tố Nguyên, Song Nguyên, Trần Văn Ô, Tam Thanh, Quang Thông, Thi Đàn Vườn Huệ Trắng.

Yểm trợ:

Bài vở gửi đăng và tài chánh yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại/
Tập-San Thế Đạo xin gửi về:

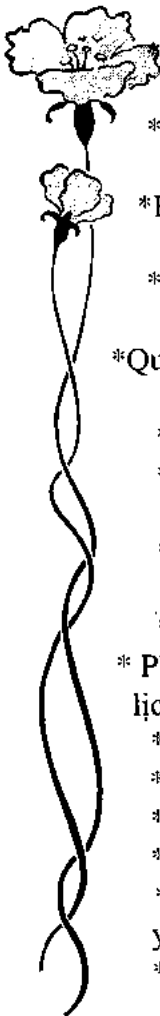
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547, 408-262-4209.

Fax# 408-238-6547

web site : www.banthedao.org

MỤC LỤC



* Tóm lược Lịch-Sử và Giáo-Lý Đạo Cao-Đài	4
HT Bùi Văn Nho	
Bước đầu tìm hiểu Đạo Cao-Đài (tiếp theo)	10
HT Nguyễn Trung Đạo	
* Những nét vi-tế về giới: vọng ngữ	17
HT Lê Văn Thêm	
* Học Đạo và Hành Đạo	32
Đạt Thông Dương Văn Ngừa	
* Đức Jesus Christ, thiên con Thiên Chúa	42
Thông Sự Lê Phong.	
* Qui nguyên bản bản theo Nho Giáo (tiếp theo)	51
BS Nguyễn Văn Thọ	
* Nhị thập tứ hiếu (Lý Văn Phục)	70
* Con đường của người đệ-tử Cao-Đài	83
HT Nguyễn Long Thành.	
* Dưỡng Chơn Tập	99
Dịch giả Nguyễn Minh Thiện	
* Suy gẫm (HT Mai Văn Tim)	114
* Phong kiêu dạ bạc & Thiên Lâm Tự: đường vào lịch-sử: Lê Tấn Tài & Vương Văn Ký	122
* Vườn thơ	135
* Chúc mừng- Phân Ưu	139
* Liên Lạc	142
* Tin tức	144
* Danh sách cơ-sở, đồng đạo và thân hữu yểm trợ Tập-San Thế-Đạo	156
* Những Bảo Trợ viên thường xuyên của Tập-San Thế-Đạo	158

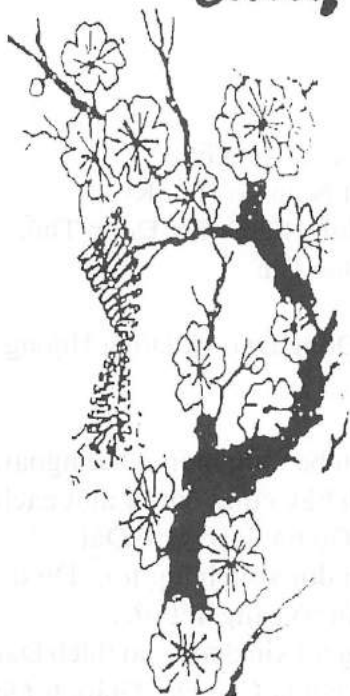


Tập-San Thế-Đạo số 17 phát hành tháng 01 năm 2003



BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

Cung Chúc Tân Xuân



Nhân dịp đầu năm Dương Lịch 2003, đầu năm âm lịch Quý Mùi, Ban Thế Đạo Hải Ngoại :

1-Thành tâm cầu nguyện Hội Thánh Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà-Thánh Tây-Ninh sớm tái lập quyền đúng theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

2-Kính chúc :

-Quý Chức Sắc Thiên Phong, quý chức sắc Ban Thế Đạo trong nước cũng như ở hải ngoại.

-Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ lãnh đạo các cơ-quan, các cơ-sở Đạo nơi hải ngoại.

-Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ Q.

Khâm Châu, Q. Đầu Tộc, Q. Quán-Tộc,

-Quý Chức Việc Bàn Trị-Sự và

toàn thể đồng đạo,

-Quý thân hữu.

luôn luôn được dồi dào sức khỏe và tinh tấn trên đường lập vị.

San Jose, tháng 12-2002

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại

LỄ KỶ NIỆM NGÀY KHAI MINH ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Năm Đạo Thứ 78

Tại Hội Trường Châu Đạo California ngày 24-11-2002

Tóm lược Lịch Sử & Giáo Lý Đạo Cao Đài

Kính bạch Hội Thánh,

Kính thưa:

- Quý vị Lãnh Đạo Tinh Thần các Tôn Giáo trong Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam tại Hoa Kỳ.
- Quý vị Đại Diện các Hiệp Hội, Hội Đoàn, Đoàn Thể, Cơ Quan, Truyền Thông và Báo Chí.
- Quý Quan Khách,
- Chư Chức Sắc, Chức Việc, Đồng Đạo và Đồng Hương

Kính thưa Quý liệt vị,

Đây là lần đầu tiên, trong gần ba thập niên ở hải ngoại, người Cao Đài mới có dịp được trình bày cùng quý vị một cách chính thức về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức Đạo Cao Đài.

Thật là một đề tài quá to lớn đối với chúng tôi. Do đó bằng một khả năng giới hạn, chúng tôi cố gắng hết sức.

Để đi thẳng vào vấn đề, chúng tôi xin được giải thích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là gì và tại sao gọi là Cao Đài Giáo, trước khi nhắc lại lịch sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một nền Tôn Giáo được khai sáng lần thứ ba để tận độ chúng sanh.

Thánh Giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy rằng lịch sử tôn giáo nhân loại đã được khai mở thành ba thời kỳ từ Thượng cổ tới nay. Tam Kỳ bắt đầu từ hậu bán thế kỷ thứ 19 trở về sau này.

So với Nhứt kỳ và Nhị kỳ, kỳ thứ ba duy chỉ có sự xuất hiện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đấng Thượng Đế toàn năng hay còn gọi là Đức Chí Tôn khai sáng.

2- Cao Đài Giáo do Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi tắt là Đức Cao Đài cũng chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế làm Giáo Chủ.

Căn nguyên là trong thời kỳ dạy đạo cho những Môn Đệ đầu tiên, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế lấy danh hiệu là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát với ý nghĩa tổng hợp giáo lý của ba tôn giáo lớn ở Đông Phương là Nho, Thích, Đạo.



Tóm lại Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Cao Đài Giáo đều chỉ cùng một Tôn Giáo với hai cách gọi. Hy vọng rằng việc giải thích này sẽ giúp quý vị dễ dàng theo dõi chúng tôi trong các phần còn lại của đề tài

Sau đây chúng tôi xin đề cập đến Lịch Sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Bối cảnh xã hội Nam Kỳ vào đầu thế kỷ thứ 20 đã trải qua nhiều xáo trộn, bất an về chánh trị, hành chánh, xã hội và đức tin của quần chúng. Đặc biệt và có sự liên hệ đến sự xuất hiện của Cao Đài Giáo là trong giới công chức ở Nam Kỳ lúc bấy giờ đã nổi lên phong trào tìm hiểu thế giới siêu hình do ảnh hưởng sách báo của Hội Thông Thiên Học truyền bá, với các tác giả như Allan Kardec, Flammarion, Blavatsky. Phong trào gây ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng nên đâu đâu cũng thấy việc cầu cơ thủ hút mọi tầng lớp xã hội.

Trong tình hình đó, Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát cùng các đấng Thần, Thánh Tiên, Phật đã dùng huyền diệu cơ bút để dạy đạo cho các môn đệ của Ngài từ năm 1920 đến năm 1926 mà đệ tử đầu tiên là Quan Phủ Ngô Văn Chiêu. Điều mầu nhiệm là Đức Cao-Đài đã dẫn dắt các đệ tử của Ngài, vốn không quen biết nhau và sống cách nhau, đến chỗ hội ngộ đức tin.

Trong khoảng thời gian bảy năm đầu, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đã giảng dạy đầy đủ những gì cần yếu cho việc khai lập một Tôn Giáo: Từ tổ chức đến luật pháp; từ nghi lễ đến giáo lý, từ đạo phục đến thờ phượng v.v.

Đến ngày 23 tháng 8 năm Bính Dần, nhằm ngày 29-09-1926, ông cụ Thượng Nghị Viên Lê văn Trung vâng theo Thánh ý hiệp cùng 247 vị Tín Hữu khác đứng tên vào tịch đạo để khai báo với Chánh Phủ thuộc địa

Từ ngày đó trở về sau việc phổ độ ở Nam Kỳ Lục Tỉnh vẫn tiếp tục và đem lại nhiều kết quả rất tốt đẹp. Một cái mốc thời gian lịch sử đã đến với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đêm 14 rạng rằm tháng 10 năm Bính Dần (18 - 11 - 1926) Hội Thánh Cao Đài đã chính thức tổ chức lễ Khai Đạo tại Từ Lâm Tự (Chùa Gò Kén) thuộc làng Long Thành tỉnh Tây Ninh vô cùng trọng thể với sự tham dự của hàng chục ngàn bốn đạo và quan chức người Pháp. Từ đó Cao Đài Giáo lấy ngày rằm tháng 10 âm lịch hàng năm làm ngày Khai Minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Mấy tháng sau, Hội Thánh phải dời về làng Long Thành cách tỉnh lỵ Tây Ninh 4 cây số về hướng Đông. Đây là địa điểm được Đức Chí Tôn chọn lựa để xây Tòa Thánh như hiện nay phần lớn quý vị đều biết

Năm 1934 Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung Chương Quản Cửu Trùng Đài liễu đạo, Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc Chương Quản Hiệp Thiên Đài kiêm nhiệm cả Cửu Trùng Đài và trở thành vị lãnh đạo tối cao của đạo Cao Đài kể từ đó.

Năm 1946, Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc được trả tự do, sau 5 năm bị chánh quyền Pháp đày đi Phi Châu. Từ đó Đức Ngài đã đẩy mạnh việc phổ truyền Cao Đài Giáo.

* Năm 1954 Cao Đài Giáo có đến 2 triệu rưỡi tín đồ.

* Năm 1959, Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc qui Tiên nhưng ngài vẫn luôn luôn là Ông Thầy vô vi để dẫn dắt cơ Đạo. Những sách vở do Ngài viết về Giáo Lý, về Đạo Đức, về lòng ái quốc của một công dân yêu nước luôn luôn còn mãi trong tâm khảm của người Tín Đồ Cao Đài.

Sau khi Đức Hộ Pháp qui Tiên, các vị Chức Sắc Đại Thiên Phong trong Hội Thánh Cao-Đài tiếp tục lèo lái con thuyền Đạo

cho đến ngày xảy ra biến cố lịch sử đau thương 30 - 04 - 1975.

Bước sang **lãnh vực giáo lý**, Đức Chí Tôn dạy rằng: “Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới, khí hư vô sinh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra lưỡng nghi. Lưỡng Nghi ra Tứ Tượng biến Bát Quái. Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh. Vậy các con đủ hiểu rằng mỗi vật hữu sanh nơi thế gian này đều cho Chơn Linh Thầy mà ra. Có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống”

Tóm lại, Cao Đài Giáo tin rằng chỉ có một đấng Tạo Hóa duy nhất là Chúa Tể cả Càn khôn vũ-trụ và rằng Tôn Giáo có nền tảng qui nguyên Tam Giáo, hiệp như Ngũ Chi. Tuy nhiên nét đặc thù của Đạo Cao Đài là luôn luôn có sự tương quan nhiệm mầu giữa hình thức và nội dung, giữa hữu hình và vô vi mà người Cao Đài nói là **Thế Pháp ẩn tàng Bí Pháp**. Về tổ chức, **Hội Thánh Cao Đài** gồm có: **Hiệp Thiên Đài**, **Cửu Trùng Đài**, và **Bát Quái Đài**.

1- **Bát Quái Đài**: là cơ quan lập pháp tối cao, tối thiêng liêng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặt dưới quyền Chưởng quản của Đức Chí Tôn có sự trợ giúp của 3 vị Giáo Chủ Nho, Thích, Đạo và các Đấng đại diện Tam Giáo là Đức Lý Đại Tiên, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và Đức Quan Thánh Đế Quân.

2- **Cửu Trùng Đài**: là cơ quan hành pháp của Đạo, có nhiệm vụ thi hành luật pháp để độ rỗi nhơn sanh. Cửu Trùng Đài chỉ có quyền về mặt hữu hình. Cửu Trùng Đài còn là nơi để cho Tín Đồ tu hành, lập công bồi đức hầu tiến đoạt phẩm vị Thiêng Liêng. Chưởng Quản Cửu Trùng Đài là Giáo Tông.

3- **Hiệp Thiên Đài**: là cơ quan bán hữu hình, do Đức Hộ Pháp Chưởng Quản, Hiệp Thiên Đài có hai nhiệm vụ:

a) Nhiệm vụ thiêng liêng là cơ quan cơ bút để làm trung gian giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài.

b) Nhiệm vụ phàm trần là bảo hộ luật pháp chơn truyền của Đạo.

Tóm lại Hội Thánh Cao Đài hay Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một tập thể lớn gồm tất cả Chức Sắc của tất cả các

cơ quan của Đạo có phẩm cấp từ Giáo Hữu hoặc tương đương Giáo Hữu trở lên. Tổ chức và quyền hạn của các cơ quan này được Đức Chí Tôn qui định và Đức Hộ Pháp vâng lệnh chú giải trong Pháp Chánh Truyền. Đó chính là Hiến Pháp của đạo Cao Đài.

Một cách tổng quát, giáo lý Đạo Cao Đài mở ra cho người Tín Đồ một con đường tiến hóa gồm có 5 bậc là Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật. Bằng con đường tiến hóa 5 bậc này, dĩ nhiên Giáo Lý Cao Đài là một dung hợp tinh ba giáo lý của các nền Tôn Giáo đã có từ Nhất và Nhị Kỳ Phổ Độ, với mục đích giúp con người hiểu được ở đâu là giá trị đích thực của mình hầu rũ bỏ phần thân xác luôn luôn bị ràng buộc trong vòng sanh tử và chỉ giữ lại phần Chơn Linh vĩnh cửu để hội hiệp cùng Thượng Đế.

Nói về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thiết nghĩ chúng tôi cũng xin phép quý vị được lướt qua biểu tượng thờ phượng trong Tôn Giáo Cao Đài. Đức Chí Tôn dạy thờ con mắt bên trái gọi là Thiên Nhãn tức là thờ Thầy.

Tại sao thờ Thiên Nhãn? Thiên Nhãn là biểu tượng cho Thượng Đế toàn năng, toàn tri. Cái gì cũng thấy, Ở đâu cũng biết. Ý nghĩa này được xác định trong các dẫn chứng sau đây:

1- Bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế của Đạo Cao Đài có câu:

“Cần kiện cao minh. Vạn loại thiện ác tất kiến” nghĩa là ngôi Trời mạnh mẽ, cao tột, sáng tỏ. Ất hẳn thấy rõ cái Thiện Ác của muôn loài, vạn vật.

2- Nho gia nói: “Hoàng Thiên hữu nhãn”.

3- Dân gian thường nói: Trời cao có mắt.

4- Trong cái triện bên trái ở mặt sau của giấy bạc một Đô La Mỹ có vẽ con mắt trái trên chóp Kim Tự Tháp. Tài liệu của Bộ Ngân Khố Hoa Kỳ, dựa theo lời giải của ông William Barton là người đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế cái triện, nói rằng các nhà lập quốc Hoa Kỳ tin tưởng chắc chắn sự tiến bộ của chúng ta nhất định luôn luôn được sự phò trợ của Thượng Đế (Our progress must always be under the watchfull eye of Providence.)

5- Quyển Catéchisme Album của Thiên Chúa Giáo do nhà xuất bản Saint Joseph ở Paris phát hành có in hình Thiên

Nhân nơi trang bìa với lời chú thích, xin trích một đoạn sau đây: "Cet oeil, vous rappelled que Dieu est la souveraine intelligence, qu'il sait tout et voit tout." Nghĩa là Thiên Nhân này nhắc cho chúng sanh nhớ rằng Thượng Đế là Đấng Toàn Tri. Ngài biết tất cả và thấy tất cả.

Kính thưa quý vị,

Sự cố gắng mà chúng tôi vừa trình bày chỉ nói lên một phần nhỏ so với những điều mà Đức Chí Tôn đã giảng dạy và được ghi lại trong Kinh sách Đạo Cao Đài.

Sự xuất hiện của các Tôn Giáo nói chung đều do lòng thương yêu chúng sanh của các vị Giáo Chủ.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai sáng cũng không ngoài lý do đó. Tuy nhiên đứng về mặt thiêng liêng mà nói, khi mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên nước Việt Nam cho một dân tộc Việt Nam hiền hòa và sùng kính đạo đức. Đức Chí Tôn đã chọn dân tộc chúng ta để gióng lên một hồi chuông cảnh tỉnh sau cùng để nhắc nhở cho nhân loại biết rằng:

1- Mối tương quan giữa Thượng Đế và Nhân loại là mối tương quan cha con ruột thịt nên tất cả mọi chủng tộc trên hoàn cầu này đều là anh em.

2- Chỉ có một đấng Thượng Đế duy nhất là nguồn gốc của tất cả các Tôn Giáo.

3- Chỉ có tình thương đại đồng mới xây dựng một thế giới hòa bình và an lạc.

Để kết luận, chúng tôi xin trích lại đoạn cuối trong thông điệp của Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc đã đọc trước Đại hội Quốc Tế các Tôn Giáo Thế Giới ở Montreux (Thụy Sĩ) vào tháng 07 năm 1954 như sau:

"Vậy thì Hòa Bình chỉ có thể thực hiện được bằng cách thống nhất tất cả những đức tin Tôn Giáo. Những sự tìm kiếm của quý vị đang trên đà tốt đẹp. Kể từ hôm nay, chúng ta hãy tập hợp lại, chúng ta hãy dồn mọi nỗ lực chung quanh danh hiệu Thượng Đế duy nhất của chúng ta. Chúng ta hãy cố gắng dựng lên trong thế giới này một Đền Thờ cao cả dùng làm ngọn đuốc soi sáng cho toàn thể nhân loại trên đường đi tới Hòa Bình và Thuận Thảo"

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Hiền Tài Bùi Văn Nho

Bước đầu tìm hiểu ĐẠO CAO ĐÀI

Sưu tầm tài liệu để biên soạn loạt bài về “ Bước Đầu Tìm Hiểu ĐẠO CAO ĐÀI “, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một vài quý vị muốn tìm hiểu sơ lược về Đạo Cao Đài. Chỉ cần một khoảng thời gian rất ngắn là có thể có một khái niệm về nền Đại Đạo này, đến nay chỉ mới vừa được 77 tuổi, nhưng đã được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tiên tri nguơn hội kéo dài đến thất ức niên, tức 700 000 năm (bảy trăm ngàn năm).

Ngoài ra, loạt bài này cũng có thể giúp đỡ cho những tín hữu mới nhập môn và không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Vì khả năng còn hạn chế, chúng tôi không thể tránh được những sai sót trong lúc biên soạn. Kính mong Quý Đồng Đạo chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi có điều kiện học hỏi thêm.

Hiên tài Nguyễn Trung Đạo

(Tiếp theo từ TSTĐ số 15)

Bài số 3 : Kinh Trong Đạo Cao Đài

1.- NGƯỜI THEO ĐẠO CAO ĐÀI

Người theo Đạo Cao Đài được khuyên “chẳng nên chuyên nghề gì làm cho sát sanh, hại vật”. Bản đạo có thể “ có vợ chồng như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6 ngày hoặc 10 ngày trong một tháng, phải giữ ngũ giới cấm và phải tuân theo Thế-luật của Đạo”, “buộc phải thuộc kinh và thông hiểu luật pháp của Đại Đạo truyền ra”. “ Ai giữ trai kỳ từ mười ngày sắp lên được thọ truyền bửu pháp”. Tân Luật, điều thứ 19 qui định rằng : “ Một tháng hai ngày sóc vọng

bổn đạo phải tụt lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế”.

Ngũ giới cấm có thể tóm lược như sau :

- Nhứt bất sát sanh, là cấm nên sát hại sinh vật.
- Nhì bất du đạo, là cấm trộm cướp, làm hại cho người mà lợi cho mình.
- Tam bất tà dâm, là cấm lấy vợ người, thấy sắc dậy lòng tà.
- Tứ bất tửu nhục, là cấm say mê rượu thịt làm rối loạn tâm thần.
- Ngũ bất vọng ngữ, là cấm xảo trá láo xược, khoe mình bày lỗi người, chuyện phải thêu dệt ra quấy, xúi giục người hờn giận lẫn nhau.

2.- KINH NHỰT TỤNG

Kinh Nhứt Tụng của Đạo Cao Đài được gọi là KINH CÚNG TỨ THỜI, vì mỗi ngày cúng 4 thời : Tý, Ngọ, Mẹo và Dậu, tức là vào lúc 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng và 6 giờ chiều. Kinh Cúng Tứ Thời gồm có :

- Kinh Cúng Tứ Thời Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Kinh Cúng Tứ Thời Đức Diêu Trì Kim Mẫu (Phật Mẫu Chơn Kinh).

Ngoài ra còn có những bài kinh sau đây cũng thường được tụng hằng ngày, sau giờ cúng Tứ Thời hoặc vào những giờ nào thuận tiện :

- Di Lạc Chơn Kinh
- Kinh Cửu Khố
- Kinh Sám Hối

3.- KINH TẬN ĐỘ

“ Từ khi mở Đạo, CHỈ TÔN duy giáng cơ truyền cho Phật Giáo, Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dân Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song Kinh Tận Độ vong linh chưa hề giáng cơ cho nơi nào tất cả.

Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp, trót mười năm trường, nghĩa là từ ngày khai Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng dâng xin Kinh Tận Độ,

nhưng Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (21 đến 31-8-1935) mới giáng cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lô của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đẳng linh hồn của toàn Thế giới.

Chúng ta thâm xét thì đủ hiểu rằng : Đã trải qua mười năm CHỈ TÔN mới mở cơ Tận Độ. Cơ Tận Độ nhơn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh nầy mà thôi. Thương thay cho những kẻ vô phận thiệt thời qui liễu trước ngày Tân Kinh chuyển Pháp...".

Trên đây là phần trích lời Tựa trong *Quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo* do Hội Thánh xuất bản.

Một trong những Hồng Ân lớn nhất mà Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Kinh Tận Độ. Những bài Kinh Tận Độ do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) giáng cơ ban cho gồm có :

- Kinh Tắm Thánh
- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
- Kinh Khi Đã Chết Rồi
- Kinh Tẩn Liệm
- Kinh Đưa Linh Cửu

Những bài Kinh Tận Độ do Đức Phật Bà Quan Âm giáng cơ ban cho gồm có :

- Kinh Hạ Huyệt
- Kinh Khai Cửu

Những bài Kinh Tận Độ do Cửu Vị Tiên Nương Cung Diêu Trì giáng cơ ban cho gồm có 9 bài kinh cúng Tuần Cửu :

- Kinh Đệ Nhất Cửu : Nhất Nương Diêu Trì Cung ban
- Kinh Đệ Nhị Cửu : Nhị Nương Diêu Trì Cung ban cho
- Kinh Đệ Cửu Cửu : Cửu Nương và Diêu Trì Kim Mẫu

Sau khi tụng xong 9 bài Kinh Tuần Cửu trong vòng 8 ngày, thì chờ 200 ngày nữa để làm Tiểu Tường (tức 281 ngày sau khi qui liễu). Ngày chết được đếm là ngày 1, đến ngày 9 thì làm Cửu thứ Nhất, đến này 18 thì làm Cửu thứ Nhì,... đến ngày 281 thì làm Tiểu Tường).

- Kinh Tiểu Tường do Đức Diêu Trì Kim Mẫu ban cho. Sau khi làm Tiểu Tường, chờ 300 ngày nữa để làm Đại Tường

- Kinh Tiểu Tường do Đức Diêu Trì Kim Mẫu ban cho. Sau khi làm Tiểu Tường, chờ 300 ngày nữa để làm Đại Tường (mãn tang), tức là 581 ngày kể từ ngày chết.

- Kinh Đại Tường do Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật ban cho.

Ngoài những bài Kinh Tận Độ trên do các Đấng Tiên, Phật giảng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh ban cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, còn có những bài Kinh sau đây cũng dùng làm Kinh Tận Độ :

- Kinh Giải Oan : do Đức Hộ Pháp ban cho

- Vãng Sanh Thần Chú : thỉnh bên Phật-Giáo

- Kinh Cầu Siêu : thỉnh bên Minh-Lý

- Di Lạc Chơn Kinh : do Đức Phật Thích Ca giảng cơ ban cho

- Giới Tâm Kinh : do các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban cho Chi Minh Tân

- Bài Xưng Tụng Công Đức Phật, Tiên, Thánh, Thần : do Đức Thái Thượng Đạo Quân và Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giảng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu).

4.- KINH THẾ ĐẠO

Kinh Thế Đạo là kinh dạy về Đạo làm người, về đường lối bốn phận làm một con người ở thế sao cho hợp với lẽ phải và đạo lý, đó chính là Nhơn Đạo. Tu xong Nhơn đạo mới có thể tiến lên Tiên Đạo, rồi Phật Đạo, và cuối cùng là Thiên Đạo.

Kinh Thế Đạo gồm có 19 bài :

- 10 Bài Kinh đầu : do Đức Hộ Pháp ban cho, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ chỉnh văn lại, gồm có :
Kinh Thuyết Pháp

- Kinh Nhập Hội

- Kinh Xuất Hội

- Kinh Khi Ra Đường

- Kinh Khi Về

- Kinh Khi Đi Ngủ

- Kinh Thức Dậy
- Kinh Vào Học
- Kinh Vào Ăn CƠM
- Kinh Khi Ăn CƠM Rồi

- *Kinh Hôn Phối* : do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho. Bài Kinh này rất quan trọng, vì Phép Hôn Phối là 1 trong các *Bí Truyền Chơn Pháp* của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- *8 Bài Kinh Cúng Tế Trong Tang Lễ*, do Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giáng cơ ban cho, gồm có :

- Kinh Tụng Khi Vua Băng Hà
- Kinh Tụng Cho Thầy Khi Qui Vị
- Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu
- Kinh Tụng Khi Cha Mẹ Đã Qui Liễu
- Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu
- Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần
- Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị
- Kinh Tụng Khi Vợ Qui Vị.

Sau khi tụng xong bài Kinh cầu tổ phụ đã qui liễu thì tụng Bài Kinh Cửu Khổ 3 lần.

Kinh Cửu Khổ là bài kinh tụng lên để cầu nguyện với Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện đến cứu khổ cứu nạn khi gặp bệnh hoặc tai nạn hiểm nghèo.

5.- ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG TRỌN KINH TÂN ĐỘ

Người theo Đạo Cao Đài muốn được hưởng trọn vẹn Kinh Tân Độ phải giữ trai kỳ *t ít nhất 10 ngày mỗi tháng*. Khi qui liễu, Chơn hôn nhờ Kinh Tân Độ và sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng sẽ được đưa ra khỏi vòng khí quyển để về với Đức Đại Từ Mẫu mà hưởng nhiều ân huệ.

Khi làm tang lễ cho một người có Đạo, trước ngày làm Lễ Động Quan một ngày và trước giờ Động Quan, Hội Thánh cho làm Lễ Cầu Siêu (Cầu Siêu 2 lần). Những nơi có đủ ba ban

Nhạc, Lễ và Đồng Nhi, thì trước ngày làm Lễ Động Quan một ngày có làm Lễ Tế Điện, rồi mới đọc Kinh Cầu Siêu và tụng Di Lạc Chơn Kinh.

- Nếu giữ được Thập Trai, thì khi làm Lễ Cầu Siêu đọc liên tiếp 2 bài Kinh “*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ...*” và “*Ba mươi sáu cõi Thiên Tào...*”. Đọc như vậy tất cả 3 lần, và khi dứt thì niệm danh Thầy 3 lần. Trước giờ Động Quan, có Chức Sắc hành pháp (thường là vị Khâm Châu) làm *Phép Xác* để tẩy trừ Chơn hồn, cắt đứt 7 dây oan nghiệt (phép Đoạn Căn) và độ cho Chơn hồn và Linh hồn được lên cõi Hư linh (phép Độ Thăng). Chín ngày kể từ ngày chết, bắt đầu làm Tuần Cửu theo chu kỳ 9 ngày. Mỗi lần làm Cửu thì đọc bài Khai Cửu một lần rồi mới đọc 3 lần bài Nhứt Cửu, hay Nhị Cửu, Tiểu Tướng, Đại Tướng.

Sau mỗi lần làm Tuần Cửu, Chơn hồn sẽ được lần lượt đưa lên các tầng trời với sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng, đặc biệt là của Cửu Vị Tiên Nương Điều Trì Cung. Ở mỗi tầng Trời, Chơn hồn được đưa đi bái kiến các Đấng Thiêng Liêng Thần Thánh Tiên Phật, quan sát các cảnh Thiêng Liêng tuyệt đẹp và sự mầu nhiệm ở mỗi tầng Trời. Đến Cửu thứ 9, Chơn hồn lên đến Cung Điều Trì ở tầng trời Tọa Hóa Thiên. Nơi đây, Chơn hồn được hưởng :

Hội Bàn Đào, Điều Trì Cung

Phục sinh dào hạnh rượu hồng thưởng ban.

Sau đó, Chơn hồn được đưa vào Cung Bắc Đẩu đặng học nghi lễ để vào châu nơi Ngọc Hư Cung :

Cung Bắc Đẩu xem căn quả số,

Học triều nghi vào ở Linh Tiêu.

Ngọc Hư Cung, sắc lệnh kêu

Thuởng, phong, trừng trị phân điều đọa thăng.

Chơn hồn đắc đạo được đưa đến Bạch Ngọc Kinh để bái lễ Đức Chí Tôn.

GHI CHÚ : Chơn hồn dùng ở đây đồng nghĩa với Chơn thân. Trong những bài Kinh Tận Độ của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Ngài dùng từ Chơn hồn.

- Nếu không giữ đủ thập trai thì khi làm Lễ Cầu Siêu chỉ đọc một bài Kinh Cầu Siêu “*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ...*”, và cũng đọc 3 lần, nhưng không đọc bài “*Ba mươi sáu cõi Thiên Tào...*”. Không làm Phép Xác, không làm Tuần Cửu hay Tiểu Tường, Đại Tường. Đến ngày Tuần Cửu hay Tiểu Tường, Đại Tường chỉ đọc Kinh Cầu Siêu “*Đầu vọng bái...*” và tụng *Kinh Di Lạc*, không đọc bài Khai Cửu và không đọc các bài Nhứt Cửu, Nhị Cửu,... là vì giữ trai kỳ không đủ 10 ngày mỗi tháng thì Chơn thần còn trực, dễ dẫn điện; nếu làm Tuần Cửu để đưa Chơn thần lên cõi Hư linh thì Chơn thần có thể bị sét đánh mà tan ra thành những Ngươn chất.

Chúng ta thấy rằng việc ăn chay rất là quan trọng, vừa giúp chúng ta bớt tội sát sanh vừa giúp cho Chơn thần chúng ta được trong sạch. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 29, Đức Chí Tôn có dạy :

“*Kẻ nào trai giới dặng mười ngày đổ lên, thọ truyền bửu-pháp dặng.*”

Chư môn đệ phải trai giới.

Vì tại sao ?

Chẳng phải Thầy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên Phật dặng”.

THỌ TRUYỀN BỬU PHÁP

Thọ là nhận lãnh, *Truyền* là trao lại, *Bửu* là quý báu, *Pháp* là Bí pháp tâm truyền để luyện đạo.

- *Thọ truyền bửu pháp* là được truyền dạy cho tâm pháp quý báu để luyện đạo trong Tịnh Thất.

Tân Luật, Chương II, Điều thứ 13 : *Trong hàng hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp, vào tịnh thất có người chỉ luyện đạo.*

- Chữ *Bửu pháp* còn có nghĩa là phép Bí tích quý báu mà Đức Chí Tôn đã ban cho để độ vong hồn người chết được siêu thăng. Do đó, *Thọ truyền Bửu pháp* là được nhận lãnh các phép Bí tích quý báu.

Người tín đồ Cao Đài giữ trai kỳ 10 ngày sắp lên, khi chết, được Chức Sắc đến hành phép Xác, phép Đoan Căn và phép Độ Thặng để cho Chơn thần lia khỏi xác trần để dàng rồi được lên cõi Hư linh.

GIỚI

NHỮNG NÉT VI-TẾ VỀ GIỚI: VỌNG-NGŨ

HT Lê Văn Thâm

(Tiếp theo từ TSTD số 15)

IV.- NGÔN-NGŨ VÀ VỌNG-NGŨ TRONG ĐẠO CAO-ĐÀI:

Đạo Cao-Đài được thành lập tại nước Việt Nam, Kinh Kệ và Cơ-Bút viết bằng Việt Ngữ, hầu hết với lời lẽ trong sáng và dễ hiểu.

Trong việc dạy dỗ tín đồ cũng như người đời qua Kinh Cơ, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng, đặc biệt chú trọng vào lời nói hay ngôn ngữ, nhất là giới Vọng Ngữ mà tín đồ hay người đời thường dễ sai phạm nhất.

Với người đời mà phần nhiều vẫn còn mê chưa tỉnh nên việc chấp ngã, chấp ngôn còn rất sâu nặng. Vì còn mê-lắm nên nhiều người thường coi lời nói như một phần không thể thiếu trong đời sống của mình. Có người cái gì cũng nói, gặp đâu nói đó, nói ma, nói phật, có khi nói rồi cũng không biết mình đã nói những gì. Sở dĩ người đời hay nói, nói ma, nói phật là cũng tự tâm mà ra. Hề tâm ma thì nói theo ma, còn tâm Phật thì nói như Thánh nói.

Thật vậy, cũng là lời nói nhưng có lời nói của ma và lời nói của Thánh hay Phật. Ma nói là do tâm ma, nói để tranh giành cái thấy, cái biết, khoe khoang cái hay cái giỏi của mình. Ma nói là do chấp tướng, mà bất cứ lời nói nào do chấp tướng đều là hư vọng, vì tự tướng nó đã là hư-vọng rồi (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng). Nói do chấp tướng, do vọng thức phân biệt, do tâm thức chấp trước, tức do tình mê nương theo kiến chấp dấy lên, tất cả đều là lời nói của ma. Lời nói của ma thường để đe dọa, áp đảo, mê hoặc hay

cám dỗ, khác với lời nói của Thánh hay Phật là để chỉ rõ cho
nhơn sanh thấy chỗ tội cùng của Chơn Lý, rồi từ đó lập ngôn.

Ma ở khắp cùng trong thế gian. Ma là bốn chương
ngại cản trở bước đường tỉnh ngộ của người đời và sự tu trì
của tín đồ các đạo. Chúng chẳng những xuất hiện đầy dẫy
ngoài xã hội, mà còn hiện diện ngay cả trong Thánh Thất,
trong Chùa, như trong Thánh Ngôn đã nói:

“Bày đàn ai khéo sắm đàn giây,

Để quỷ để ma ở cả bày.

Lấn bản cứ theo toan cám dỗ,

Làm cho nên nổi đạo xa Thầy.”

Giáo lý đạo Cao-Đài cũng như đạo Phật có chỉ rõ ma
cũng đó mà Phật cũng đó, nói khác hơn, địa ngục cũng là ta,
súc sanh nạ quỷ cũng là ta, con người cũng là ta và Thần,
Thánh, Tiên, Phật cũng là ta. Hễ ta lạm sát giết người tức là
ta đã tự mở cửa địa ngục cho ta rồi. Hễ ta chưởi rửa, đánh
đập, hiếp đáp người thì khác nào con cọp gầm gừ rồi cắn xé
con nai. Hễ ta dùng lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ để hại người,
hoặc hăm dọa, dùng thủ đoạn để bắt người khuất phục thì có
khác nào mưu mô chước quỷ của loài nạ quỷ. Nhưng nếu ta
nhận biết và giữ gìn nghiêm ngặt ngũ giới thì ta hiện tại là
con người và ít nhất sẽ là con người ở kiếp sau chắc chắn.
Hơn thế nữa, nếu tâm ta thanh tịnh thì ta là Hiền Thánh, và
biết tự giác, giác tha viên mãn thì quả Phật sẵn chờ. Tóm lại,
hiện tại ta là con người nhưng biết đâu tiền kiếp nào đó ta là
súc sanh có công tu được chuyển kiếp người, hoặc ta là Thánh,
Tiên vì lầm lỗi mà bị đọa trần. Điều này được nói rõ trong
đàn cơ năm Bính Dần 1926 tại chùa Gò Kén Tây Ninh. Thầy
nói: “Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh Tiên lầm lỗi”, và
trong Thánh Giáo Thầy cũng có dạy:

“Một ngày thỏn mỗn một ngày qua,

Tiên Phật nơi mình phải ở xa,

Luyện đặng tỉnh thông muôn tuổi thọ.

Cửa Tiên xuất, nhập cũng như nhà.”

Biết con người có người cốt Tiên hay Phật, và cũng dễ trở thành ma, chỉ do tâm ma mà ra, nên Thầy ân cần tha thiết khuyên bảo con Thầy rán lo tu để trở về ngôi xưa vị cũ là Thánh, Tiên hay Phật.

Trong quá trình dụng công tu tập, người tín đồ dễ tránh *ngiệp thân* nhưng *khẩu nghiệp* thì lại khó hơn nhiều. Dù người tu không phạm vọng ngữ, xảo ngữ, lường ngữ và ác ngữ, nhưng với một lời nói đùa thôi thì cũng đủ để tạo nghiệp rồi, chẳng hạn như sự dễ vui có thể trở thành ác khẩu. Thí dụ có một anh đánh bạc thua phải bán tất cả tài sản và vợ chồng gầy gổ đi đến ly dị. Anh đã đau khổ lắm rồi và nỗi khổ đau ấy luôn luôn vằng vặc. Có người gặp anh ấy vừa cười vừa nói đùa: “Ê, lúc này chắc đánh bài cao lắm rồi hả?” Câu hỏi dễ vui, chỉ vô tình có thể nhắc lại sự đau khổ của anh và âm thầm khơi dậy nỗi khổ đau cùng thảm thiết hơn nữa. Làm cho người khác đau khổ dù chỉ lời nói dễ vui cũng là phạm khẩu nghiệp, là có tội. Bất cứ lời nói nào gây đau khổ cho người khác là có tội.

Do những nét vi tế của ngôn ngữ dễ tạo thành khẩu nghiệp nên trong đạo Cao Đài Thầy luôn luôn ân cần nhắc nhở tín đồ:

A.- Nên nói thật nếu cần phải nói. Nên liệu lời mà nói. Nói đúng chỗ, đúng nơi, đúng lúc. Nên nói ít chớ đừng nói nhiều. Thầy dạy:

“Tích phước con ơi, tích phước con
Con còn lẳng lịu lắm nghe con.
Con thương con trẻ là thương Đạo.
Đạo chẳng ở xa ở tại con.”

và:

“Định ninh Thầy dặn trẻ đôi lời,
Mình biết phận mình giữ đó thôi;
Mặc kẻ thường tình ngu biếm nhẽ.
Phải coi nên chỗ để nên lời.”

Thầy bảo tín đồ phải coi nên chỗ để nên lời, tức phải lựa lời mà nói để lập ngôn. Lập ngôn có nhiều ý nghĩa rất thâm diệu, nhưng quan trọng nhất và quý nhất là ở chỗ làm sao lời nói cảnh tỉnh được người.

B.- Đừng nói xảo-mị. Đừng nói với mưu kế gian. Đừng nói khen chê và đừng di-nghị việc người:

Trong đàn cơ ngày 20 tháng 2, 1926 Thầy dạy rất rõ: “*Thầy cấm các con di-nghị việc người.*” ***Và trong Thánh Ngôn Thầy dạy như sau:***

“Cho hay Trời Phật rất công bình.
Trước mắt ngờ ngờ thấy phép linh.
Huyền diệu mũi kim qua chằng lat.
Đừng đừng xảo mị gọi tài đình.

và:

“Cung tương chùn đỡ thế nào đang.
Mất phúc ôn nhu ấy mất nhân.
Quyên biến đầu dùng khi buổi ngặt,
Dần lòng nhớ tránh kế mưu gian.”

Dùng kế mưu gian cốt để hại người bằng cách nói đâm thọc, nói như mình có đến hai cái lưỡi để gây bất hòa, hờn giận, thù hận; dùng lời nói xảo mị thêu dệt, diễn dịch ý tưởng của người khác theo ý riêng của mình với mục đích gây chia rẽ, xào xáo, mất đoàn kết, cả hai loại ngôn ngữ này đều tạo nên khẩu nghiệp. Đây là hai trọng tội về khẩu.

Ngoài ra, với nghiệp ngôn “di nghị việc người” tưởng rằng không tội, mà nếu không tội thì Thầy ân cần dặn dò nhắc nhở làm gì. Trong đàn cơ dạy về “Bát vọng Ngũ” năm Mậu Thìn 1928, Thầy bảo: “Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.”

Lời dạy của Thầy quá rõ ràng. Di nghị việc người dễ mang trọng tội. Di nghị việc người là đem việc người ra mà

bàn tán. Thế rồi quen bàn tới, tán lui mãi làm cho tâm loạn trở thành thói quen hay nói.

Thói thường, con người với tánh nết tán kỹ hủy tha, khen mình chê người nên hay nói. Có người để khen mình mà nói, để chê người mà nói, phải cũng nói, quấy cũng nói, đúng cũng nói, sai cũng nói, hay cũng nói, dở cũng nói, nói mãi rồi đâm ra quen nói hay dở, phải quấy, đúng sai, tốt xấu, v.v. toàn là những chuyện thị phi.

Thị có nghĩa là phải. Phi có nghĩa là quấy. Nếu cứ nói phải nói quấy thì phải quấy biết đến chừng nào mới xong vì ít ai nhận mình quấy mà thường chỉ thấy mình phải. Có câu:

“Thuyết thị thuyết phi hà nhật liễu
Vô minh hải hoạt ngã sơn cao.”

nghĩa là nếu cứ nói phải nói quấy thì biết đến ngày nào mới nói hết được. Càng nói thì càng làm cho sự mê muội, sự vô minh của mình càng thêm rộng lớn như biển cả mênh mông và cái ngã của mình càng cao như núi. Chính cái ngã này đã bại-hoại con người, khiến con người tán kỹ hủy tha.

Thật vậy, nếu thấy ngã tướng mình cao thì theo sau đó ngã kiến của mình là hay là đúng, ai đụng tới thì chẳng chịu thua. Vì thấy ngã tướng ngã kiến cao nên từ đó sanh ra càng ái ngã, thương nó và bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào. Từ ngã tướng, ngã kiến, ngã ái đưa đến ngã mạn, xem thường mọi sự, mọi vật, mọi người. Đây là cái bệnh chấp ngã.

Người chấp ngã, thấy ngã cao có ba thứ tâm bệnh:

a/ Dễ coi thường, dễ khinh khi người khác

Coi thường hay khinh khi người khác là một cái tội vì con người ai cũng có Chơn Linh, và mọi Chơn Linh đều bình đẳng khi Thầy ban, chỉ khác nhau ở chỗ mê hay ngộ khi đã nhập thế mà thôi. Thầy ban cho các con Thầy mỗi người một Chơn Linh đồng đều, không ai hơn, không ai kém. Vậy coi thường bất cứ người nào là không trọng Chơn Linh mà Thầy đã ban đồng đều cho các con của Thầy vậy.

b/ Dễ nổi sân:

Người thấy ngã mình cao hẳn bị chê là hờn giận, dễ nổi sân, mà sân si là một trong tam độc, một trong thập ác đối với người tu. Nếu phạm phải sân, cửa Thiên đình liền đóng, vì muốn đến được Thiên đình thì phải hành từ thập thiện mà một trong thập thiện là tránh được sân. Thầy có dạy:

“Trình ta ta sẽ đỡ nâng chơn,
Khuyên một điều con khá giảm hờn.
Hễ ghét người thì Trời ghét lại,
Ghét người Trời ghét lẽ nào hơn.”

nghĩa là các con Thầy nếu người nào muốn trở về ngôi vị cũ hãy đến trình Thầy. Thầy sẽ chỉ cho nẻo CHƠN để tránh nẻo HƯ, cái THẬT để tránh cái GIẢ. Trước tiên Thầy khuyên đến trình Thầy và tiếp theo đó Thầy khuyên hãy giảm hờn tức đừng nổi sân, đừng ghét bỏ ai vì hễ ghét người thì bị Trời ghét vậy.

c/ Dễ vị kỷ và ác độc:

Thật vậy, người chấp ngã cái gì cũng muốn mình hơn, chỉ nghĩ cho mình. Đó là Vị Kỷ. Càng vị kỷ thì lại càng ác độc. Sở dĩ chê người khác là để đưa mình cao thêm, để tăng cái ngã của mình, chẳng cần biết đến sự đau khổ của người bị chê, thế là ác độc. Khen chê, nói phải quấy, nói đúng sai là cố ý phô bày cái dở, cái quấy, cái sai của người khác và chỉ có mình là hay, là phải, là đúng, là tốt, là giỏi mà thôi.

Tuy nhiên, nếu xét kỹ, đúng và sai có phải tuyệt đối đúng và sai không; tốt và xấu có phải tuyệt đối tốt và xấu không; phải và quấy có tuyệt đối là phải và quấy không, v.v.? Không phải như vậy. Cách thấy vừa nói chỉ là cách thấy biên kiến, phiến diện, hai bên đối đãi, chớ không phải là chơn lý. Sự thật không có cái gì tuyệt đối, cố định cả, mà mọi sự vật luôn luôn biến đổi. Cùng một sự việc mà có thể đúng nơi này, sai nơi khác, đối với người này thì phải, người kia thì quấy, v.v. tức tùy thuộc vào không gian, thời gian, cá nhân hay tập thể. Xin đơn cử những thí dụ như sau:

1.- **Đúng sai:** Đúng sai không tuyệt đối cố định mà luôn luôn biến đổi. Đúng sai tùy thuộc vào không gian, thời gian và con người.

* Về không-gian: như tại nước Anh và các nước thuộc Khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth) thì người ta lái xe bên tay trái đường lộ. Vậy lái xe tay trái là đúng mà lái bên tay, phải là sai. Trái lại, tại nhiều nước khác, rõ nhất là nước Pháp, lái xe tay trái là sai mà lái bên tay phải mới đúng. Chỉ cách nhau về không gian có 30 cây số với eo biển Manche mà đúng sai khác biệt hoàn toàn, quá rõ ràng.

* Về thời gian: như tại nước Tàu và vài nước kế cận, trước đây vua là thiên tử. Vua muốn giết ai cũng được. Bề tôi trung với vua khi vua bảo chết là phải chết. “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung” mà hình ảnh Tử Cang là điển hình. Thử hỏi ngày nay quốc trưởng nước Tàu còn có thể bảo người nào thì tự động người ấy phải tự tử được không. Chắc chắn là không. Thời gian đã làm thay đổi. Ngày xưa đúng, ngày nay sai. Đúng sai tùy thuộc vào thời gian.

* Với con người: đúng sai tùy căn cơ, tùy nhận thức của mỗi người. Chuyện kể có một cặp vợ chồng ra đồng làm việc, chồng điui, vợ điếc. Khi cả hai đang gặt lúa bỗng có vua đi qua ở trên lộ xa xa. Đoàn của vua đi cờ xí rợp trời trống chiêng inh ỏi. Người vợ hỏi chồng cái gì vậy. Chồng vì điui chẳng thấy mà chỉ nghe nên bảo rằng tiếng kèn, trống, chiêng hòa nhau nghe vui quá. Người vợ vì điếc cãi lại tiếng kèn, trống, chiêng đâu có chỉ có cờ xí phát-phối thôi. Hai người cãi nhau rồi giận nhau bỏ về không gặt lúa nữa. Như vậy hỏi ai đúng, ai sai. Không ai hoàn toàn đúng mà cũng không ai hoàn toàn sai. Đúng sai là tùy căn cơ, tùy cái nghe, cái thấy, cái nhận thức của mỗi người. Đúng sai không tuyệt đối, cố định mà chỉ tương đối thôi.

2.- Phải quấy:

Phải quấy cũng vậy. Phải quấy không cố định mà biến đổi tùy nơi, tùy lúc. Như tại các nước theo Hồi Giáo, người đàn ông được quyền có 4 vợ. Như vậy, chánh thức có 4 vợ là phải chớ không quấy chút nào cả. Còn tại Hoa Kỳ hay Việt Nam và nhiều nước khác, người đàn ông có hai vợ đã là quấy lắm rồi, đừng nói chi tới ba bốn. Như tại nước Úc chẳng hạn, theo luật thì bất cứ ai có hai vợ là phạm tội, đã thành tội rồi chớ không còn nói chi phải quấy nữa.

Thí dụ thứ hai là thời xưa ở Việt Nam, con gái cha mẹ đặt đâu ngồi đó. Vậy là phải, cái lại là quấy. Ngày nay, phần lớn ở Việt Nam đã khác, nhưng đặc biệt ở ngoại quốc như nước Úc chẳng hạn, hầu như con đặt đâu cội được được là cha mẹ sẽ ngồi đó vậy không có quấy chút nào cả. Văn hóa Úc như thế, không có gì quấy mà là như vậy.

3.- Thiện ác:

Thiện ác cũng vậy. Cũng cùng một sự việc mà đối với người này là thiện, đối với kẻ kia thì ác. Như một con chồn, vào một buổi chiều trời sắp tối. Nó rượt theo con gà để bắt làm mồi ăn và tha về cho con nó ăn. Có một cậu bé thấy vậy, muốn cứu con gà, nên đuổi con chồn đi. Chú chồn chạy đi và không bắt được con mồi. Đêm đó nó nhịn đói và con nó cũng bị đói. Vậy với chú chồn thì cậu bé là ác vì làm cho mẹ con nó đói. Nhưng với cậu bé thì cậu đã làm một việc thiện cứu được con gà. Vậy cũng một sự việc mà thiện ác không cố định mà tùy nơi, tùy lúc, tùy người mà trở thành thiện hay ác.

4.- Đúng với đúng là sai:

Xin được kể ra đây câu chuyện “Phong Phang”

Lục Cổ Huệ Năng được Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn trao Y-bát để làm tổ Thiền Tông, thứ 6 lúc Ngài Huệ Năng vẫn còn là một cư-sĩ chớ chưa phải tu sĩ. Ngũ Tổ ban đêm đưa Ngài ra bến dò chạy về phương Nam. Phe Thượng Tọa Thần Tú đuổi

theo để giựt y bát lại. Tổ Huệ Năng phải lẩn trốn, rày đây mai đó, có lúc phải sống với bọn thợ săn và đi săn thú.

Khi Ngài đến được Quảng Châu vào sân chùa Pháp Tánh lúc Pháp Sư Ấn Tông đang giảng kinh Niết Bàn. Ngoài sân chùa có hai vị tăng cãi nhau mãi không thối về việc lá phướng treo trong sân chùa đang bay trước gió. Một vị tăng nói phướng động. Vị tăng khác nói gió động. Không ai chịu thua. Ai cũng cho rằng mình đúng không chịu mình sai. Tổ Huệ Năng bèn tiến đến bảo: “Không phải gió động, cũng không phải phướng động, mà tâm của hai ông động.” Thật, là một câu nói đầy bất ngờ từ một cư sĩ. Câu nói này có nghĩa cả hai vị tăng, mỗi người đều tự cho mình đúng, nhưng cả hai đều không đúng, mà cả hai đều sai.

Sở dĩ Tổ nói không phải phướng động, cũng không phải gió động là vì nếu có là phướng mà không có gió thì lá phướng làm sao động được. Nhưng nếu có gió mà không có là phướng treo trên cột phướng thì gió cũng không thể làm cho phướng bay được. Nhìn vào cột phướng đứng im lìm thì nào thấy động được. Động ở đây là tướng duyên hợp, do hai hay nhiều yếu tố hợp lại mà thành tức có duyên hợp mới có động, không duyên hợp thì không động. Động là do hai yếu tố gió và phướng hợp lại, nếu chỉ nhìn một mà nói thì sai.

Tại sao Tổ lại bảo tâm hai vị tăng động? Vì hai vị tăng chấp và chỉ chấp có một bên. Khi chấp là dấy niệm để chấp. Dấy niệm thì phải dùng tâm. Dấy niệm do dùng tâm thì tức nhiên tâm động. Do đó mà nói tâm động. Ở đây Lục Tổ muốn chỉ thẳng cái gốc của sự cãi nhau là do tâm chấp. Mà hễ dấy niệm chấp là có tranh cãi, và động là từ cái chấp đó mà ra.

Câu chuyện “Phong Phang” trong kinh Pháp Bảo Đàn muốn bảo người đời rằng: lời nói thường chỉ phiến diện thôi chớ không đạt được Chân Lý. Người đời vì chưa tỉnh giác vẫn còn mê muội nên thường hay tranh hơn thua qua lời nói. Vì thế cũng trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy rằng: “Người mê miệng nói, người trí tâm hành.” Mà Đức Lão Tử

từ trước cũng đã dạy: “Hành bất ngôn chi giáo.” Là vì theo Đức Ngài cái sai là bề trái của cái đúng, cái quấy là bề trái của cái phải, cái ghét là bề trái của cái thương, thương ghét là một không có gì khác nhau, mới thương đó rồi ghét đó, mới quấy đó rồi phải đó, mới sai đó rồi đúng đó. Ở đời có ai quấy mãi đâu. Cũng có lúc làm phải. Ở đời có ai nói sai mãi đâu, cũng có lúc nói đúng. Phải quấy, đúng sai cũng từ ở một người, chỉ hiềm vì mê mà quấy và sai, còn tỉnh thì đúng và phải. Tất cả chỉ do tâm, mê hay tỉnh. Do biết người đời nhiều mê ít tỉnh, nhận vọng tâm cho là mình, nhận giặc làm con (theo như lời nói của Đức Phật), chớ không thấy được Chơn Tâm nên Đức Lão Tử Khuyên người đời nếu muốn được Đạo đừng có nhìn sự vật bằng cặp mắt nhị nguyên, chia phân nhị ngã mà phải thấy cả thấy đều là một.

Người tín đồ Cao Đài hằng ngày cúng tứ thời thường nhìn thấy một đó là Thiên Nhân. Dù vậy, khi hết cúng đi về quên đi, cũng có người chấp nhị nguyên, nhị ngã rồi sinh ra bất đồng ý với nhau. Có gì là nhị nguyên, nhị ngã đâu. Cùng một người, nhưng có khi người ấy nói sai, làm quấy mà cũng có khi người ấy nói đúng, làm phải, chớ nào phải đó là hai người, là nhị ngã. Sở dĩ người đời phiền não nhiều, khổ đau nhiều là cũng do chấp nhị ngã, nhị nguyên, tức chấp hai bên. Nhìn Sự hay Tướng thì có hai bên nhưng đạt Lý hay Tâm thì không có. Giáo lý “Pháp Môn Bất Nhị” của nhà Phật có giải rõ giáo pháp này và Lão Giáo cũng có đề cập với “thuyết Tương Đối.” Trong Kinh Cơ của đạo Cao Đài cũng thế, cũng có đề cập đủ cả, chỉ hiềm vì Tạng Luận chưa được khai triển.

Trở lại với đạo Lão, cái mà Đức Lão Tử chống đối là nhìn mọi sự vật trên thế gian này, nhìn cuộc đời bằng khối óc phân chia dài ngắn, cao thấp, đúng sai, phải quấy, tốt xấu, thiện ác, khen chê, v.v. Sự phân chia như vậy là sai, là trái Đạo. Sự thật chúng không rời nhau, chúng tương tùy, tương sinh. Thí dụ có cao mới thấy thấp, có ngắn mới thấy dài. Thử đem cây thước học trò gạch hàng giấy tập vở so với cây thước dài một thước của thợ mộc thì cây thước ngắn hơn cây

sau. Nhưng nếu đem cây thước của người thợ mộc so với cây thước giầy của người thợ may dài hơn hai thước thì đến lược cây thước mà ta nói dài tức cây thước của người thợ mộc lại trở thành ngắn. Nếu đem cây thước giầy của người thợ may so với giầy thước của một trác địa sư đo đất thì từ dài, cây thước của người thợ may tự nó trở thành ngắn, v.v. Dài ngắn chỉ tương tùy, tương sinh, tương đối chứ không tuyệt đối. Có dài có ngắn là do sự phân biệt hữu lậu mà ra. Cao thấp, tốt xấu, khen chê, v.v. cũng vậy. Tất cả đều tương đối, tương sinh. Không có cái này thì chẳng có cái kia. Đức Lão Tử nói: “Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, tiền hậu tương tùng.” để chỉ sự tương sinh, tương tùy, tương đối, v.v. Sở dĩ người đời phân chia cho đó là hai là vì óc phân biệt mà ra chứ nào phải là hai. Đã biết vậy thì đừng nên nói hơn thua, cao thấp, có không, tốt xấu, khen chê. Nếu lấy óc phân chia này để so sánh, chỉ trích, phê bình nhau là điều chẳng nên làm. Lập ngôn mà cứ chỉ trích, phê bình nhau, không xa rời óc nhị phân, nhị ngã thì càng ngày càng xa Đạo. Con người nếu muốn được Đạo thì phải bỏ cái óc chia phân. Đức Lão Tử gọi đó là “Giải Kỳ Phân” mà các thí dụ trong bài này về đúng sai, phải quấy, v.v. đã có giải phần nào dù chỉ rất ít thôi.

Với Thuyết Tương Đối và giáo pháp Giải kỳ Phân, Đức Lão Tử muốn chỉ cho thấy bậc Thánh Nhân sở dĩ đạt đến Đạo tức trạng thái Tuyệt Đối chỉ vì biết rõ mình có mắc bệnh Nhị Nguyên, phân chia nhị ngã. Do biết có cái bệnh phân tán đó nên đã phòng ngừa và tỉnh ngộ. Đức Lão Tử nói: “Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.” Nghĩa là biết mình có tâm bệnh thì tâm bệnh đó sẽ được trị hết. Tâm bệnh này là cái bệnh cứ nói đúng, nói sai, nói phải, nói quấy rồi khen chê, thương ghét, v.v. Đúng sai nào có khác hai bề mặt của một đồng tiền, đúng đó rồi cũng có thể sai đó. Phải quấy cũng do một người, chỉ vì tâm bệnh mà ra. Có gila hai, có gì cố định. Vậy thì còn khen chê làm chi, thương ghét làm

gì. Nếu cần phải khen là cốt để khuyến thiện, cốt để giúp người được vui tươi hạnh phúc, ổn định tâm hồn. Nếu cần phải thương là để cứu người sa cơ, thất thế, già cả, tật nguyền hay gặp hoạn nạn, đó là hành thiện tạo nghiệp lành. Còn phải báng chê người, hay hờn giận ghét người chỉ có chuốc lấy ác nghiệp mà thôi.

Muốn “vô ngôn hành” được như lời Đức Lão Tử khuyên để tạo phước huệ, để đạt Đạo thì phải dùng Trí như Đức Ngài đã dạy. Trí đây là Trí Đạo tức Trí Tuệ, Giải Thoát mà nhà Phật gọi là Trí Tuệ Bát Nhã chớ không phải trí thế gian.

Trí Đạo hay Trí Tuệ Giải Thoát, theo tôn giáo Cao Đài, là trí thấy được “Nhược thiệt nhược hư; Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa; thị không thị sắc; vô vi nhi dịch sử quần linh...” và còn nhiều nữa bằng bạc trong kinh và cơ Đại Đạo. Còn trí thế gian là trí làm cho mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất... Về trí thế gian thì Đức Lão Tử chê lắm. Trong Đạo Đức Kinh, Đức Ngài có nói như sau:

“Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột” nghĩa là rất thẳng dường như cong, rất khéo dường như vụng, rất hùng biện dường như lấp bắp ấp úng vậy. Có người khéo nói, nói giỏi, thường nói thao thao bất tuyệt để tranh biện, chứng tỏ rằng mình giỏi, mình hơn người, lý luận mình sắc bén, v.v. để rồi từ đó thấy người thua, người dở, mà nào có biết đâu khi mình càng trở tài hùng biện, phóng chạy theo sự tướng thì tâm mình chỉ chứa chấp toàn vọng niệm điên đảo của thế gian chớ nào phải tâm đạo. Dùng trí thế gian để hơn thua, theo vọng tâm để tranh chấp, chỉ cốt làm bại hoại cái tâm đạo mà thôi.

C.- Phần A và B đã bàn về vọng ngữ, xảo ngữ, lưỡng ngữ. Trong phần C xin được lam bàn về ác ngữ:

Con người bản ngã vốn ham sống và bảo vệ cuộc sống của mình bằng mọi cách. Theo triết gia Pháp Bergson

thì đây là một thực tế. Triết gia Bergson mô tả sức sống mãnh liệt của con người (élan vital) qua hai bản năng. Đó là bản năng sinh tồn (instinct de conservation) và bản năng tàn phá (instinct de destruction). Hai bản năng này làm cho con người thiên về ác hơn là thiện.

Vì để bảo vệ mình nên bằng mọi cách con người phải diệt trừ tất cả mọi mầm mống, mọi yếu tố, mọi sự vật có thể làm hại đến mình.

Rồi với cái đà sức sống vươn lên (élan vital) con người phải tàn phá tất cả những gì cản trở đường mình đi, con đường tiến thủ của mình. Do đó mà trong việc làm hay lời nói, con người thường hay tìm cách vuì dập, đè bẹp người khác, dù cho việc làm ấy có đúng hay sai đối với lương tâm, con người vẫn thờơ làm. Làm và nói để chứng tỏ ta hay người dở, ta đúng người sai, ta phải người quấy, ta tốt người xấu, và nhất là ta cao và mọi người đều thấp hơn ta. Tất cả việc làm lời nói càng ngày càng làm cho con người giảm thiện tăng ác nếu chẳng biết tu đúng theo con đường chơn đạo.

Biết rõ người thế gian như vậy nên Đức Chí Tôn trước đây đã lần lượt sai các con Ngài xuống trần lập Đạo để dạy người đời tránh ác làm lành.

Ngày nay, Đức Chí Tôn tự Ngài giáng trần dạy đạo với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài đã qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, vì vậy mà trong giáo lý đạo Cao Đài có tất cả tinh túy giáo lý của tất cả các Đạo khác, trong đó việc hành thiện tránh ác là một giáo pháp.

Đức Chí Tôn dạy các con Ngài một khi đã nhập môn rồi thì phải giữ gìn ngũ giới, mà trong ngũ giới thì ngữ giới là khó nhất, vi tế nhất, phạm hay không thường ở tại giới này.

Thật vậy, giết người, trộm cắp hay tà dâm rất dễ tránh, nhưng nói làm cho người đau khổ mà có khi mình hầu như không hay biết, thật khó tránh. Đây là một nét vi tế về ác ngữ, do ác khẩu mà ra. Chính vì sự vi tế của ngôn ngữ mà Thầy khuyên bảo các con Thầy nên thận trọng cẩn ngôn, ít nói càng tốt, không nói càng hay.

Không nói đây chẳng phải không nói gì cả, vì nếu không nói gì cả thì con người làm sao giao tiếp với nhau được. Có nhiều người hiểu lầm chỗ này rồi tịnh khẩu, không nói lời nào, nhưng đi đâu thì cầm theo cây viết và tờ giấy. Hễ muốn hỏi gì ai thì viết ra và có ai hỏi gì thì không trả lời thành tiếng mà chỉ viết trên giấy để trả lời thôi. Họ không biết rằng đó cũng là một trong nhiều cách nói. Người ta có thể nói bằng cách ra dấu, bằng hành động (body language) như đưa hai tay lên là nói đầu hàng, nhắm mắt là nói đau hay nói không đồng ý, v.v. Như vậy dù lời không nói nhưng ý lại có nói.

Tóm lại, như trên đã trình bày, lời nói tự nó không có. Nó do 8 duyên hợp mà thành. Trong 8 duyên hợp này quan trọng nhất là ý (não). Lời nói là do từ ý mà nói. Không nói là không có ý để nói. Ý là chủ, là thể mà lời chỉ là dụng, là phương tiện mà thôi. Nếu con người không có ý thì làm sao nói ra lời được. Như vậy, không nói lời ác là tự nơi ý đã không ác rồi.. Tương quan giữa lời nói và ý mật thiết như vậy. Do đó, hễ tránh được ý ác thì sẽ không có nói ác. Điều quan trọng là phải tránh từ ý để không gây ra nghiệp và cả khẩu nghiệp, chớ lời nói thì khi cần con người vẫn phải nói. Nhưng cần đây là cần những gì?

Phàm con người ai cũng thích nghe lời nói êm tai, lời nói thiện lành. Cái mà con người cần, đó là lời nói nho nhã, thanh tao, ngay thẳng thật thà, thương yêu đoàn kết, an ủi lẫn nhau, v.v. Vậy để vừa lòng người cũng như thuận lòng Trời (thu ận như tâm ất tuận Trời), người tu nếu cần phải nói thì nên nói những gì có đạo lý, thiện lành và nên tránh những lời nói ác. Thầy có dạy rằng:

“Nho nhã con tua tập tánh tình.

Ở đời đừng tưởng một mình lành.

Một câu thất đức thiên niên họa

Nhiều nỗi trầm luân bởi ngọn ngành.”

Chỉ một câu thất đức thôi là có thể bị họa đến cả ngàn năm. Vậy nói thất đức, nói ác làm chi để phải bị trầm luân; Nói ác

là nên tránh. Tránh được nói ác cũng là một bước trọng 10 bước tiến tu lên Thập Thiện.

Muốn đạt đến Thập Thiện để siêu thăng, trước tiên người tu phải giữ giới cấm, đừng thất ác vì trong Ngũ Giới Cấm của Đại Đạo có đến 8 điều cấm chớ không phải chỉ có 5 thôi. Đừng thất ác là bước đầu để hành trì thất thiện. Thất thiện đó là:

1.- Thay vì sát sanh, nên phóng sanh.

2.- Thay vì trộm cắp, nên bố thí.

3.- Thay vì tà dâm, nên giữ trong trắng, trinh bạch.

4.- Thay vì nói láo, nên nói thật.

5.- Thay vì nói thêm bớt, thêu dệt, nên nói ngay thẳng, trung chính.

6.- Thay vì nói đâm thọc, nên nói lời hòa hợp, đoàn kết.

7.- Thay vì nói lời độc ác, nên nói nho nhã, thanh tao, thiện lành, thương yêu hòa ái, an ủi người.

Còn ba thiện nữa là phải tránh tam độc: tham, sân, si (tà kiến). Tam độc này rất khó tránh, dù vậy cũng tránh được. và trong Kinh Cơ Đại Đạo cũng có dạy.

Để có thể tránh tam độc, hoàn thành tam thiện cuối cùng, điều quan trọng là người tu phải cố gắng trước tiên hành trì tam thiện về thân và tứ thiện về ngôn. Đặc biệt về ngôn, người tu nên thận trọng cẩn ngôn và luôn luôn nhớ rằng:

“Đạo bản vô ngôn
Ngôn sinh lý tán
Ngôn ngữ Đạo đoạn”

(Còn Tiếp)

HỌC ĐẠO VÀ HÀNH ĐẠO

Một người mới nhập môn vào đạo (Tôn giáo) cũng giống như một người mới cấp sách đến trường. Thế nhưng người thành công trên đường học vấn mỗi năm có biết bao nhiêu kẻ thành danh nào là chuyên viên, kỹ sư, bác sĩ, luật sư, thạc sĩ, tiến sĩ, bác học! Trong khi đó người vào đạo số lượng không kém bao nhiêu, nhưng người thành đạo thì thưa thớt như cánh chim trời trong cơn bão tố!

Người đi học vào trường nghe Thầy, Cô **GIẢNG BÀI** rồi **SUY TƯ** cho thấu đáo, rồi **LÀM BÀI** cẩn thận sẽ được điểm cao, việc đỗ đạt là điều tất nhiên.

Còn người **HỌC ĐẠO** cũng vậy, tức là phải được **NGHE GIẢNG** giáo lý, rồi cũng phải **SUY TƯ** cho thấu đáo rồi làm theo điều đã học, thế nhưng tại sao người thành đạo, được tiếng là người đạo đức lại quá khiêm nhường?

Phải chăng **HỌC ĐẠO** còn có điều gì khó khăn ẩn khuất? Xin mời huynh tử nghe lại những lời thổ lộ can trường của một trong chư vị tiên khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

“Chúng Tiên Huynh chỉ muốn nói riêng với chư hương đạo và các em trong phạm vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Điều cần yếu là mỗi cá nhân trước hết phải tự lo tu học về nội tâm. Có tu học, lòng mới thành và thiết tha với tôn chỉ, mục đích của Đại Đạo. Hề lòng có thành có thiết tha với tôn chỉ mục đích đó thì không còn những gì là riêng tư trong khi cùng nhau bàn bạc, thảo luận và nghị quyết một vấn đề gì trong lễ đạo. Bởi vì đạo là hoàn thiện bản thân để lo phổ độ người đời vào đường chánh giáo, không tư kỷ không lợi lộc về danh vọng tiền tài, thì có chi đâu mà tranh giành ảnh hưởng, vì mỗi người đều lo lập công bồi đức, giác ngộ khuyên nhủ người đời vào đường Thánh Thiện. Dầu hình thức nào chăng nữa mục đích chánh đạt được là quý rồi. Duy chỉ có một điều chưa gặp nhau, đó là quan niệm dị đồng về phương pháp hoàng dương chánh giáo, phổ độ chúng sanh.

Chúng Tiên Huynh năm xưa đã vấp phải chỗ dị đồng về quan niệm. Hơn thế nữa, vì trong thời kỳ đạo sơ khai, sự tu học về nội tâm chưa được bao nhiêu, thế nên lòng tự ái, tự cao, tự phụ mỗi người quá lớn, còn đức hy sinh cái bản ngã thì chưa có bao nhiêu.

Đó là nguyên nhân nảy sinh ra nhiều hình thức hành đạo mà ngày nay các em hằng nói là chia chi rẽ phái. Ước gì sự tu học về nội tâm, hy sinh được bản ngã chúng Tiên Huynh trước kia mức độ được như các em hiện thời thì sự kiện cũng chưa đến nỗi nào. Mà cũng may thay, dầu trong chiều hướng nào, trong phạm vi nào như sanh cũng vẫn giữ được truyền thống Cao Đài. Đó là điều rất tốt cho công cuộc qui nguyên đạo ngày kia...”

Sau đây là thái độ của một vị chức sắc đại thiên phong mà phần lớn anh em chúng ta biết được đó là ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Hiếu Thanh.

Ngài Thái Chánh Phối-Sư là Hội-Trưởng Hội-Đồng Chưởng Quản Tòa-Thánh Tây-Ninh. Về sau ngài Thái Hiếu Thanh từ chức Hội Trưởng Hội Đồng Chưởng Quản, cáo lão hồi hưu. Ngài về Saigon ở đường Phát Diêm (gần chợ Cầu Kho) đi dưỡng tinh thần. Ngài làm đơn xin vô hiệu hóa chữ ký của ngài, từ ngày 30/4/75 đến ngày làm đơn trên mọi giấy tờ về mặt Đạo cũng như mặt Đời, đến các cấp chánh quyền từ Trung-ương đến địa phương. Việc làm này rất nguy hiểm cho bản thân của Ngài nhưng ngài vẫn không màng.

Có người đến thăm ngài và hỏi thăm về sức khỏe và mong ngài trở về Tòa Thánh tiếp tục con đường hành đạo.

Ngài đã trả lời: “Qua đã hành đạo suốt hơn 50 năm qua, không có thì giờ học đạo, nay Qua dành ít thì giờ còn lại để HỌC ĐẠO”.

Qua hai câu chuyện trên, một vị tiền bối đã trở về Tiên Vị cho biết khi các ngài còn tại thế, vì thời buổi đạo sơ khai nên các ngài không đủ thời gian HỌC ĐẠO (tu học về nội tâm). Riêng ngài Thái Chánh Phối Sư đã trải qua hơn 50 hành đạo, bỗng chốc thay đổi một cách dứt khoát, cáo lão hồi hưu, dành thì giờ còn lại để HỌC ĐẠO.

Có thể nói phần lớn chúng ta không lưu tâm đến sự khác nhau giữa HỌC ĐẠO và HÀNH ĐẠO mà chỉ chú trọng đến việc học đạo là kim chỉ nam của việc hành đạo; cho nên nhiều người bỏ nhiều công sức hành đạo mà kết quả không được bao nhiêu, thậm chí có người quá tích cực hành đạo lại quên học đạo (thiếu kim chỉ nam) nên dễ thất bại, rồi đâm ra mất lòng tin, kế tiếp là xa Thầy bỏ Đạo!

Đối với mọi Tín đồ Cao Đài hiện nay, có ba vấn-đề lớn của ĐẠO CAO ĐÀI là:

Thứ nhất: Toàn thể tín đồ Cao Đài qui về một mối, không còn phần biệt chi nầy Phái khác.

Thứ hai: Có được một HỘI THÁNH DUY NHỨT làm Thánh Thể của Đức Chí Tôn tại thế; có đủ quyền hành dẫn dắt tín đồ theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và các Đạo Luật trước nay của Hội Thánh.

Thứ ba: Truyền bá giáo lý Cao Đài khắp thế giới nhân loại.

Ngày xưa các Tôn Giáo dùng phương pháp HỌC ĐẠO trước cho đến khi nào đáng mặt làm thầy thiên hạ rồi mới HÀNH ĐẠO tức là thâm nhận đệ-tử để truyền bá giáo lý, sở học, sở hành của mình. Phương pháp nầy rất đúng đắn, nhưng phải mất một thời gian vài ba thế kỷ mới hoàn chỉnh. Bởi vì xưa kia tánh tình con người người còn nhiều lương-thiện, không cần phải gấp lắm. Còn ngày nay con người nhờ sự phát minh khoa học, tạo ra nhiều phương tiện, tiền tài, của cải, vật chất làm cho lòng người quên đi cái thiên lương, lo tranh đoạt của cải vật chất; lợi dụng sự phát minh của khoa học tạo ra vũ khí có tầm sát hại rất ghê gớm để xưng bá xưng hùng, gây bao đau thương tang tóc, đưa đẩy loài người vào cơ tự diệt.

Giả sử có một sự lỗi lầm nào mà người ta không còn tự chế được, khi cho các kho vũ khí trên thế giới hiện nay phát nổ hết một lần thì quả địa cầu 68 nầy sẽ hoàn toàn mất sự sống đến mấy lần. Cái nạn tự diệt của con người hiện nay nó quá nguy hiểm như thế. Cho nên THƯỢNG ĐẾ không thể dùng lối khai đạo theo lối xưa được. Thời thế cấp bách phải có hành động cấp bách.

-Nhà đang bị cháy việc cần là phải chạy ra khỏi nhà, còn việc ăn mặc; giày dép, tóc tai là việc phụ. Còn việc chữa cháy thì bất cứ phương tiện nào dùng được thì dùng, không câu nệ, chấp nứt hay đợi phân công.

-Vì lý do đó mà Đấng Chí Tôn Thượng Đế phải dùng huyền diệu cơ bút, giáng điển linh khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho nhơn sanh một cách chớp nhoáng.

Theo đàn cơ ngày mùng 1 tháng giêng năm Đinh Mão (2-2-1927) “Thầy lập Đạo năm rồi ngày nầy thì môn đệ của Thầy chỉ có 12 đứa, mà 4 đứa đã rơi vào tay Chúa Quỷ, chỉ còn lại 8. Trong 8 đứa thì còn lại một đôi đứa biếng nhác mà không hành đạo. Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thật lớn giáng thế đi nữa cũng chưa có phương chi độ hơn bốn muôn (40000) sanh linh nhờ tay có 6 đứa môn đệ trong một năm cho đặng bao giờ.

Thầy vui mừng. Thầy khen tặng hết thầy bốn muôn môn đệ của Thầy...”

Tết Bính Dần (1926) Thầy mới có 12 môn đệ đầu tiên: Chiêu, Kỳ, Trung, Hoài, Bản, Sang, Quý, Giảng, Hậu, Đức, Tấn, Cư. Đến tết Đinh Mão (1927) Thầy có hơn 40,000 môn đệ, đồng thời Đạo Cao Đài trở thành qui củ của một nền Tân Tôn Giáo hoàn chỉnh: Gồm có Tân luật; Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài (cơ quan hành pháp), Pháp chánh Truyền Nữ Phái (chỉ có nền Tân Tôn Giáo Cao Đài do Đức Thượng Đế khai mở mới có) Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài (cơ quan lập và bảo vệ luật pháp đạo) và còn có Bát Quái Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế chưởng quản có hằng hà sa số Chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần phò tá. Tóm lại chỉ trong vòng một năm Đạo Cao Đài đã nên hình nên tượng, mặc dù dân tộc Việt Nam đang bị sự đô hộ của đế quốc Pháp.

Thầy đã nói: “Nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho nhơn loại...” Nghĩa là loài người đang trên bờ vực thẳm của cơ tự diệt, cho nên Thầy phải dùng phương pháp mở Đạo cấp tốc hầu chặn đứng sự diệt vong của nhơn loại. Nếu chần chừ e không còn kịp nữa. Vì vậy mà lời minh thế nhập môn làm đệ tử của Thầy rất nặng nề hầu mọi

người phải quyết tâm gìn giữ bốn phận để khỏi bị lỗi thệ. Khi nhập môn vào đạo rồi dù là ở phẩm cấp nào cũng có bốn phận truyền bá giáo lý của Thầy mà phổ độ chúng sanh, tức là Thầy muốn chúng ta phải vừa HỌC ĐẠO vừa HÀNH ĐẠO vậy.

Như chúng ta biết chư vị tiền khai đầu là do chơn linh các đấng Tiên, Phật hạ phàm mang nhục thể để cho Thầy dụng làm nòng cốt trong lúc khai đạo. Có nghĩa là các đấng ấy mới mang xác phàm có một kiếp mà còn “Trầy vi tróc vảy” đến nỗi mang tiếng là chia chi rẽ phái làm trở ngại rất nhiều trên phương diện truyền bá giáo lý. Đó cũng do HỌC ĐẠO (trau dồi đạo tâm) chưa tới nơi tới chốn mà phải lo HÀNH ĐẠO cấp tốc mới nên cố sự.

Ngày nay có thể nói chúng ta có nhiều thời gian để HỌC ĐẠO hơn chư vị tiền bối; nhưng không biết chúng ta đã trẫm luân nơi cõi trần này bao nhiêu trăm ngàn kiếp thì làm sao tránh được lỗi lầm! Hơn nữa, ngày mới khai đạo, chưa vị tiền bối luôn luôn có Thầy cùng các đấng Thiêng Liêng giáng cơ dạy bảo đêm ngày. Còn nay chúng ta, Hội Thánh đã bị giải thể, cơ bút cũng không mà trên vai phải gánh đến ba gánh thật nặng nã:

-Thứ nhất: Tình trạng chia chi rẽ phái chưa có điều kiện hiệp nhất, mà đâu có cũng bị tách phàm (chấp ngã) quá lớn nên không thực hiện được.

-Thứ hai: Phổ độ chúng sanh toàn thế giới.

-Thứ ba: Trút bỏ phàm tâm để cho đạo tâm được sáng. Tuy là gánh thứ ba nhưng cũng là gánh nặng nề nhất, giải quyết được gánh này thì hai gánh kia tự nhiên dễ giải quyết hơn.

-Nêu lên như thế, không có nghĩa chúng ta phải đầu hàng! Tục ngữ Việt Nam có câu: “Có công mài sắt, chầy ngày nên kim” Hơn nữa ông Thầy của chúng ta là ông TRỜI là đấng cầm quyền càn khôn thế giới, không lẽ Ngài không biết sự mê muội, ngu dốt, lười biếng, đâu có bắt chúng ta phải chịu trách nhiệm những việc làm của người khác?

Đức Thượng Đế đã dạy: “...Mọi sự khó khăn Thầy gánh vác, chỉ cậy các con thương yêu, gắng công độ rồi.

Mỗi bậc phẩm đều đặn một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế giới ban cho, dầu thanh cao, dầu hèn hạ cũng phải

gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc, hồn lìa cõi trần, đứng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán. Ai giữ trọn bực phẩm thìặng Tòa Nghiệt Cảnh tương công chiết tội...”

Bởi chấp cái Ta của mình quá lớn, nên cái gì cũng cho mình đúng, khác mình là sai nên hay phê phán người này, người khác v...v...Chớ khi hồn lìa khỏi xác rồi, đến Tòa Nghiệt Cảnh thì “Công ai nấy hưởng, tội ai nấy trừng” không đổ thừa cho ai được cả. Chỉ nhìn thấy công và tội của mình nơi kiếp sanh mà thôi, chớ không dính dáng ai vô đó hết. Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần mà!

Tóm lại khi dứt hơi, chơn-thần xuất ra khỏi xác, nhập với chơn linh đến trước Nghiệt cảnh Đài để nhìn lại công và tội của chính mình vừa làm qua một kiếp sanh để tự mình chấm công và định tội cho mình, trừ qua cần lại. Nếu công nhiều thì được siêu thăng lên tầng trời thích ứng. Nếu tội cũng tùy theo nặng nhẹ mà bị đọa đến nơi thích ứng. Khi mình định cho mình xong thì các đấng lựa ngày, giờ, địa điểm giúp cho mình vào đúng hoàn cảnh và địa vị mình.

Bởi thế nên Thầy có dạy: “...Phải lo sợ tội tình cho lắm. Phải có sợ mới có giữ mình, biết sợ phải biết giữ mình. Phải hiểu rằng THIÊN ĐỊA VÔ TỬ, đừng ý là có Đại Từ Phụ mà lờn oai, nghe các con!...”

Câu: “Mọi sự khó khăn Thầy gắng vác, chỉ cậy các con thương yêu gắng công độ rồi.” Câu này có hai phần chánh: Một là: “Mọi sự khó khăn Thầy gánh vác.”

Thiết nghĩ trên đời điều khó khăn đệ nhất đó là: “Bá nhưn bá bụng” tức là ai cũng có lối suy nghĩ riêng, quan điểm riêng, tánh tình, hoàn cảnh, gia đình, cuộc sống, sự phân của xã hội đều khác nhau. Bây giờ mình muốn người ta phải suy nghĩ, lời nói, việc làm giống như mình là điều không ai có thể làm được thế mà đa số con người vì chấp ta cho nên phạm sai lầm này. Bây giờ chúng ta để cho Thầy gánh vác giùm chúng ta phần này đi. Nghĩa là đừng phê phán người khác dù họ có làm gì đi nữa, nhịn đi, đừng bực tức, cãi cọ, tranh luận, nếu thấy bất lực thì nhường cho Thầy gánh! Cũng đừng quá ý lại có Thầy rồi gặp chuyện hơi rắc rối, than khó, than khổ rồi đổ cho Thầy! Có

câu: “Tận nhơn lực tri thiên mạng” Phải rán hết sức mình đi rồi Thầy sẽ giúp.

Thánh Kinh Thiên Chúa: “Các người đừng đoán xét ai, để mình khỏi bị đoán xét. Vì các người đoán xét người ta thế nào, thì họ cũng đoán xét lại như thế ấy, các người lường cho người ta mực nào, thì họ cũng lường lại cho mực ấy” và:

-”Sao người dòm thấy cái rác trong mắt anh em người, mà chẳng thấy cây đà trong mắt mình? Sao người nói với anh em rằng: “Để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt anh”; mà kìa, chính người còn có cây đà trong mắt mình? Hỡi kẻ giả hình! trước hết phải lấy cây đà khỏi mắt mình đi, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình được.”

-Chớ nên nghĩ điều quấy cho ai- Lỡ nghĩ điều sai quấy cho người, phải mang Ý NGHIỆP_ Từ Ý NGHIỆP thể hiện qua lời nói trở thành KHẨU NGHIỆP. Ý NGHIỆP thể hiện qua hành động trở thành THÂN NGHIỆP. Ba cái NGHIỆP THÂN, KHẨU, Ý này lan tràn ra gây nên tâm ảnh lớn rộng kéo theo nhiều nghiệp khác thì nghiệp càng dày, càng sâu, quả báo càng lớn.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: Bài Thứ 3, quyển I: ...”Thầy cấm không cho dị nghị việc người, nhứt là đạo hữu của các con thì đừng phạm đến kẻ tội nghiệp. Chi chi cũng nhớ quyết rằng có Thầy trong đó...”

Nếu cái tâm của mình không CHÁNH thì tai, mắt, mũi...là con giặc tôi loạn. Nếu tâm CHÁNH thì tai, mắt, mũi...là tay chun đắc lực cho mình.

Chúng ta hãy nghe lời dạy của đức Quan Thế Âm Bồ Tát: “...Nếu sự việc chỉ căn cứ vào nhãn, nhĩ (tai nghe, mắt thấy) thì còn muôn trùng sự sai lầm.” Và đức Thái Thượng Đạo Tổ: “...Nếu luận Tà Chánh thì chưa một ai dám còn mang mắt phàm xưng tụng mình là Chánh. Cái Tà vì Thiên Cơ xử dụng. Tà vì cơ thử thách của Tam Giáo Tòa. Tà vì những quỷ xác ma hồn lẫn lộn của Quỷ Vương để làm cho công phu lỡ dở. Mỗi cái Tà có duyên cơ ấy, ngày sau đều có sự kiến đối thiêng liêng hoặc có một kết quả.

Ngày chung qui chỉ đem về Thầy một chữ Tâm và những

công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng...”

Nếu muốn không bị tai, mất lửa mình chỉ có cách giữ tâm sao cho được bình tĩnh, tai nghe, mắt thấy không chưa đủ, phải tiếp cận, xem xét tình lý thế nào mới biết được sự thật, chớ mới nghe qua hay thấy qua sự việc rồi tin chắc như vậy thì rất sai lầm. Bởi vì con người còn mang hình hài với đôi mắt thịt, tai phàm không thể quyết đoán ngay việc chánh tà cho đúng.

Vì vậy nên Đức Lý hứa dùng mắt Thánh của Ngài để soi bước cho chúng ta, lại nữa Ngài còn ân cần dặn dò: “...Chư đạo hữu mưa (chớ nên, đừng) luận bàn, để phải quấy Lão cũng ra tay sửa trị được vậy, miễn là làm xong phận sự là đủ, còn nét vạ tà của ai để mặc ai...”

Tóm lại người hành đạo mà có học đạo (tu thân) thì kết quả sẽ đem đến sự hòa thuận vui vẻ. Trái lại ham làm đạo mà thiếu học đạo (tu thân) thì kết quả sẽ đem đến sự bất hòa, tranh chấp, chia rẽ.

Cho nên siêng hành đạo là một điều tốt nhưng siêng học đạo (tu thân) lại càng tốt hơn. Hành đạo ví như một tài công đang lái tàu trên biển cả mà có học đạo (tu thân) như có cái la bàn giúp cho tài công đi đến nơi về đến chốn.

Người hành đạo mà thiếu học đạo thì giống như “thợ thợ”, sắp xếp chữ, vần, cho đúng niêm luật, mà đọc lên cảm thấy nhạt phèo không ai muốn nghe. Người hành đạo mà biết học đạo ví như nhà thi sĩ làm thơ đôi khi âm vận không cần gò bó, nhưng đọc lên mọi người đều muốn nghe, càng nghe càng cảm, nghe hoài không chán.

Người hành đạo mà không học đạo ví như người ăn mặc lịch sự, đúng cách mà ăn nói vô duyên khiến người ta không muốn đến gần.

Người hành đạo có học đạo ví như người ăn mặc sạch sẽ đơn giản nhưng ăn nói lễ độ, khiêm cung từ tốn ai cũng muốn cầu thân.

Người hành đạo mà thiếu học đạo (kém phần tu thân) ví như anh hề chọc cười khán giả một cách lối bịch, thô lỗ chỉ có kể thô lỗ mới cười, mà làm bức mình số đông khán giả, là kẻ kể chuyện vô duyên Người có tu dưỡng (học đạo thấm nhuần) một

lời nói ra ai nghe cũng cảm mến, mọi người lắng nghe như nuốt lấy lời.

Nếu môn đệ Cao Đài chịu khó để tâm học đạo, thấm nhuần được lý đạo, ý thức được cách lập giáo của Thầy cũng như tôn chỉ và mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì đó là điều may mắn cho nhơn sanh.

Nếu môn đệ của Đức Chí Tôn chịu khó suy nghĩ, tại sao Hội Thánh phải giải thể trong thời kỳ này? Chỉ chọn một số chức sắc để thành lập một Hội Đồng mệnh danh là Hội Đồng chương Quản mà thực chất H.Đ.C.Q. như danh từ người ta gọi là “Quốc Doanh” để làm chi? Rồi tổ chức Hành chánh Đạo từ năm cấp nay chỉ còn hai cấp?

Nếu các môn đệ biết bỏ ngoài tai những điều thị phi mà đặt hết lòng tin nơi Đức Chí Tôn “Chi chi cũng nhớ là có Thầy trong đó” thì biết rằng mọi cuộc biến chuyển đổi đời trong càn khôn vũ trụ này đã được Thầy an bày tất cả. Cho nên thời kỳ này là thời kỳ rất ráo để con cái Thầy an tâm tu dưỡng cho nên người hạnh đức, chớ không phải là giải thể Hội Thánh để thành “cá mè một lứa” đấu đá lẫn nhau đâu!

Thầy đã từng dạy: “...muốn xứng đáng làm môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm...” và “...cử chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thế tình thì là gần ngôi Tiên, Phật đó.”

Hỡi chư huynh, tỷ, đệ, muội Cao Đài tự xét lại mọi hành vi, cử chỉ, lời nói, việc làm của mình có khác hơn cử chỉ thế tình chút nào chưa? Nếu thấy mình y hệt thế tình là còn đậm chùng tại chỗ, còn thấy mình có phần nào khác với thế tình thì cố gắng lên để được nghịch hẳn với thế tình mà gấm ghé trở về quê xưa vị cũ.

-Cử chỉ thế tình là gì?

-Là tranh đoạt, hơn thua về danh, lợi, tình, tiền, của cải vật chất, lời ăn tiếng nói, chỗ ngồi, chiếc xe, quần áo, trang sức ganh tị, gian hờn, ham nói, tốt cũng nói, xấu cũng nói, điều vô ích, chuyện tào lao cũng nói vân vân và vân vân. Tất cả những điều trên chỉ do cái chấp Ta mà ra, do chấp cái ta mới sanh ra tự cao tự đại, tự ái, tự tôn, điều gì mình làm là đúng ai làm khác hơn là sai, dẫn

đến phê phán nhau, triệt hạ nhau, nói xấu nhau để rồi giận hờn chia cách; vô tình làm tay sai cho ma vương quỷ chúa mà cứ tưởng mình là chánh chơn, thiện mỹ, là đệ tử ruột của Thầy!!!

Để kết luận bài này, xin mượn bài Thánh Thi trong phần Thi Văn Dạy Đạo (TNHT, Q2):

-Cần lo học Đạo chớ dừng lời,
Phú quý sương tan lố bóng Trời.
Lợi lộc xôn xao rồi một kiếp,
Nghĩa nhân tích trữ để muôn đời.
Làm lành sau cũng lành vay trả,
Chắc dữ âu hay dữ vốn lời
Mấy kẻ xét mình tâm tự cải,
Thân danh bể khổ mặc buông trôi.

Đat Thông Dương văn Ngừa

Trân trọng giới thiệu với Đồng Đạo và Thân Hữu



Chuong Thai



All Stars
8682 Beach Blvd., Suite 200
Buena Park, CA 90620
Business 714-226-9696
Fax 714-226-9595
Cellular 714-813-6214
Email: chuongbeno@hotmail.com

Each Office is Independently Owned and Operated. 

Đức Jesus Christ: Chiên con Thiên Chúa

Thông sứ Lê Phong biên soạn

Dẫn Nhập:

Hằng năm cứ vào thời Tý ngày 25 tháng Chạp dương lịch là các tín đồ Cao Đài ở khắp mọi nơi đều thiết lễ Đại Đàn để kỷ niệm Vía Đức Jesus Christ. Máu của Ngài đã đổ. Thịt của Ngài đã rơi. Ngài đã hy sinh Thánh Thể của mình để cứu chuộc tội lỗi loài người trước Đức Chúa Trời: “*Đây là máu Thầy, Máu để lập giao ước, đổ ra cho muôn người được tha tội (Mt. 26,28)*” và “*Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống, Ai ăn bánh này sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban tặng, chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống*” (Ga 6,51). Đối với khối tín đồ Cao Đài, cái chết trên Thập tự giá của Ngài là một Bí Pháp, là một biểu tượng thiêng liêng nhất về sự dâng hiến linh hồn, trí não và xác thân tức là trọn ba món báu của chúng ta cho Đức Đại Từ Phụ. Ngay trước khi tắt thở, Đức Jesus đã cầu nguyện rằng: “*Mọi sự đã hoàn tất*” (Ga 19:30), “*Lạy Cha, Con xin phó thác hồn con trong tay Cha*” (Lc 23:46).

Mặc dù đã lìa bỏ cõi trần giả tạm này để trở về bên Chúa Cha, nhưng Đức Jesus vẫn hằng đoái hoài đến những kẻ thuộc về Ngài còn ở lại dưới thế gian. Trong một lần giáng linh, Đức Jesus đã cầm cơ đề bài thi như sau:

*“Vâng lệnh Vua Cha xuống Thái bang,
Truyền ra Đạo Thánh rất gian nan.
Ba mươi năm lễ chưa toàn vẹn,
Ngàn chín trăm dư thế muốn tàn.
Sắc lệnh Vua Cha truyền lập lại,
Vâng lời Kim Mẫu tá phàm gian.
Thuyết đàn vạn quốc nay mai sẽ,
Phổ độ ngũ châu, vạn sự toàn.”*

Nhân dịp Lễ Kỷ niệm Chúa Giáng Sinh năm nay Tiểu Đệ xin được mạo muội nhắc lại vài nét khái quát về tiểu sử,

công nghiệp và Thiêng Liêng vị của Đức Jesus trong nền Đại Đạo hay đạo Cao Đài.

Tiểu Sử Đức Jesus Christ:

Đức Jesus được sinh ra trong một gia đình nghèo nhưng rất đạo đức, đó là gia đình của bà Maria và ông Joseph. Trước khi lập gia đình với ông Joseph, bà Maria là một Nữ Tu sĩ trong Đền Thờ Jerusalem. Khi bà đến tuổi lấy chồng, Luật Đền Thờ buộc các Nam Tu sĩ trong Đền Thờ phải có người đứng ra cưới bà, bởi vì căn cứ theo lời dạy của Thượng Đế với ông Adam và bà Eva: *Các người phải chung sống cùng nhau dặng biển sanh ra nhiều nũ.* Vì luật lệ đó, cuối cùng ông Joseph, một tu sĩ 50 tuổi, phải cưới bà Maria và hai người phải ra ngoài sống.

Bà Maria có thai con đầu lòng: **Đức Jesus**. Bà được Thần Gariel báo mộng cho biết là bà sẽ sanh ra một Đấng Cứu Thế cho loài người. Đến ngày Lễ Noel hàng năm tổ chức long trọng nơi Đền Thờ Jerusalem, tuy bụng mang dạ chứa gần đến ngày sanh nở, nhưng vì lòng mộ đạo, hai vợ chồng ông bà Joseph và Maria đã cố gắng đi đến Jerusalem để châu lễ. Khi đến nơi, các quán trọ đều bị khách đi dự lễ mướn hết, thời tiết lại quá lạnh, hai vợ chồng ông bà phải đến Behlem, xin với một chủ trại cho tạm trú đỡ trong chuồng cừu.

Đúng 12 giờ khuya đêm 24 tháng Chạp dương lịch, bà Maria chuyển bụng, hạ sanh Đức Jesus. Chúa hài đồng được quấn tã và đặt tạm trong máng cỏ nơi chuồng cừu trong hang đá. Các nhà Tiên tri đã báo trước ngày Chúa giáng sanh: Ngày nào sao Chổi mọc là ngày đó Chúa giáng sanh, kẻ thiện tâm nên nhớ mà để ý tìm người. Trước đó, ông Joseph cũng được Thiên Thần Chúa báo mộng: *"Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính người sẽ cứu dân mình khỏi tội lỗi"*. (Mt 1, 21). Trong giờ Chúa giáng sanh, có nhiều sự kiện huyền diệu xảy ra, như đám chăn cừu ở ngoài đồng, bỗng nghe tiếng nói của Thiên Thần trên không trung: **Có Chúa Cứu Thế giáng sanh,**

hào quang tỏa ra rạng ngời. Những người chần chừ đó liền đi tìm thì gặp Chúa hài đồng và đánh lễ Chúa đầu tiên hơn hết.

Vào năm Đức Jesus 12 tuổi, Ngài theo cha học làm thợ mộc, khi đó ông Joseph lãnh cất nhà cho một người hàng xóm, tính toán thế nào mà khi cất gỗ, mấy cây cột đều bị cụt hết. Chủ nhà bắt đền. Ông Joseph ngồi khóc ròng, vì nhà nghèo thì lấy tiền đâu mà đền. Đức Jesus liền cầu nguyện, rồi cha một đầu, con một đầu, nắm cay cột gỗ kéo cho dần dài ra cho đủ thước tắc để bồi thường cho chủ. Việc làm liêu tường đâu là chẳng có ích lợi gì hết, nhưng lạ lùng thay, cây cột gỗ lại dần ra như ý muốn. Đây là lần đầu tiên Đấng Christ hành pháp lạ. Cũng vào năm ấy, Đức Jesus vô Đền Thờ Jerusalem. Các vị Giáo sĩ trong Đền Thờ nghe danh Jesus thần đồng liền xúm lại chất vấn Ngài. Ngài đã ngồi giữa các vị Giáo sĩ thuyết pháp say mê làm mọi người rất đỗi kinh ngạc.

Thời gian dài trôi qua, đến năm Đức Jesus được 30 tuổi, nghe Thánh Jean Baptist đang hành Lễ Rửa tại bờ sông Jordan, Đức Jesus liền tìm đến đó. Thánh Jean Baptist nhận ra Ngài là Đấng Vô Tội, là Chiên Thiên Chúa nên vội thoái thác: “*Đáng lẽ Ngài phải rửa cho tôi, chứ đời thuở nào tôi lại rửa cho Ngài*”. Nhưng Đức Jesus nói với ông: “*Ong cứ làm đi! Vì chúng ta cần chu toàn bốn phận như thế.*” Khi Thánh Jean vừa làm phép xong thì có một vầng hào quang từ trên không trung sa xuống giữa đầu Chúa và có tiếng phán là: “*Này con yêu dấu của Ta, cả ân đức của Ta để cho người đó*”.

Sau đó, Đức Jesus được Thánh Thần Chúa hướng dẫn vào hoang địa để chịu sự khảo đảo của Quỷ Sa tăng. Suốt 40 ngày đêm, Chúa bị Quỷ vương cám dỗ đủ điều. “*Ma quỷ đem đức Giê-su lên một nơi cao, và trong chốc lát, chỉ cho Người thấy tất cả các nước thiên hạ. Rồi nói với người: “Tôi sẽ ban cho ông toàn quyền cai trị cùng với vinh hoa lợi lộc của các nước này, vì quyền hành ấy đã được trao cho tôi, và tôi muốn cho ai tùy ý” (Lc 4, 5-6).* Hoặc: “*Ma quỷ... lại bảo rằng: Tôi sẽ cho ông tất cả... nếu ông sấp mình thờ lạy tôi” (Mt 4, 1-11)* Nhưng Đức Jesus đã vượt thắng được chước cám dỗ, tức nguồn gốc tội lỗi của Tổ Tông và

loài người. Quý vương cuối cùng phải chịu khuất phục trước sự cao cả của Ngài.

Từ buổi đó, Đức Jesus bắt đầu đi truyền đạo khắp nơi, thu nhận được 12 vị Thánh Tông Đồ, làm nhiều phép lạ để cứu khổ chúng sanh. Ngài xưng là con của Đức Chúa Trời, tức là con của Đấng Thượng Đế và tôn vinh Đức Đại Từ Phụ cao cả.

Với lòng thương yêu nhưn sanh nong nàn, Đức Jesus đã dạy dỗ các môn đồ lòng thương yêu, hạnh bố thí, sự chân thật, đức khiêm nhượng, tự kiểm điểm để sửa mình, các điều răn cấm, giữ thiên lương thanh cao trong sạch, lời nói trọn lành, hành động chơn chánh, thờ kính Đức Cha Trời hết lòng hết sức và dâng hiến trọn vẹn linh hồn. Đức Jesus dạy rằng do luật vô vi, không ai thoát khỏi ngày Phán Xét Cuối Cùng, dù người đã chết hay còn sống, cũng đều chịu sự thưởng phạt đúng mức công bình.

Tất cả những điều giáo huấn của Đức Jesus đã tạo thành một hệ thống giáo lý cho nền Đạo Thánh ở Do Thái, truyền bá mạnh mẽ sang Âu châu. Uy quyền của các triều đình phong kiến và của các giáo chủ thời đó bị lung lay, đe dọa nên họ bèn tìm cách giết Đức Jesus. Họ vu khống cho Ngài là mưu việc phản loạn, chúng lại mua chuộc Juda, một trong 12 Tông Đồ của Chúa, để phản lại Ngài. Tiền bạc, danh vọng đã làm chói mắt Juda, ông ta đã bắt Chúa đem nộp cho bọn họ. Đức Jesus bị lên án tử hình và bị đóng đinh trên Thập Tự giá.

Công nghiệp của Đức Jesus

Trong một lần thuyết đạo nhân ngày Vía Đức Jesus, Đức Phạm Hộ Pháp cho biết: “Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của nhơn loại đã dầy dầy. Ngài chỉ xuống mặt thế này làm con tế vật dâng chuộc tội tình cho nhơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí Tôn để nơi tay của nhơn loại, bàn tay đó đã ký đệ nhị Hòa ước cho nhơn loại, nó làm cho Ngài thế nào? Do tay Ngài ký tờ Hòa ước với Chí Tôn, nên hai tay của Ngài bị đóng đinh trên cây Thập tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước nhơn loại, đi đường hằng sống cho họ, rồi hai chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh giá. Còn trái tim yêu ái nhưn sanh vô hạn ấy bị

một mũi kiếm vô tình đâm cạnh hông Ngài, lấy giọt máu cuối cùng đó dựng cừu nhọn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái. Tôn chỉ nhìn nhọn loại là anh em cốt nhục và khuyên nhọn loại coi nhau đồng chủng”.

Trước đó, Đức Hộ Pháp đã từng giảng: “Ngài đã ngờ thấy Nhưtt Kỳ Phổ Độ, nhọn loại ký hòa ước với Chí Tôn mà đã bội ước, nên phạm Thiên Điều, nhọn quả nhọn loại gồm ghiết. Do nhọn quả ấy mà tội tình nhọn loại lưu trữ đến ngày nay. Thánh giáo gọi là Tội Tổ Tông. Chính mình Ngài đến, đến với một xác thịt phạm phu, Ngày đến giờ tay để ký đệ nhị Hòa ước với Đức Chí Tôn, chịu tội cho nhọn loại, ký đệ nhị Hòa ước dựng diu dắt chúng sanh trở về cùng Đấng Cha lành của họ tức nhiên là Đức Chí Tôn chúng ta ngày nay đó vậy”.

Đức Hộ Pháp xác định: “Cái chết của Đức Chúa Jesus Christ là gì? Là Ngài đem xác Thánh quý trọng dâng cho Chí Tôn làm tế vật. Xác Thánh chết trên Thánh giá là tế lễ đồng thể với Tam bửu của chúng ta dâng cúng Đức Chí Tôn”.

Đức Jesus đã hy tế ba món quý báu nhất của mình để cứu chuộc tội lỗi cho loài người nhưng không phải ai cũng hiểu được trọn vẹn ơn vũ lộ hay sự Quan Phòng ấy, thành ra sự hy tế của Ngài chẳng những đã không được tin nhận mà còn bị ruồng bỏ, và đây đã là một trong các nguyên do khiến cho Đức Chí Tôn phải đích thân giáng linh và dùng cơ bút lập nên đạo Cao Đài.

Thiên liêng vị của Đức Jesus trong đạo Cao Đài

Đức Jesus tuy là Giáo chủ Thánh Đạo nhưng Chơn linh của Ngài là Phật Christna, tức là một trong ba vị Tam Thế Phật hay Tam Thế Tôn. Ngài lãnh linh Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế xuống trần mở Đạo ở làng Nazareth thuộc xứ Palestine để cứu rỗi các sắc dân Âu châu trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Nếu Nhưtt Thế Tôn là Phật Brahma nắm trọn quyền về Tạo hóa, Nhị Thế Tôn là Civa nắm trọn quyền về Tiến hóa, thì Phật Christna nắm

trọn quyền về Bảo tồn. Đặc điểm của Phật Christna là lòng thương xót mọi sanh linh.

Đức Hộ Pháp từng giải thích về nguyên căn của Đức Jesus: *“Đức Chúa Jesus là ai? Nếu chúng ta thấy chơn truyền của dân tộc Nébroux tức dân Do Thái bây giờ để lại, theo luật pháp của Thánh Moïse đã tiên tri về Đấng Cứu thế giáng sanh, nếu chúng ta tìm tòi, lật tù tở trong Kinh Thánh Gia Tô chẳng hề thấy tên Christ và chẳng có tên Christ mà nơi cõi Thiêng Liêng Bản Đạo dám chắc Đức Chúa Jésus Christ là chơn linh Christna là Tam Thế Tôn đó vậy”*.

Đức Hộ Pháp giải thích thêm: *“Đức Phật Christna không phải xa lạ với chúng ta, bởi vậy cho nên Ngài đã đến mà lại đến với chức trách nhỏ nhen, hèn hạ, bởi loài người quá tự kiêu, tự đắc, dùng phương pháp nhỏ nhen, hạ mình hèn hạ ấy hầu đem tâm hồn Chí Thánh của Ngài thức tỉnh các sắc dân Âu châu. Ngài đến nơi một nhà bần hàn”*.

Trong sự thờ phượng của Đạo Cao Đài, việc sắp xếp Đức Jesus ngồi dưới Đức Lý Thái Bạch, không có nghĩa là Đức Chúa nhỏ hơn Đức Lý nơi Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mà đó chỉ là thứ tự Ngũ Chi trong lần phổ độ thứ ba này, bắt đầu từ Nhân Đạo (Giáo Tông Đại Đạo, phẩm Thiên Tiên ngang hàng với Phật vị) tới Thần Đạo (Đức Khương Thượng), rồi Thánh Đạo (Đức Jesus), kế đến là Tiên Đạo (Đức Lý) và sau cùng là Phật Đạo (Đức Thích Ca Thế Tôn).

Về vấn đề này, Đức Hộ Pháp có nói: *“Đức Jésus Christ không kém hơn ai trong hàng Giáo Chủ. Ngài để nhứt tâm lân tuất thương sanh, yêu ái người thật nồng nàn chơn chất. Đức Thích Ca thế nào thì Chúa thế ấy. Bởi cơ thiên hạ thương mến nghe theo Đạo Giáo của Ngài”*.

Về vấn đề đồng trình của Đức Mẹ Maria, Tiểu Đệ thiên, nghĩ rằng dù Đức Jesus giáng sinh do Thánh thai hay phàm thai, dù là con ruột của ông Joseph hay là con nuôi của ông Joseph thì sự tôn thờ Chúa chẳng phải căn cứ đơn thuần vào sự kiện đó, mà căn cứ vào công đức và sự nghiệp của Chúa đối với nhân loại.

Nếu nói rằng Đức Jesus giáng sanh bằng phàm thai là hạ thấp giá trị của Chúa thì lập luận này không có lý. Bởi vì nếu

đúng như vậy thì Đức Phật Thích Ca (con của bà MaDa và vua Tịnh Phạn), Đức Khổng Tử (con của Bà Nhan Thị và Thúc Lương Ngột), đều giảng dạy bằng phàm thai, hai vị này không đáng kính trọng sao?

Hơn thế nữa, về vấn đề này Đức Hộ Pháp nhận xét: “*Các tôn giáo bao giờ cũng muốn tôn tặng Giáo Chủ của họ lên một địa vị phi phàm, tức nhiên họ đặt ra nhiều lẽ dường như ảnh hưởng của thần thoại... Nào là họ nói Đức Chúa Jesus do một người đồng trinh tự nhiên đẻ ra, họ nói là Đức Phật Thích Ca khi xuất thế ở trong vách của bà MaYa mà ra, Đức Lão Tử cũng thế... Cái luật tạo doan phải có Cha Mẹ, có âm dương của Cha Mẹ mới sản xuất ra cái nhơn hình của chúng ta... Các vị ấy đều do nơi tiền kiếp phi phàm mà thôi, chớ các vị ấy xác tục cũng như ta, người cũng như ta, sống chết cũng như ta, đầu óc trí não cũng như ta, sống trong cảnh khổ não cũng như ta.*” ...

...Trong mục **To The Point** đăng trên tờ The Daily Telegraph mới đây một độc giả đã cay đắng đặt nghi vấn về tình trạng xung khắc giữa các tôn giáo rằng: “*Phải chăng tôn giáo là mối đe dọa lớn nhất cho nền hòa bình và sự hòa hợp mà nhơn loại phải đương đầu từ trước tới nay?*” Hoặc trong mục **Letters**, cũng trên tờ The Daily Telegraph, một độc giả khác viết: “*Các tôn giáo sẽ mang sự cáo chung tới cho loài người bởi vì thay vì truyền giảng về nền hòa bình, tình yêu thương và sự đoàn kết, thì họ lại đi truyền giảng về chiến tranh, lòng hận thù và sự chia rẽ.*”

Do tôn chỉ quy nguyên, phục nhất nên đạo Cao Đài hiếm khi vấp phải vấn đề khó tháo gỡ này như các tôn giáo cổ xưa khác.

Tuy nhiên, nhân dịp giảng về Sự Tích Đức Jesus Giảng Sanh, Đức Hộ Pháp khẳng định: “*Chúng ta quan sát và chính Bản Đạo quan sát thấy chơn truyền của Đạo Thánh Gia Tô vẫn đồng căn đồng bản với Đạo Phật, không có chi khác, dầu Bí Pháp chơn truyền hay Thể Pháp đều cũng y như vậy.*”

Cụ thể hơn, Đức Phạm Hộ Pháp lập luận: “*Thẳng từ thử đến giờ, có thuyết chia rẽ tinh thần, là tại nơi người phàm, đem thuyết ấy, để trong sự tín ngưỡng của sắc dân Âu châu nên mới có*

sự chia rẽ nòi giống. Vì nạn ấy mà chúng ta ngày nay thấy trên mặt toàn cầu nó gánh chịu nạn tương tàn, tương sát nhau”.

Riêng Đức Jesus, trong một lần giảng linh Ngài đã cầm cơ viết như sau để khuyên lơn loài người: “Hãy tin tưởng, hãy thương yêu, hãy hiểu biết cái Chơn lý đã được phát lộ, không nên làm lộn cái thiện cái ác, phương tiện và chơn lý”.

Ngài không ngớt kêu gọi: “*Hỡi các bạn thông linh, hãy yêu thương nhau, đó là điều giáo huấn thứ nhất. Hãy học hỏi nhau, đó là điều giáo huấn thứ nhì. Tất cả Chơn lý đều ở trong Đạo (Đạo Thiên Chúa, Đạo Lão, Đạo Phật, Đạo Khổng). Những sự sai lầm bắt rễ từ ĐẠO là do nguồn gốc của con người.*”

Kết Luận:

Trong bối cảnh thế giới ngày càng nhiều nhưng do sự xung đột ngày càng khốc liệt giữa các tôn giáo như hiện nay, mặc dù chỉ do một vài ma đầu núp dưới cái ô dù chánh nghĩa để xách động những người cuồng tín làm chuyện xằng bậy, Tiểu Đệ nghĩ rằng lời khuyên nhủ của Đức Jesus càng trở nên có ý nghĩa. Thật vậy, ngày nào mà tuyệt đại đa số chúng ta đều thấu hiểu được lẽ thật rằng dù mình có là thành viên của một quốc gia, một nòi giống hay một tôn giáo nào đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn có cùng một nguyên căn, vẫn thờ chung một Đấng Cao Cả là Đức Chúa Trời, (tức vạn giáo nhất lý hoặc vạn thù nhất bản), thì ngày đó các tai họa của chiến tranh thảm khốc mới có cơ được ngăn chặn và loài người mới có cơ được cứu rỗi.

Chỉ có Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh mới có thể giúp chúng ta giác ngộ được chơn lý đó và đây chính là những gì mà ba vị Thánh Bạch Vân Động đã ký kết với Đức Chí Tôn trước khi lập nên nền Đại Đạo, hay như lời Đức Jesus đã từng kêu gọi: “*Anh em hãy đi giảng dạy muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi người cho đến tận thế*” (Mt 28:19-20).

Thông sứ Lê Phong biên soạn

Cốt lõi những điều Đức Jesus đã truyền giảng cho nhóm loại, với tư cách Ngôi Lời Nhập Thể, chẳng phải là về tình Thương yêu và sự Công bình? Hỏi tức là đã trả lời đó vậy.♥

Ghi Chú:

1. Cho đến ngày nay các Ky Tô hữu vẫn được rước Mình Chúa (thường nhật) và MáuChúa (vào mỗi Chủ Nhật Lễ Trọng) bằng cách ăn một mẩu bánh và uống chung một ly rượu. Tưởng cũng nên biết, chỉ có các Ky Tô Hữu mới được lãnh các phép bí tích này mà thôi. Tiểu đệ vẫn còn nhớ có lần làm rể phụ cho hai người bạn, trong khi chú rể và cô dâu thì được Cha Đạo trao mẩu bánh còn hai người rể dâu phụ thì không vì đều là dân ngoại. Tuy nhiên, Tiểu Đệ nghĩ rằng điều này cũng có thể thông cảm được bởi vì ngay cả các Ky Tô hữu nếu mới là dự tòng, tức những người đang học giáo lý để lãnh bí tích Rửa Tội, thì chỉ được lãnh bí tích Mình Chúa chứ chưa được rước Máu Chúa.
2. Ga, Pr, Lc, Mt, S.Th, Gc là các chữ viết tắt theo lối phiên âm tiếng Việt tên các Thánh John, Peter, Lucas, Mathew, Thomas Aquino, Jacob v.v... trong Kinh Luật Công giáo để phân biệt các đoạn truyền giảng của các vị ấy. Ngoài ra, các chữ viết tắt như Xh, Ty, St, Lv, Kh, Dnl, Cv, V... là các chữ viết tắt cho Sách Xuất hành, Thánh Vịnh, Sách Sáng thế, Sách Lê-vi, Sách Khải huyền, Sách Đệ Nhị Luật, Sách Tông Đồ Công Vụ, Sách các Vua.

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Các quyển Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp
2. Cao Đài Tự Điển của Soạn giả Đức Nguyên
3. Ý nghĩa Kinh Lạy Cha của Minh Sơn do Nguyệt San Ngày Nay xuất bản



12-2002

CON ĐƯỜNG QUI NGUYÊN PHẢN BẢN THEO NHO GIÁO

BS. Nguyễn Văn Thọ

(tiếp theo từ TSTĐ số 16)

Những đóng góp của sách Trung Dung:

Xưa nay ai cũng công nhận rằng Trung Dung là tâm pháp của Nho giáo. Sách bắt đầu bằng chữ Thiên. Từ đó suy diễn ra Tam Đức (NHÂN, TRÍ, DŨNG), Ngũ Luân (Quân thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu) Cửu kinh (chín phép trị nước) Xem T.D. chương I,XX). Sau đó lại dùng Cửu kinh, Ngũ luân, Tam đức như là những nấc thang thần giúp cho con người triển dương, tiến hóa đến cùng cực tinh hoa (T.D 1) ²⁷, đến Trung Dung, Trung Đạo ²⁸, đến chỗ kết hợp với Trời mà Trung Dung gọi là Phối Thiên.²⁹ Như vậy sách T.D cũng kết thúc bằng chữ Thiên, vô thanh, vô xử.

Sách rất cao siêu, nhưng cũng khó hiểu. Chính vì thế mà chúng ta cũng nên đặc biệt để tâm khai thác những điều huyền nhiệm mà Trung Dung tàng trữ bấy lâu, để đóng góp vào công trình đi tìm con đường Qui nguyên phản bản...

1. Hai chữ Trung Dung.

Chữ Trung, theo từ nguyên, là một mũi tên bắn trúng hồng tâm. Hội ý tiên nho, nhất là Trình Tử và Chu Hi, tôi đã giải hai chữ Trung Dung như sau:

Trung là tâm điểm,

Dung là hằng cửu, bất biến.

Như trên tôi đã trình bày, trong vòng biến thiên ảo hóa của vũ trụ, vạn hữu chỉ một tâm điểm bất biến, hằng cửu, ấy là Bản thể tuyệt đối, là Thái cực, là Đạo, là Trời.

Chính vì thế mà Kinh Dịch đã vẽ Thái cực ở tâm điểm vòng Dịch, còn các quẻ tượng trưng cho vạn hữu, hình tượng biến thiên bên ngoài thì vẽ lên vòng tròn bên ngoài, lên vòng biến dịch bên ngoài.

Tâm điểm vì ở giữa vòng biến thiên của vạn hữu, nên không hề nghiêng lệch bên nào. Tâm điểm, vì là cơ cấu, là căn cơ gốc gác muôn loài, nên cũng không dựa nương vào đâu. Chính vì thế mà Trình Tử mới nói: Trung là Bất Thiên, Bất Ý.

Muôn loài, muôn vật biến thiên, tất phải có một căn do bất biến hằng cửu làm chủ chốt. Chính vì thế mà Trình Tử giải: *DUNG là Bất Dịch*. Thế tức là chỉ với hai chữ TRUNG DUNG, đức Khổng đã vạch ra cho chúng ta cả một chương trình hành động, cả một con đường giải thoát.

Nghĩa là:

Sống trong muôn ngàn hiện tượng biến thiên, chúng ta phải tìm cho ra căn cơ bất biến.

Ở đâu có biến thiên, ở đấy có căn cơ làm chủ chốt.

Ở nơi con người ta, có đầy dẫy mọi hiện tượng biến thiên. Như vậy trong con người chúng ta, phải có một căn cơ bất biến làm chủ chốt.

Mà như trên đã trình bày, chỉ có trời có Đạo, có Thái cực mới bất biến. Suy ra: trong ta, chắc chắn phải có Đạo, có Trời, có một nguồn sống siêu nhiên vĩnh cửu làm chủ chốt.

Cái gì còn biến thiên thì còn ở trong vòng sanh tử. Cái gì bất biến mới thoát ra ngoài vòng biến thiên sanh tử. Thế nên, nếu con người muốn thoát vòng sinh tử, Phải đạt cho được tới **TÂM ĐIỂM BẤT BIẾN**, đạt tới **TRUNG DUNG**.

Đức Phật cũng đã nói:

*“Hỡi các tỳ khưu, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao giải thoát được cái sinh, thành, ý, tạp.”*³⁰

Vivekananda cũng đã viết:

Chúng ta trước hết phải đi tìm cho ra một tâm điểm phát sinh ra mọi bình diện sinh hoạt khác. Khi đã tìm ra được tâm điểm rồi, chúng ta mới mong tìm ra được một giải pháp. Đó

là chương trình của chúng ta. “Tâm điểm ấy ở đâu? Thưa nó ở ngay trong lòng ta. Các hiền triết cổ thời đã tìm sâu mãi vào tâm con người, cho đến khi khám phá ra được rằng TÂM KHẮM CON NGƯỜI CHÍNH LÀ TRUNG TÂM VŨ TRỤ.

Tất cả mọi bình diện khác đều xoay quanh tâm điểm duy nhất ấy, và chỉ từ đó, chúng ta mới tìm ra được giải pháp chung cho mọi người.”³¹

Văn Đạo Tử cho rằng: TÂM ĐIỂM chính là Thiên Đạo.

Vào được tâm điểm của lòng người, tức là vào được tâm điểm của vòng Dịch, tức là thoát luân hồi sinh tử, tức là vào được trục pháp luân theo danh từ của Phật giáo.

Ta hãy nghe Văn Đạo tử trình bày:

“Thiên đạo cứ trung lập cực, nên vận chuyển muôn loài không sai thất, cũng như trong bánh xe, các vành xe và tai hoa xe vận chuyển không ngừng là nhờ trục xe. Nếu ta giữ vững được Trung điểm, tận dụng được Thái Cực, thì có thể chuyển vận vạn vật và có thể góp phần được với trời đất trong công trình hóa dục.

“Cho nên người quân tử tu nhân đạo để hợp thiên đạo. Hợp thiên đạo tức là vào được trục của vòng Dịch, thoát ra ngoài vòng kiểm tỏa của hiện tượng, hỗ trợ muôn vật mà không tư vương dính bén muôn vật, xoay chuyển vòng biến Dịch mà chẳng chuyển dịch với bánh xe biến thiên luân hồi.

“Hàng đế nói:

Vũ trụ ở trong tay, vạn hóa sinh trong mình. Phật nói: Thu bẻ khơi vào trong sợi lông, đem núi TU DI lồng vào trong hạt cải, đâu phải là thuật lạ. Bất quá là các ngài đã nắm được trục của pháp luân. Oi vi diệu thay, trục của pháp luân, hỏi mấy ai đã biết? Chẳng rõ được trục mà chỉ biết nói pháp luân, luôn vận chuyển, thì chóng thì chày cũng bị vận chuyển theo pháp luân, làm sao thoát vòng sinh tử được?.”³²

Như vậy nếu ta hiểu Trung Dung là Tâm Điểm Bất Biến, Nếu ta đặt hai chữ Trung Dung vào Tâm điểm vòng tròn, ta sẽ có ngay một chìa khóa thần để mở các chốt then Đạo Giáo, thấu triệt được huyền cơ vũ trụ và con người. Thực vậy,

nếu ta nhận định rằng Tuyệt đối hằng cửu bất biến ở tâm điểm vòng biến dịch, ta sẽ định ngay được rằng Tuyệt Đối Hằng Cửu ở ngay tâm điểm, ở ngay Trung Tâm Điểm não bộ ta, vì đầu ta chính là một hình tròn, vì não bộ ta chứa đựng muôn biến hóa. Lão Giáo gọi trung tâm não bộ là HUYỀN QUAN KHIẾU, là CỐC THẦN, là NÊ HÒAN. Phật giáo tây tạng với lời chú: **Oum Mani Padme Hum** đã xác nhận rằng giữa bông hoa sen nghìn cánh, não bộ con người đã có sẵn ngọc châu viên giác.

Học giả Lilian Silburn, trong tác phẩm Instant et Cause đã viết:

Tìm ra được chân tâm tương đương với Brahman Thượng đế, vừa là tâm điểm của lòng mình, vừa là tâm điểm của vũ trụ, là một khám phá lớn lao của các vị đạo sĩ Bà La Môn, sự khám phá này đã dẫn tới sự hình thành của bộ Áo Nghĩa Thư. ³³

2..Những nét đặc thù của Trung Dung:

A. Con người với Trời có đồng một bản tính..

Trung Dung với mấy chữ vấn vỏi:

Thiên mệnh chi vị Tính nơi đầu sách đã cho chúng ta thấy rằng: Con người muốn bước vào Thiên đạo, muốn phản bản hoàn nguyên, trước hết phải có một nhận thức nghiêm chỉnh về bản thể mình, về bản tính mình. Trung Dung cho rằng bản tính con người là Thiên tính. Nói nôm na Bản tính con người và bản tính Trời là một.

Thế tức là sau những bộ mặt nạ hóa trang mà sân khấu đời đã bắt ta mang, sau những lớp bùn đất thời gian, ngoại cảnh, của những con người thực tại (Le moi empirique), còn đang luân lạc trong chốn hồng trần, còn có bộ mặt vô cùng xinh đẹp của con người lý tưởng (Le moi idéal) ẩn khuất ở bên trong. Bộ mặt đó, người Á Đông thường gọi là Bản Lai Diện Mục.

Từ khi tôi khám phá ra được điều quan trọng này, tôi đã dùng nó như một kim chỉ nam để tìm cho ra đại Đạo khuất lấp trong những cánh rừng sâu tôn giáo và triết học trên thế giới.

Gần đây, có dịp đọc quyển Lịch Đại Cao Tăng Cổ Sử,

tôi thấy đại sư Đạo Sinh, sống vào thời đại Nam Bắc triều bên Tàu, đời Lưu Văn Đế (424-453) Cũng đã có chủ trương y hệt tôi. Đạo Sinh quả quyết rằng: Nhà Nho gọi là Thiên Mệnh, thì nhà Phật gọi là Phật tính, mà Phật tính tức là Thiên tính. ³⁴

Ba La Môn cũng cho rằng: con người chân thực trong chính ta là Atman, là Brahman Thượng đế.

Phật giáo nhất là trong kinh Đại Niết Bàn đã chủ trương rằng: Mọi người đều có Phật tính

Thánh Kinh Công giáo cũng có một câu làm tôi hết sức sung sướng đó là: Thượng đế chính là sự sống của bạn. ³⁵

Nếu Thượng đế là sự sống của chúng ta, thì chắc chắn ngài là bản thể của ta vậy.

Hội nghị Thông thiên học quốc tế họp tại Salzburg nước Áo, năm 1966, cũng có những lời tuyên ngôn hết sức nẩy lửa. ví dụ:

- Trong ta có một vô cùng. ³⁶

- Giác ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố thần linh duy nhất trong tâm thần mọi người. ³⁷

-Thời buổi này cần phải nhận chân rằng trong mọi người có một tàn lửa Thiên Chân, và những khả năng vô tận, vô biên. ³⁸

-Tôn giáo xưa cho rằng Trời và người xa cách nhau, phẩm và chất xa cách nhau. Thông Thiên ngày nay dạy rằng: Trời Người là Một. ³⁹

B.- Nhân tâm thuần tòng Thiên tính. Thiên lý thể là chân đạo. (Suất tính chi vi đạo).

Theo Trung Dung đạo Trời thật chí giản chí dị. Muốn theo đạo Trời, muốn theo Thiên lý, con người chỉ cần lắng nghe tiếng gọi của lương tâm. Trung Dung gọi thế là Suất Tính.

Lương tâm luôn luôn dạy ta làm điều cao đại minh chính, luôn luôn dạy ta Từ Bi Hỉ Xả, Coi người như mình, trọng lễ nghĩa, khinh lợi.

Còn tâm tư chúng ta luôn luôn làm những điều tà ngụy, bất trung, bất chính, ích kỷ, hại nhân, luôn luôn muốn vọng hành, vọng niệm.

Như vậy thuận tòng thiên lý, tức là gạt bỏ những điều tà nguy, để tiến tới công chính, từ bỏ mọi điều ti tiện cục cằn để vươn lên tới tinh hoa cao đại.

Bà H.P Blavastsky, trong quyển Mật giáo (Doctrine Secrète) đã viết: Chỉ có nguyên lý tuyệt đối, bất khả tư nghị, căn nguyên vạn hữu mới đáng có đền thờ và bàn thờ trong khu đất thiêng liêng và u tịch của lòng ta. Nguyên lý ấy mình không thấy, bất không được, mung lung huyền ảo, nhưng ta vẫn có thể cảm thấy được qua trung gian tiếng nói thầm lặng của lương tâm. Kể nào thờ phượng Nguyên lý tuyệt đối ấy, phải thờ trong yên lặng và trong sự u tịch thiêng liêng ấy của tâm hồn mình. ⁴⁰

Bà Blavastsky còn viết: Atman, Đại ngã... Sẽ tỏ quyền năng cho kẻ nào có khả năng nghe được tiếng nói thầm lặng của lương tâm... Từ thừa ban sơ cho đến thời hiện đại, không một triết gia chân chính nào mà không mang trong đền đài u tịch của tâm hồn mình chân lý cao đại và huyền diệu đó. Nếu là trường hợp người được điểm đạo, thì sự học biết về lương tâm lại trở thành một khoa học thiêng liêng ... ⁴¹

C. Trời, luật trời, Đạo trời chẳng hề rời xa con người một phút giây.

Đọc câu Đạo bất khả tu du ly nơi đầu sách Trung Dung tôi đã tìm ra được ba nhận định hết sức quan trọng của người xưa về đạo giáo.

1. Một là trời chẳng hề xa con người.

2. Hai là luật trời chẳng hề có ở ngoài con người, mà đã được ghi tạc ngay trong tâm khảm, thâm tâm con người.

3. Ba là Chân đạo hay là con đường dẫn người tới trời đã có sẵn ngay trong tâm hồn mỗi một người.

Tôi cho rằng đó là những quan niệm hết sức xác đáng.

1. Trời chẳng hề xa con người.

Nếu trời là căn cơ gốc gác con người, thì Trời làm sao mà rời xa con người được?. Chính vì tin rằng Trời chẳng là xa mình, nên người quân tử trong đạo Nho luôn luôn e dè kính cẩn, dẫu là khi ở một mình.

E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi cho nên hĩ hùng.

Càng ẩn náo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng... (Trung

Dung chương I)

1. Luật Trời chẳng lià xa con người.

Chương XII Trung Dung viết:

Đạo luôn gần gũi người đời,
Những ai lập đạo xa rời chúng dân,
Hiếu kỳ lập dị là nhảm.

Kinh Thi viết:

Đẻo cán rìu có liền bên cán mấu,
Trông lại nhìn cổ dấu cho in.
Ngắm đi, ngắm lại liền liền,
Đẻo lui đẻo tới mắt xem chưa vừa,
Nên người quân tử, khi lo giáo hóa,
Sửa trị người sẵn có khuôn người,
Thấy người giác ngộ thời thôi,
Đã chiều cải hóa liệu bài ta ngưng...

2. Con đường từ người dẫn đến Trời đã có sẵn trong tâm thần con người.

Nhận định này chỉ là một sự suy diễn tự nhiên của quan niệm Trời chẳng xa người đã đề cập ở nơi trên. Thực vậy đạo chẳng qua là sự tìm ra được Trời ngự trị trong lòng mình, tìm lại được bản tính thần minh sang cả của mình, bắc được nhịp cầu giữa lòng mình với Thần Trời trong mình, phạt quang được gai góc, lách lau của thất tình, lục dục, phá tan được lớp sương mù dày đặc của sự ngu si mê vọng. Cho nên con đường trở về Thiên quốc, con đường quy nguyên phản bản Nho giáo, không thể nào tìm thấy được trên muôn vạn nẻo đường của trần ai ngoại cảnh, của muôn dặm thình không mà chính là đã có sẵn trong tâm thần chúng ta.

Chu Hi khi bình chương nhất Trung Dung viết:

Tử Tư nương ý chân truyền,
Trung Dung hạ bút nói liền duyên do,
Nguồn đạo ấy phát từ Thượng Đế,

Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời,
Hòn toàn đầy đủ nơi người,
Một giây một phút chẳng rời khỏi ta.
Rồi bàn tiếp chi là cần thiết,
Nhế Dương, Tôn, Tinh, Sát v.v...

Cuối cùng, tác giả luận bàn, sức thiêng biến hóa thánh
thần uy linh.

Những học giả muốn tìm đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai,
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung...

(chương nhất, lời bình của Chu Hi).

Thông Thiên học cũng chủ trương phải tìm Đạo, tìm
Trời ngay trong lòng mình.

Ong Joy Mills, trong một bài thuyết trình tại đại hội Thông
thiên quốc tế ở Salzburg, có trích dẫn một đoạn Upanishad
như sau:

Có một ánh sáng chiếu soi khắp cùng trời đất, đó là
ánh sáng chiếu soi trong lòng chúng ta. Có một nhịp cầu nối
liền thời gian và vĩnh cửu, và nhịp cầu ấy là Thần con người.
Trên cầu ấy, chẳng có ngày đêm, chẳng có lão tử, chẳng có sầu
muộn ưu tư...

Một khi đã tìm thấy nhịp cầu ấy, con người sẽ
nhìn thấy rõ tương lai và sẽ khỏi hết thương tích, bệnh tật. Đối
với ai đã vượt được qua cầu ấy, đêm sẽ trở thành như ngày, vì
trong thế giới thần linh, có một ánh sáng vĩnh cửu...⁴²

Đại hội Thông Thiên ở Salzburg còn nhận định
rằng: 'Người ta thấy được Thượng Đế trong tạo vật Ngài... Ngay
trong lòng mình, con người có thể tìm thấy đời sống Thượng đế.
Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này cũng vĩ đại như sự
khám phá ra nguyên tử năng. Nó cho con người quyền lực tinh
thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người
một sức mạnh kỳ diệu.'⁴³

C. Những phương pháp tổng quát để tiến tới Trung
Dung, tới tuyệt điểm tinh hoa.

Sau khi đã vạch rõ cho con người thấy rằng mình có một căn cơ hết sức sang cả, đó là Thiên tính, sau khi đã cho con người thấy rằng, Trời và định luật Trời, con đường đưa về Trời đã có sẵn cả trong tâm, Trung Dung đề ra ba phương pháp chính yếu để giúp con người tiến tới hoàn thiện.

1. Mở mang trí tuệ để đi đến chỗ đại trí, đại giác. Đó là TRÍ.
2. Luôn luôn thực thi những điều hay, để trở nên hoàn thiện. Đó là NHÂN.
3. Cố gắng không ngừng để đi đến chỗ tinh vi cao đại. Đó là DŨNG.

Trung Dung viết:

Muốn thông thái không ngoài học vấn,

Muốn tu nhân phải gắng công lao.

Muốn nên hùng dũng, anh hào,

Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.

Trí, Nhân, Dũng, tu thân ấy lý.

Biết tu thân ắt trị nổi người,

Trị người hiểu biết khúc nhi, Con thuyền thiên

hạ âu tài đẩy đưa... (T.D. XX)

Muốn phát huy những năng lực nội tại, những đức tính nội tại, con người không cần phải vào thâm sâu cùng cốc, mà chỉ việc vui sống với mọi hoàn cảnh mình gặp trên bước đường đời (T.D. XIV), mà chỉ cần kiên gan bền chí, đừng bán đồ nhi phé (T.D. XI).

D. Mục đích của con đường phấn bản hoàn nguyên là PHỐI THIÊN.

Sau khi đã dùi mài học hỏi, suy tư đến mức khai thông được trí huệ, sau khi đã tha thiết thực thi những điều hay, điều phải đến mức Nhân Đức vẹn toàn, sau khi đã cố gắng phát huy, được những năng lực tinh thần, để có thể tiến tới mức tinh vi cao đại, đến chỗ chí cao, chí mỹ, chí thành, chí thiện lúc ấy con người sẽ đạt đích.

Trung Dung gọi sự đắc đạo, đạt đích là đạt tới Trung Dung. Trung Đạo, là “Thung dung Trung Đạo”, là PHỐI THIÊN, là sống phối kết, hợp nhất với THƯỢNG ĐẾ.

Trung Dung phát họa bậc thánh nhân ấy như sau:

Chỉ có đấng chí thánh trong trần thế,
Mới có đầy đủ thông minh trí huệ,
Y như thể có Trời ẩn náo, giáng lâm,
Mới khoan dung, hòa nhã, ôn thuận,
Y như thể có dung nhan Trời phát phưởng,
Phấn phát tự cường, kiên cương, hùng dũng,
Y như là đã cầm giữ được sức thiêng,
Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
Y như thừa hưởng đôi phân kính cẩn,
Nói năng văn vẻ, rõ ràng, cẩn thận,
Y như là đã chia được phần thông suốt, tinh vi.
Mệnh mang sâu thẳm ứng dụng phải thì
Mệnh mang như khung trời bao la vô hạn,
Sâu thẳm như vực, muôn trùng sâu thăm thẳm,
Thấy bóng Ngài dân một dạ kính tôn,
Nghe lời Ngài dân tin tưởng trọn niềm,
Ngài hành động muôn dân đều hoan lạc.
Nên thanh danh Ngài vang lừng Trung quốc,
Vượt biên cương lan tới các nước ngoài,
Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,
Đâu có được trời che, và đất chở,
Đâu còn có nhật nguyệt hai vầng tỏ mở,
Đâu có móc động, đâu có sương rơi,
Đâu còn có dòng máu nóng con người.
Ở nơi đó, Ngài vẫn được tôn sùng quý báu,
Thế nên gọi là “CÙNG TRỜI PHỐI NGẪU”.

(T.D. XXXI)

Phần tổng luận, đúc kết.

Trên đây tôi đã dùng Tứ Thư, Ngũ Kinh phác họa lại con đường phấn bản, hoàn nguyên. Tôi đã đi vào nhiều chi tiết, viện dẫn nhiều chương cú, để trình bày cặn kẽ các khía

cạnh, các giai đoạn của con đường đó. Trong khi làm công việc đó, tôi sợ đã làm tổn hại tâm tư của quý vị. Để đền bù lại, tôi xin toát lược thực giản dị lập trường và chủ trương của Nho giáo về vấn đề Qui Nguyên Phần Bản như sau:

Muốn phần bản hoàn nguyên, phải nhận ra được rằng mình có Thiên tính, mình là dòng dõi Trời, là những vì thiên tử, những vì con của Thượng Đế luân lạc xuống cõi hồng trần này, cho nên phải phấn đấu để phục hồi nguyên vị cũ, trở lại quê hương cũ.

Thứ đến phải nhận định được rằng Trời hay Đạo chẳng có ở đâu xa, mà đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người. Như vậy liền biết được ngay là muốn tìm Đạo, tìm Trời phải trở về nơi tâm mà tìm kiếm.

Vì trong ta có Trời, có thiên tính, cho nên muốn trở về với Trời phải rũ bỏ phàm tâm, nhân tâm để mặc lấy Thiên tâm, Thiên tính.

Mà nhân tâm là những gì bất toàn, những gì qui ước, những gì nhân vi nhân tạo, những gì phản ảnh lại hoàn cảnh lịch sử, địa dư, chủng tộc, phong hóa, tập quán bên ngoài.

Mà Thiên tính là những gì toàn hảo, chí công, chí chính, siêu không gian và thời gian, những gì thiên nhiên, thiên tạo.

Rũ bỏ nhân tâm, phàm tâm. Mặc lấy Thiên tâm tức là vượt lên trên những gì biến thiên, để đi vào vĩnh cửu, vượt lên trên sinh tử, để đi vào trường sinh, vượt lên trên những gì tỉ tiện, để trở về tinh hoa, cao đại, vượt lên trên khiếm khuyết, bất toàn, để thực hiện viên mãn, toàn hảo.

Có làm xong được công trình này mới mong hợp nhất được với Thượng Đế, Phối Thiên, Phối mệnh, Thung dung Trung Đạo, duy Nhất, duy Tinh.

Cách đây hơn hai mươi năm, trong khi soạn thảo Trung Dung, tôi đã đúc kết lại Tinh hoa đạo Nho bằng ít vần thơ lục bát. Những vần thơ ấy đồng thời cũng phát họa lại con đường Phần Bản Hoàn Nguyên của Nho giáo, nay xin đem cống hiến quý vị và cũng là để tổng kết lại đề tài thuyết trình hôm nay:

Luân lạc mãi tới bến bờ xa lắc,

Trong đêm tăm, phiêu dạt biết về đâu,
Lên đèn sống trên tròng dương thời khắc,
Chẳng buông neo, dừng lại được ngày sao?
Biên khu luân lạc từ bao,
Tìm sao cho thấy đường vào Trung Dung,
Đường Trung Dung linh lung ẩn khuất,
Nẻo Bồng Lai gai dấp, lau che,
Bao giờ mới tỉnh giấc mê,
Bao giờ tâm tứ mới hướng về tinh vi?
Bao giờ cái thế nguy mới hết,
Biết bao giờ Nhân hiệp với Thiên?
Bao giờ Thiên mệnh sáng lên,
Trời mây khắp chốn ám êm, hiệp hòa
Gấm cho kỹ Tính là thiên mệnh,
Là tinh hoa, là chính đạo Trời,
Vững trăng minh đức sáng ngời,
Mà mây nhân dục lấp vùi mất trăng.
Nhưng trăng sáng muôn năm vẫn sáng,
Mây dù che, chẳng phạm đến trăng,
Chỉ e trần thế tối tăm,
Con đường phiêu lãng muôn phần gian lao.
Trời cao cả nhẽ nào chẳng sợ,
Trời chẳng xa, trời ở đáy lòng.
Cho nên nội kính, ngoại cung,
Mắt nhìn chẳng thấy, tưởng chừng kẻ bên,
Trời tuy thị vô biên, vô tận,
Nhưng mà trời vẫn lẩn trong tâm.
Thật là kỳ ảo khôn cùng,
Không hơi không tiếng vẫn lừng uy danh.
Khuôn phép Trời chí thành chí thiện,
Tiếng của Trời là tiếng lương tâm,
Mới hay trong chốn cát lằm,
Muôn ngàn đã sẵn vô ngần ngọc châu,
Mới hay giữa sông sâu, núi thẳm,
Vẫn có đường bằng phẳng thênh thênh,
Đường Trời rong ruổi mặc tình,

Không xiên, không vẹo, không vênh, không tà,
Đường Trời nọ bao la thẳng dăng,
Không quanh co, không vận, không xiên,
Đường Trời phẳng lặng êm đềm,
Không hề tráo trở, đảo điên vạy vò,
Đường Trời nọ thẳng vo thẳng tắp,
Vút một lèo tới cực cao minh,
Đó là duy Nhất, duy Tinh,
Đó là Thái cực tinh thành xưa nay.
Cuộc phù thế chớ say danh lợi,
Bả lợi danh phát phổi, hãm huyền,
Chớ mê những cái đảo điên,
Mà quên mất cái vững bền ngàn thu,
Sông thế sự hãy ưa chèo ngược,
Chèo ngược dòng lên tuốt căn nguyên.
Căn nguyên là chính THANH THIÊN,
Vô biên vô tận triển miên không cùng.
Bỏ phù phiếm tìm tông, tìm tích,
Dương cung thần ngắm đích Thân Tâm,
Bắn vào Trung điểm Tâm Thần,
Ấy là thoát cõi hồng trần lảm than,
Như trăng sáng băng ngàn trần thế,
Rẽ Đầu Ngưu, đơm vẻ thần tiên.
Ấy là tâm pháp thánh hiền,
Ấy là Trung Đạo tương truyền xưa nay.
Mấy tạo hóa phối bày trước mắt,
Lẽ huyền vi đâu bắt tầm hơi,
Mới hay muôn sự tại người,
Một lòng vàng đó Trời cũng thua.
Hãy học hỏi cho ra gốc ngọn,
Hãy cố công làm trọn mệnh Trời,
Tìm kia lạc lõng tả tơi,
Thu về dừng để vãi rơi ngoài đường,
Tĩnh Trời ấy khuôn vàng thước ngọc.
Phải chất chiu bao bọc ngày đêm.
Tồn tâm dưỡng tính cho chuyên,

Tơ hào nhân dục, chớ hoen gương Trời.
Lòng băng tuyết thanh thoi, thăng đấng,
Sống đơn sơ, kết bạn vô biên,
Rộng dày cùng đất sánh duyên,
Cao minh kết ngãi thanh thiên muôn nghìn.
Mỗi động tác phải nên gương mẫu,
Mỗi hành vi nên dấu nên khuôn,
Lời lời, ngọc nhả châu phun,
Lưu cho hậu thế muôn ngàn dài lâu.
Gẫm đạo lý có sau có trước,
Lẽ âm dương có ngược có xuôi.
Ngược là gió cuốn bụi đời.
Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lấm
Có thử thách mới phân vàng đá,
Có lấm than mới rõ chuyện đời.
Khi xuôi, sấm chớp tới bởi,
Tảng sâu bày giải căn trời nội tâm.
Trông tỏ đức chí nhân chí chính,
Biết mục tiêu sẽ định, sẽ an.
Rồi ra suy xét nguồn cơn,
Con đường Phối Mệnh chu toàn tóc tơ.
Vốn hoàn thiện quang hoa mọi nhẽ,
Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh,
Quang minh rồi mới tinh thành,
Ấy nhờ giáo hóa tập tành mà nên.
Đã hoàn thiện tất nhiên thông tuệ,
Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.
Việc gì tính trước cũng linh,
Không toan tính trước âu đành dở dang.
Lời xếp trước hoang mang khôn nhẽ,
Việc tính rồi, hồ dễ rối ren,
Hành vi đã sẵn chốt then,
Sẽ không vấp vướng, sẽ nên tinh thành.
Đạo làm người có rành duyên cố,
Sẽ mệnh mang muôn thừa muôn đời...

Hoàn toàn là đạo của Trời,
Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.
Người hoàn thiện cất tay là trúng,
Chẳng cần suy, cũng đúng chẳng sai,
Thung dung Trung Đạo thảng ngày,
Ấy là vị thánh từ ngay lọt lòng.
Còn những kẻ cố công nên thánh,
Gặp điều lành phải mạnh tay co,
Ra công học hỏi thăm dò,
Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.
Đẩn đo suy nghĩ kỹ càng,
Biện minh thấu triệt, mới mang thi hành.
Đã định học chưa thành chưa bỏ,
Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.
Đã suy, suy hết khúc nôi,
Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy.
Biện luận mãi tới khi vỡ lẽ,
Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua,
Đã làm làm tới tinh hoa,
Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.
Người một chuyển thân toàn thắng lợi,
Ta tốn công dờ dỏi trăm khoanh,
Người làm mười bận đã thành,
Ta làm nghìn thứ ta ganh với người.
Đường lối ấy nếu ai theo được,
Dẫu u mê, sau trước sẽ thông.
Dẫu rằng mềm yếu như không,
Rồi ra cũng sẽ ra lòng sắt son.
Đạo quân tử như in lữ thứ,
Muốn đi xa phải tự chỗ gần.
Đạo người như cuộc đặng san,
Muốn lên tới đỉnh, đầu đàng là chân.
Việc trời thực muôn phần huyền ảo,
Thực sâu xa, ẩn náo khôn cùng,

Cho hay đức nhẹ như lông,
 Nhưng lông chưa thoát được vòng trọng khinh,
 Đức Trời thực uy linh siêu việt,
 Không tiếng tăm trắc tuyệt vô cùng.
 Cho người cái đạo Trung Dung,
THIÊN NHÂN NHẤT QUÁN, thần thông diệu huyền.
 Khủng cụ rồi, phối thiên phối mệnh. ⁴⁴
 Ấy đầu đuôi, động tĩnh phù trầm.
 Nguyên lai, bản mặt, thiển thâm,
 Hiển vi tụ tán, xa gần, ngược xuôi. ⁴⁵
 Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,
 Áo thô sơ che dụ gấm hoa.
 Rồi ra vàng ngọc chói lòà,
 Trời người định vị, Trung Hoà vô biên...

(Hết)

26 Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hoả chi thuỷ nhiên, tuyên nhi thuỷ đạt. Cầu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cầu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu.

Mạnh tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, 6

Chu Hi bình: Nên, theo Mạnh Tử, thì căn cứ vào nhân tình, ta có thể suy ra điều thiện - thiện đây là tính thiện - ý nói đi ngược dòng tình cảm, sẽ hay biết Tính vậy

Dịch theo . **Tổng Nguyên Học Án**, q. 48, tr. 19 (Hối Ông học án)

27 Thị cố quân tử tôn đức tính, nhi đạo vấn học, trí quảng đại nhi tận tinh vi, cực cao minh nhi đạo Trung Dung.

Trung Dung XXVII.

28 Cực cao minh nhi đạo Trung Dung.

Trung Dung XXVII

29 Cố viết Phối Thiên.

Trung Dung XXXi.

30 " Ô moines, il y a un état non-né, non- devenu, non-conditionné, non-composé. S'il n'y avait pas un tel état qui soit non-né, non-devenu, non-conditionné, non-composé, il n'y aurait

aucune évasion possible pour ce qui est né, ce qui est devenu, ce qui est conditionné. Puisqu'il y a un tel état, il y a une évasion possible de ce qui est né, de ce qui est devenu, de ce qui est conditionné, et de ce qui est composé."

Présence du Bouddhisme, p. 268- *Udanà*, p. 129, Colombo, 1929.
31 Nous devons donc trouver, quelque part, un centre d'où partent pour ainsi dire tous les autres plans de l'existence. Une fois là, nous devons essayer de trouver une solution. Voilà le programme. Où est ce centre? Il est en dedans de nous. Les anciens sages ont cherché de plus en plus profondément jusqu'à ce qu'ils aient trouvé qu'au coeur le plus intime de l'âme humaine est le centre de l'univers tout entier. Tous les plans gravitent vers ce seul point; il est leur terrain commun et c'est seulement en nous placant là que nous pourrions trouver une solution commune..."

Vivekananda, *Jnana Yoga*, p. 138.

32 Xem Văn Đạo Tử, *Giảng đạo tinh hoa lục*, tr. 36b.

33 La découverte du **Centre du Soi, qui coïncide avec Brahman**, et qui **correspond au centre de l'espace et au centre du temps**, ces deux centres qui permettent au sacrificiant d'échapper à l'espace et au temps, est la grande découverte des Brahmanes, celle qui mène à l'orée de l'Upanishad.

Lilian Silburn, *L'Instant et Cause*, p. 103.

34 Sở dĩ Phật tính, tựu thị Thiên Tính. Dĩ tựu thị Nhu Gia sở vị Thiên Mệnh, sở vị Đạo Liêu. Nan quái Khổng tử viết: Triêu văn Đạo, tịch tử khả hỹ.

Lịch đại Cao Tăng cổ sử, q. 7, tr. 30.

35. Dieu, dit l'Écriture, est la vie de l'homme. **Ipse est vita tua**. (*Deutéronome*, XXX, 20. Texte de la Vulgate cité par St Thomas D'Aquin, *Summa Theologica*, Ia-IIae, q. 110 a.1, obj. 2) et Saint Augustin a souvent affirmé que Dieu est la vie de l'âme, comme l'âme elle-même est la vie du corps. Il est donc la vie de notre vie. (Saint Augustin, *Confessions*, VII, 1,2 et X, 6, 10).

Cf Émile Gilson, *Théologie et Histoire de la Spiritualité*, Paris, Librairie philosophique, J. Vrin. 1943, p. 10

36 Il y a un Infini en nous.

Florilège de la pensée théosophique moderne, *Lotus Bleu*, 72 Année, no II, Novembre 1967, p.293.

37 L'illumination spirituelle révèle l'Élément unique qui est dans l'esprit et dans le coeur de tout être humain.

Florilège de la pensée théosophique moderne, *Lotus Bleu*, 72 Année, Aout-Septembre 1967, p.235.

38 Notre temps a besoin de reconnaître en tout homme une étincelle divine, et des possibilités infinies.

(*Ibidem*, p. 235).

39 Pour la Religion Dieu et l'Homme, la Qualité et la Forme étaient séparées, elle enseigne maintenant qu'ils sont un.

Lotus Bleu, 72e Année, Décembre, 1967, p. 326.

40 Seul l'inconnaissable et incognoscible Karana, La Cause sans Cause de toutes les Causes, devrait avoir son sanctuaire et son autel sur le terrain sacré et solitaire de notre coeur -invisible, insaisissable, indistinct, sauf par la 'petite voix silencieuse' de notre conscience spirituelle. Ceux qui l'adorent devraient le faire dans le silence de la solitude sanctifiée de leurs âmes.

Lotus Bleu, Janvier 78, p. 17.

41 " L'Atman, le Soi...montrait toute sa puissance à celui qui était capable de reconnaître la 'petite voix silencieuse'. Depuis les jours de l'homme primitif...jusqu'à notre âge moderne, il n'y a pas eu un philosophe digne de ce nom qui n'ait pas porté dans le sanctuaire silencieux de son coeur, la grande mystérieuse vérité. Si c'était un Initié, il l'apprenait comme une science sacrée.

Doctrine Secrète, vol. 5, p. 67. *Lotus Bleu*, 75e Année, No I, p. 18.

42 Il est une lumière qui brille au delà de toutes les terres, sur terre au-delà de nous tous, au-delà des cieux vraiment les plus hauts. C'est une lumière qui brille dans nos coeurs. Il y a un pont entre le temps et l'éternité et ce pont est l'Esprit dans l'homme. ni le jour ni la nuit ne traversent ce pont; ni la vieillesse, ni la mort, ni le chagrin... Quand on a trouvé ce pont, les yeux de l'avenir peuvent voir, les blessures du blessé guérissent, et le malade guérit de sa maladie. Pour celui qui

franchit ce pont, la nuit devient comme le jour, parce que dans le monde de l'Esprit, il y a une lumière que est éternelle.

Lotus Bleu, 72e Année, 4 Avril. 1967, p. 115.

43 On trouve Dieu dans sa création... Dans le coeur même de l'homme, on peut trouver la vie divine. En religion, cette découverte est aussi révolutionnaire que la découverte atomique. Elle place dans la main de l'homme un pouvoir spirituelle sans limite, comme l'énergie atomique lui a donné un prodigieux pouvoir physique. (*Lotus Bleu*, 72e Année, Déc. 1967, p. 327.)

44 Trước thời kính sộ Trời tiếm ẩn đáy lòng. Sau trở nên hoàn thiện phối hợp với Trời. Thế là đầu đuôi của công cuộc tu trì.

45 Đặt Trời vào Tâm Điểm con người, sẽ hiểu rõ lẽ:

Động (Người)

Tĩnh (Trời)

Phù (nổi) = Người

Trầm (chìm) = Trời.

Nguyên (Nguồn gốc) = Trời

Lai (Phóng xuất ra) = Người

Bản (Gốc) = Trời.

Mạt (Ngọn) = Người.

Thiển (Nông) = Người

Thâm) (Sâu) = Trời

Hiển (Hiển lộ) = Người

Vi (Vi ẩn) = Trời.

Tụ (tụ lại), về với Trời.

Tán (tán ra) lia xa Trời.v.v...

Nhị thập tứ hiếu

Nhị thập tứ hiếu là 24 gương hiếu thảo.

Đây là 24 gương hiếu thảo của người xưa bên Tàu. Nhà văn Quách Cự Nghiệp (1277-1367) đời nhà Nguyên sưu tầm và biên soạn, truyền qua nước ta.

Ở ViệtNam, Ông Lý Văn Phức (1785-1849) , đậu Cử Nhân, làm quan dưới 3 triều Vua nhà Nguyễn : Minh-Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, là một nhà Nho chủ trương đạo-đức, liền dịch truyện Nhị thập tứ hiếu của Quách Cự Nghiệp ra thơ song thất lục bát, để truyền bá và răn dạy người đời.

Nho Giáo dạy về Nhơn Đạo nên lấy chữ hiếu làm căn bản đạo-đức con người (Kinh Nho Giáo: khai nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu). Người không hiếu với cha mẹ thì nhứt định không đạo-đức, không dùng được.

Đạo Cao-Đài vốn chủ trương Nho Tông chuyển thế nên luôn luôn đề cao Trung hiếu và Nhơn Nghĩa. Đức Hiếu làm đầu trong mọi đức tánh khác. Trước hết là phải hiếu với cha mẹ nơi cõi phàm trần , sau đó còn phải hiếu với hai đấng Cha Mẹ thiêng liêng là Đức Chí-Tôn và Đức Phật Mẫu, bởi vì xác thân phàm do cha mẹ phàm sanh ra và nuôi dưỡng, còn linh hồn và chơn thần do Đức Chí-Tôn và Đức Phật Mẫu tạo ra.

Nơi mặt tiền của Báo Ân Từ trong Nội Ô Tòa-Thánh Tây-Ninh , Hội Thánh cho đắp 24 bức tranh nổi ghi lại sự tích Nhị thập tứ hiếu để nhắc nhở tín đồ Cao-Đài không được thất hiếu với cha mẹ.

Thứ tự 24 bức tranh này khác với thứ tự trong sách Nhị thập tứ hiếu của Lý Văn Phức. Chúng tôi chép lại sự tích theo thứ tự của 24 bức tranh này, kèm theo lời thơ của Ông Lý Văn Phức.

Mở đầu:

Người tai mắt đứng trong Trời Đất,
Ai là không cha mẹ sinh thành ?

Gương treo Đất nghĩa Trời kinh,(1)
Ở sao cho xứng chút tình làm con.
Chữ hiếu niệm cho tròn một tiết,
Thì suy ra trăm nét đều nên.
Chẳng xem thuở trước Thánh Hiền,
Hiếu hai mươi bốn thơn nghìn muôn thu.

I- Ngu Thuấn

Ông Thuấn họ Ngu, cha là Cổ Tẩu, mẹ là Ốc Đẳng rất hiền đức mà mất sớm. Cổ Tẩu có tánh ương gàn, mê muội, độc ác, cưới vợ kế, sanh được một con trai đặt tên là Tượng. Cảnh mẹ ghẻ con chồng thật là khắc nghiệt. Em Tượng lớn lên lại rất điều ngoa và hỗn xược. Cổ Tẩu thường nghe lời người vợ kế mà dày đọa Thuấn.

Có lần bà mẹ ghẻ xui khiến Cổ Tẩu sai Thuấn đi cày ở đất Lịch Sơn, là nơi có nhiều cọp dữ, mục đích để trừ khử Thuấn. Thuấn nghe lời cha mẹ không chút than van, đến đó cày đất. Lòng hiếu thảo của Thuấn cảm động đến Trời cao, khiến cọp dữ không dám đến gần, voi ra cày đất, chim bay đến nhặt cỏ.

Thấy không hại được Thuấn bằng cách đó, bà mẹ ghẻ lại xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi đánh cá ở đầm Lợi Trạch, là nơi thường có sóng to gió lớn nhận chìm tàu thuyền, không ai dám bén mảng tới gần đó. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, đến đó đánh cá, sóng gió lặng yên như ngầm giúp cho người con hiếu thảo.

Dù bị hãm hại nhiều lần, nhưng Thuấn không hề oán trách cha và mẹ ghẻ, vẫn thương yêu em Tượng, sống hiền hòa hiếu thuận như không có gì xảy ra, thường lo phụng dưỡng cha mẹ và vái Trời Phật cho cha mẹ được sống lâu và em Tượng được mạnh khỏe luôn.

Với tấm lòng cao cả của Thuấn, bà mẹ ghẻ hồi tâm, ân hận các việc làm độc ác đã qua, trở lại thương yêu Thuấn.

Tiếng hiếu thảo của Ông Thuấn được đồn vang đến tai vua Nghiêu đang lo tìm người hiền để truyền ngôi vua. Vua Nghiêu đem hai người con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh gả hết cho Thuấn, và sau đó truyền ngôi lại cho Thuấn.

Đức Đại Thánh họ Ngu tên Thuấn,
Buổi tiem long gặp vận hàn vi.

Tuổi xanh khuất bóng từ vi,
Cha là Cổ Tẩu, người thì sang ngang.
Mẹ ghẻ lại tánh càng gay gắt,
Em Tượng nên rất mặt điều ngoa.

Một mình thuận cả vừa ba,
Trên chịu cha mẹ dưới hòa cùng eam.
Trăm cay đắng một niềm ngon ngọt,
Dẫu tử sanh không chút biến dời.

Xót tình khóc sớm kêu mời,
Xui lòng ghen ghét hóa vui dần dần.
Trời cao thăm mấy từng cũng đến,
Vật vô tri còn mển lựa người.

Mấy phen non Lịch pha phôi,
Cỏ chim vì lượm, ruộng voi vì cày.
Tiếng hiếu hữu xa bay bệ Thánh,
Mạng trung dung trao chánh nhường ngôi.

Cắm thi xiêm áo thánh thời,
Một nhà đầm ấm trăm đời ngợi khen.

2-Hán Văn Đế

Vua Hán Văn đế tên là Hằng , con của Bạc Hậu, vợ thứ của vua Hán Cao tổ Lưu Bang, em cùng cha khác mẹ với Thái Tử Dinh (sau này lên nối ngôi là vua Huệ Đế), con của Lữ Hoàng Hậu. Lữ Hậu không muốn Hằng và Bạc Hậu ở tại Triều Đình , vì sợ tranh dành ngôi Thái-Tử của con Bà. Vua Hán Cao Tổ biết vậy nên đưa Hằng ra làm Thân Vương ở đất Đại. Hán Cao-Tổ mất, Thái-Tử Dinh lên nối ngôi xưng là Huệ Đế. Huệ Đế mất sớm, Lữ Thái Hậu lập Thiếu Đế lên ngôi và Bà nhiếp chánh chuyên quyền. Thừa dịp Lữ Hậu bệnh nặng, các đại thần đem binh bắt toàn gia Lữ-Hậu giết hết, rước Hằng về nối ngôi, hiệu là Văn Đế.

Vua Hán Văn Đế nổi tiếng là người hiếu thảo, tánh rất hiền hòa, được triều thần và dân chúng mển phục. Vua Văn Đế

lấy đức trị dân, bãi bỏ nhục hình, các lễ cống hiến, miễn thuế ruộng đất.

Bạc Hậu thường đau yếu luôn. Văn Đế luôn luôn hầu mẹ ngoài các buổi chầu nơi triều đình, thức đêm canh bệnh cho mẹ. Khi ngự y dâng thuốc, Văn Đế nếm trước rồi mới dâng cho mẹ uống.

Tứ quan chí dân, ai cũng biết vua Văn Đế là bậc chi hiếu, đều bắt chước theo. Cả nước được thái bình thịnh trị.

Khi Văn Đế vua hiền Hán đại,

Vâng ấn phong ngoài cõi thân vươngng.

Quên mình chức cả quyền sang,

Phụng thờ Bạc Hậu lễ thường chẳng sai.

Đến khi nối ngôi Trời trị nước,

Vẫn lòng nấy son sắt như xưa.

Mẹ khi ngại gió kinh mưa,

Ba năm hầu hạ thường như một ngày.

Mắt chong chóng, dấm say giấc ngủ.

Áo luôn mình dấm số đai lưng.

Thuốc thang mắt xét tay nâng,

Nếm tường trong miệng môi dâng dưới màn.

Tiếng nhưn hiếu đồn vang thiên hạ,

Thói thuần lương hóa cả lê nguơn.

Hai mươi năm lễ càn khôn.

Đã sau Tam Đại hãy còn Thành, Khương.

Ấy hai vị đế vương đời trước,

Chữ hiếu dành đá tạc vàng in,

còn ra sĩ thứ đẳng hiền.

Điểm xem mấy kẻ tiếng truyền đến nay.

3- Châu Thọ Xương

Châu Thọ Xương, người nước Tống, con của người vợ thứ trong gia-đình họ Châu. Năm Ông lên 7 tuổi, người vợ cả đuổi mẹ của Ông đi. Mẹ Ông sang ở đất Tần. Thọ Xương trưởng thành, được ra làm quan cho nhà Tống. nhưng lòng lúc nào

cũng thương nhớ đến người mẹ ruột.

Đến đời vua Tống Thần Tông, Ông xin từ quan để đi tìm mẹ. Khi ra đi, Ông thề rằng, nếu không tìm thấy mẹ thì nhất định không trở về nhà.

Ông đi khắp nơi, may đến đất Đông Châu thì gặp mẹ. Xa cách nhau năm chục năm, nay mẫu tử đoàn viên. Ông xin rước mẹ về ở chung nhà, đặt để bề phụng dưỡng.

Châu Thọ Xương làm quan Tống đại,
Mẹ sanh ra bảy tuổi lia lòng.

Bởi vì đích mẫu chẳng dung,
Đem thân bỏ liễu bạn cùng nước non.
Muôn ngàn dặm mẹ con xa khuất,
Năm mươi năm Trời Đất bơ vơ.

Sanh con những tưởng cậy nhờ,
Cái thân sung sướng bây giờ mà chi!
Từ quan chức quyết đi tìm tòi,
Nặng lời thề nói với gia-đình.

Thân nấy chẳng gặp từ thân,
Thì liễu sống thác với thân cho đành.
Trời đâu phụ tấm thành hiếu tử,
Chốn Đông châu bờ ngõ gặp nhau.

Nét mừng ai vẽ nên đạu,
Mẹ đầu nhuộm tuyết, con đầu hoa râm.
Đã bỏ lúc than ngâm khóc ngậm,
Lại vậy nên trên ấm dưới êm.

Cho hay máu chảy ruột mềm,
Chẳng Trời, ai tưởng còn tìm được đây.

4- Vương Tường

Vương Tường, sanh đời nhà Tấn, mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với cha và bà kế mẫu khắc nghiệt. Bà mẹ ghẻ thường hay thêu dệt nói xấu Vương Tường làm cho cha cũng lần lần ghét bỏ Vương Tường. Dầu vậy, Vương Tường vẫn rất hiền hòa hiếu hạnh.

Vào tiết đông băng giá, mẹ ghẻ đòi ăn cá tươi. Vương

Tường đi ra bờ sông, mặt sông đóng băng, ông nằm trên băng tìm kẻ hở để bắt cá. Bỗng nhiên, băng chỗ đó nứt ra, hai con cá chép theo đó vượt lên. Vương Tường mừng quá, túm bắt đem về làm món cá tươi dâng lên kế mẫu.

Kế mẫu cảm động, nhận ra tấm lòng hiếu thảo của Vương Tường, ân hận những điều sai trái do bà gây ra trước đây, nên trở lại thương yêu Vương Tường.

Người Vương Tường cũng là đời Tấn,
Tủ huyền đường sớm ẩn bóng xa.

Mẹ sau gặp cảnh chua ngoa,
Tiếng gièm thêu dệt với cha đủ điều.
Lòng cha chẳng còn yêu như trước,
Lòng con thương chẳng khác như xưa.

Mẹ thường muốn bữa sanh ngư,
Giá đông trời lạnh bấy chừ tìm đâu ?
Trên giá đóng quyết cầu cho thấy,
Cởi áo nằm rét mấy cũng vui.

Bống đâu giá lỗ làm hai,
Lý ngư may dệt một đôi đem về.
Bữa cung cấp một bễ kính thuận,
Mẹ cha đều đổi giận làm lành.

Cho hay hiếu cảm tại mình,
Dầu trăm giận, lúc hả tình cũng thôi.

5- Ngô Mạnh.

Ngô Mạnh, sanh vào đời nhà Tấn, mới 8 tuổi đã biết hiếu thảo với cha mẹ. Nhà rất nghèo đến nỗi không tiền mua muối. Đêm hè nóng nực, muỗi bay nhiều hàng đàn. Ngô Mạnh sợ cha mẹ bị muỗi đốt, mà lại không dám đập muỗi vì sợ cha mẹ nghe động thì thức giấc, nên liền cởi trần ra, nằm phía ngoài cho muỗi bay đến đốt mình cho no máu, khỏi bay vào đốt cha mẹ.

Tấn Ngô Mạnh tuổi thì lên tám,
Lòng sự thân chẳng dám khi nhàn.
Cực vì một nỗi bần hàn,

Có giường trọng đặt, không màn ngoài che.
Trời đương buổi đêm hè nóng nẩy,
Tiếng muỗi kêu vang dậy đường mưa.
Xót thay hai đấng nghiêm từ,
Để người chịu muỗi, bây chừ biết sao ?
Nghĩ da thịt phương nào thay lấy,
Quyết nằm trần, muỗi máy chẳng xua.
Dẫn lòng cho muỗi được no,
Để người êm ái giấc hòe cho an.
Tuổi tuy bé mà gan chẳng bé,
Dạ ái thân đến thế thì thôi.
Cho hay phú tính bởi Trời,
Những đau trong ruột dám nài ngoài da.

6- Hoàng Hương

Hoàng Hương, tự là Văn Cường, người đời Hậu Hán, mới 9 tuổi thì mẹ mất. Hoàng Hương thương nhớ mẹ khóc thảm thiết, thờ cha rất mực cung kính, thức khuya dậy sớm hầu cha, không dám xao lãng.

Vào mùa Đông, hoàng Hương nằm ủ vào chăn chiếu để truyền hơi ấm cho cha khỏi lạnh; đến mùa hè thì quạt mùng gối cho cha được mát mẻ luôn. Nhờ vậy mà người cha sống thoải mái vui tươi, không biết có mùa đông hay mùa hè.

Quan Thái Thú Lưu Hộ ở quận biết Hoàng Hương là người con hiếu nên làm sớ tâu lên Vua Hán xin ban thưởng để làm gương tốt cho mọi người.

Đời Hậu Hán Hoàng Hương chín tuổi,
Khuất bóng từ đời dãi nhớ thương.
Hạt châu không ráo hai hàng,
Tiếng hiền đồn dậy trong làng đều khen.
Thờ nghiêm phụ cần chuyên khuya sớm,
Đạo làm con chẳng dám chút khuây.
Khi Trời nắng hạ chảy chảy,

Quạt trong màn gối hơi bay mát dầm.
Trời đông buổi sương dầm tuyết thắm,
Ấp hơi mình cho ấm chiếu chăn.
Nhờ con cha đặng an thân,
Bốn mùa không biết có tuần hạ đông.
Tiếng hiếu kính cảm lòng Quận Thú,
Biển nêu treo chói đỏ vàng son,
Cho hay tuổi trẻ mà khôn,
Ngàn xưa sớm biết đạo con mấy người.

7- Đường Thi.

Đường thị, vợ nhà họ Thôi, ở với cha mẹ chồng rất hiếu thảo. Mẹ chồng quá già, răng đã rụng hết, không còn nhai cơm được nữa. Đường thị phải hằng ngày tắm rửa sạch sẽ, rồi cho mẹ bú để nuôi mẹ. Nhờ vậy mà mẹ chồng được sống thọ.

Cám ơn nàng dâu đã hết lòng nuôi nấng, bà mẹ chỉ biết khấn nguyện cùng Trời Phật ban bố cho con cháu nhà họ Thôi sau này người nào cũng hiếu thảo như Đường Thị..

Dâu họ Thôi ai bằng Đường Thị,
Thương mẹ chồng niên kỷ đã cao.
Không răng ăn dễ được nào.
Ngày ngày lau chải ra vào thăm coi.
Lấy sữa ngọt thay mùi cơm cháu,
Mấy năm trời chẳng gạo mà no.

Vì dâu dốt dạ thờ cô,
Da mỗi tóc bạc bốn mùa như Xuân.
Ớn tình ấy không phần báo lại,
Buổi lâm chung vái với Hoàng Thiên.
Xin nguyện cho đặng như nguyện,
Dâu dâu ngày khác đặng hiền như dâu.
Ai nghe cũng răn nhau hiếu kính,
Cửa Thôi gia hưng thịnh đời đời.
Cho hay gia khánh lâu dài,
Báu nào còn báu hơn người dâu ngoan !

8-Khương Thi

Khương Thi, sanh vào đời nhà Hán, có vợ là Bàng Thị. Hai vợ chồng đều rất hiếu thảo với mẹ.

Mẹ chồng muốn uống nước sông, Bàng Thị hằng ngày đi gánh nước sông ở thật xa đem về để dành cho mẹ dùng.

Mẹ muốn ăn gỏi cá tươi, Khương Thi không nệ rét mướt, đi bắt cá đem về làm gỏi dâng lên mẹ.

Thấy mẹ ở nhà một mình, sợ mẹ buồn bực, nên thường đến nhà quý Bà già hàng xóm đến chơi chuyện trò với mẹ cho vui tuổi già.

Về sau, bên cạnh nhà, tự nhiên sanh ra một dòng suối ngọt, nước suối có mùi vị y như nước sông và hằng ngày lại có 2 con cá chép từ suối nhảy ra Khương Thi bắt được đủ làm bữa gỏi dâng lên mẹ dùng, và Bàng thị khỏi đi gánh nước sông ở xa nữa.

Người ta cho rằng lòng hiếu thảo của vợ chồng Khương Thi làm cảm động lòng Trời nên Trời khiến sanh ra suối và cá như thế.

Hán Khương Thi nhà còn lão mẫu,
Vợ họ Bàng vẹn đạo chữ Tông.

Mẹ thường muốn uống nước sông,
Vợ từng đi gánh thay chồngng hầu cô.
Mẹ thường muốn ăn đồ gỏi cá,
Vợ chồng đều tằm tá đủ mùi.

Lại mời lân mẫu sang chơi,
Để bồi cùng mẹ cho vui bạn già.
Bên nhà bỗng chảy ra suối ngọt,
Với nước sông in một mùi ngon.

Lý ngư ngày nhảy hai con,
Đủ trong cung cấp thần hôn thường lễ.
Rày thông thả bỏ khi lặn đạn,
Cam thỏa lòng dâu thuận con hiền.

Cho hay gia đạo khi nên,
Đã con hiếu lại được hiền cả dâu.

9- Đình Lan

Đình Lan , sanh nhằm đời Hớn, mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Lớn lên thành lập gia thất, rồi thuê người tạc tượng cha mẹ bằng gỗ để thờ, để tưởng nhớ ơn cù dục cù-lao của cha mẹ. Đình Lan hết lòng thờ kính cha mẹ y như lúc còn sống . Mỗi khi đi và về đều thưa trình hẩn hỏi. Ngày dâng 2 bữa cơm, tối đến lo sửa soạn mừng mền chiếu gối y như cha mẹ còn sống vậy.

Phụng thờ như vậy được mười mấy năm, sau người vợ sanh ra giải đãi, lại dùng kim châm vào kẻ tay tượng gỗ xem thử có gì lạ không, không ngờ nơi ấy có máu chảy ra đỏ tươi, vợ Đình Lan hoảng sợ vô cùng. Đến khi Đình Lan trở về, vào trình cha mẹ thì thấy hai tượng gỗ đều chảy nước mắt, kẻ tay lại chảy máu. Đình Lan gọi vợ để hỏi thì vợ thật tình kể rõ.

Đình Lan cho là vợ phạm tội đại bất hiếu, không thể tha thứ được nên quyết định thôi vợ.

Hán Đình Lan thưở năm thơ ấu,
Bóng xuân huyền khuất dấu non xanh.
Đến nay tuổi đã trưởng thành,
Cám công sơn hải , thiết tình trân cam.
Tượng dung mạo khắc làm mộc tượng,
Cứ bữa thường phụng dưỡng như sanh.
Khi chẵn gối, buổi cơm canh,
Mấy mươi năm vẫn lòng thành trước sau.
Bởi người vợ thờ lâu nên trễ,
Thử lấy kim châm kẻ ngón tay.
Bỗng đâu giọt máu chảy ngay,
Ai hay tượng gỗ lâu ngày thiêng sao?
Khi đến bữa chồng về làm lễ,
Mắt tượng rơi hàng lệ chứa chan.
Xét xem mới biết nguồn cơn,
Nổi bùng lá giận, dứt tan dây tình.
Há phải nhẫn mà đành phụ nghĩa,
Hiếu với tình nặng nhẹ phải cân.
Cho hay thành hẩn nên Thân,
Há rằng u hiển mà phân vong tồn.

10- Lục Tích

Lục Tích, sanh vào đời Đông Hán, lên được 6 tuổi. Một hôm, Lục Tích theo cha sang quận Cửu Giang viếng Viên Thuật. Viên Thuật làm tiệc thiết đãi. Lục Tích thấy trên bàn tiệc có nhiều quít ngon, bèn lấy 2 trái giấu vào túi áo.

Khi mãn tiệc, đến chào Viên Thuật ra về, Lục Tích vô ý để quít lọt ra ngoài. Viên Thuật thấy vậy nói đùa:

-Sao cháu lấy quít giấu như thế?

Lục Tích liền quì thưa rằng:

-Mẹ con thích ăn quít lắm. Nhân thấy trong tiệc có nhiều quít ngon, con giấu 2 trái đem về biểu mẹ.

Viên Thuật khen ngợi Lục Tích còn nhỏ mà có hiếu.

Hán Lục Tích thuở còn 6 tuổi,
Quận Cửu Giang đến với họ Viên.
Trẻ thơ ai chẳng yêu khen,
Quít ngon đặt tiệc tiểu diên đãi cùng.
Cất hai quả vào trong tay áo,
Tiệc tan xong từ cáo lui chân,
Trước thêm khúm núm gởi thưa,
Vô tình quả quít nẩy lặn ra ngoài.
Viên trông thấy cười cười hỏi hỏi,
Sao khách hiền mang thói trẻ thơ?
Thưa rằng mẹ vốn tánh ưa,
Vật ngon dành lại để đưa mẹ thì.
Viên nghe nói trọng vì không xiết,
Bé con con mà biết hiếu thân.
Cho hay phú giữ thiên chơn,
Sanh ra ai cũng sẵn phần thiện đoan.

11- Vương Thôi.

Wương Thôi, người nước Ngụy thời Tam Quốc. Cha của Vương Thôi là Vương Nghi làm quan cho nhà Ngụy (Tào Tháo, Tào Phi), bị Tư Mã Chiên (con của Tư Mã Ý) giết chết, diệt luôn nhà Ngụy, diệt luôn nước Ngô (Ngô Tôn Quyền) và nước Thục (do Lưu bị lập ra), thống nhất sơn hà , mở ra nhà Tấn, gọi

là Tây Tấn.

Cha của Vương Thôi bị nhà Tây Tấn sát hại, ông quá thương xót, phủ phục trước mộ khóc mãi. Sách chép rằng: Nước mắt của Vương Thôi nhiều đến nỗi cây trúc trồng bên mộ xanh tươi bỗng trở nên khô héo. Vương Thôi suốt đời không quay mặt về hướng Tây để tỏ cái ý chí oán giận nhà Tây Tấn giết chết cha của Ông.

Mẹ của Vương Thôi lúc sanh thời rất sợ tiếng sấm. Khi mẹ mất rồi, mỗi khi chuyển mưa có sấm chớp, ông liền chạy ra mộ của mẹ, nằm sấp lên mộ khẩn rằng: Có con đây, mẹ chớ kinh sợ,

Nhà Tây Tấn biết Vương Thôi là người hiền nên nhiều lần vời ra làm quan, nhưng Vương Thôi nhất định từ chối. Ông cất nhà ở kế mộ phần của cha mẹ rồi mở trường dạy học.

Khi giảng sách cho học trò, đến chương Lục Nga trong Kinh Thi có câu: Ai ai phụ mẫu sanh ngã cù lao . . . thì ông nhớ đến cha mẹ, nước mắt đầm đề. Sau học trò của Ông bỏ chương Lục Nga không dám đọc nữa.

Ngụy vương Thôi gặp đời Tây Tấn,
Vì thù cha lánh ẩn cao bay.
Bên mồ khóc đã khô cây,
Trọn đời ngồi chẳng hướng Tây lúc nào.
Khi sấm sét tìm vào mồ mẹ,
Lạy khóc rồi: có trẻ ở đây.
Bởi vì tánh mẹ xưa nay,
Vốn từng sợ sấm những ngày gió mưa.
Nên coi sóc chẳng từ sớm tối,
Thần phách yên dạ mới được yên.
Trong khi đọc sách giảng truyền,
Tới câu " Sinh ngã " lệ tràn như tuôn.
Ngập ngừng kẻ cập môn cũng cảm,
Thiên Lục Nga chẳng dám còn ngâm.
Cho hay thử lý thử tâm,
Sư, sinh, cũng tấm tình thâm khác gì.

12-Manh Tông.

Manh Tông, tự là Cung Võ, sanh vào đời nhà Ngô (Tam Quốc), quê ở Giang Hạ. Cha mất sớm, Manh Tông phụng dưỡng mẹ rất có hiếu.

Một hôm mẹ đau nặng, bỗng bà bảo thêm một chén canh măng. Trời mùa đông giá lạnh buốt xương, trái mùa măng mọc. Manh Tông tìm mãi trong rừng tre chẳng có một măng nào, buồn quá, chẳng biết làm sao, đành ôm gốc tre khóc ngất. Bỗng đâu, có mấy măng màu xám từ đất mọc lên. Manh Tông mừng rỡ, xắn lấy đem về, nấu ngay một nồi canh măng dâng mẹ. Bà mẹ ăn xong canh măng thì khỏi bệnh.

Về sau có một loại tre cho loại măng màu xám giống y như vậy, được gọi là măng Manh Tông.

Ngô Manh Tông phụ thân sớm khuất,
Thờ mẫu thân lòng thực khấn khấn.
Tuổi già trần trọc bán khoản,
Khi đau nhớ bát canh măng những thêm.
Trời đông tuyết biết đâu tìm được,
Chốn trúc lâm phải bước chân đi.
Một thân ngồi dựa gốc tre,
Ôm cây kêu khóc nằn nì với cây.
Giữa bình địa phút giây bỗng nứt,
Mấy giò măng mọc đất nảy sanh.
Đem về nấu một bữa canh,
Ăn rồi bệnh mẹ lại lành như xưa.
Măng mùa lạnh bây giờ mới thấy,
Để về sau nhớ lấy cỏ cây,
Cho hay hiếu động cao dày,
Tình sâu cũng khiến cỏ cây cũng tình.

(còn tiếp)

CON ĐƯỜNG của NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO-ĐÀI

Hiền Tài Nguyễn long Thành

CHƯƠNG I

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cuộc giao tiếp giữa người Đông Phương và Tây Phương, vẫn thường có nhiều khó khăn vì sự bất đồng ngôn ngữ, phong hóa, nhất là khi bàn đến đời sống tinh thần và những vấn đề triết lý Đạo Giáo. Tại Việt Nam, tư tưởng đạo giáo đã thấm nhuần trong tư tưởng quần chúng từ bao thế hệ qua, nay đã trở thành một ý thức hệ vững chắc với nhiều sắc thái đặc biệt. Sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật đã giúp cho người Tây Phương tổ chức một đời sống vật chất dồi dào phương tiện hơn và đời sống tinh thần cũng phần nào bị chi phối vì những vật dụng đó. Hai nếp sống khác biệt giữa Đông và Tây hẳn nhiên phải đưa tới những phản khắc trong đời sống cộng đồng không ít thì nhiều, và đôi khi, cứ theo thời gian, điều tai hại ấy lớn dần cho tới khi thành hình rõ rệt và bùng nổ giữa sự bàng hoàng sửng sốt của cả đôi bên.

Loại bỏ ra ngoài những sự lợi dụng lẫn nhau trong những hành động thường nhật của kẻ không tu, chúng ta phải nghiêng mình cảm phục trước thiện chí của những người muốn khắc phục những trở ngại của nội tâm, ngoại cảnh, dung hòa các lối sống khác nhau từ đời ông cha đến bây giờ, hầu tạo cho đời sống hồng trần này một sự thoải mái tương đối từ thể chất đến tinh thần giữa những sự xung khắc chực chờ nổi dậy. Chính vì muốn đưa tay nâng đỡ những tấm lòng vàng đầy thiện chí đó mà tôi phải cố gắng góp nhặt và trình bày một cách giản lược những tư tưởng đã hoạch đắc nhờ sự tham khảo sách Đạo và sự va chạm với thực tế phủ phàng của con người trần tục.

Quyển sách nhỏ này thành hình và đến tay chư huynh trong trường hợp như trên. Trong năm chương ngắn ngủi sau đây, tôi sẽ cố gắng trình bày, bằng những lời lẽ hết sức giản dị,

THE PATH of *CAODAI DISCIPLE*

HT Nguyễn long Thành

CHAPTER ONE

FOREWORD

In negotiations between the oriental and the westerner, there usually has been trouble with the difference in languages and cultures, especially when discussing the spiritual life and religious philosophies. In Vietnam the religious ideas have had a great influence in the majority's mind through many successive generations to such a point that they form a solid system of thoughts with special aspect. Scientific and technical development really helps the westerner in organizing his life with more material facilities and as a result, his spiritual life has to be disturbed to a degree by these necessities. The differences in ways of living between the oriental and the westerner have caused conflicts in community life, at least in a minor form, though not easy for us to perceive. This advantage has grown with time until one day its explosion frightened everybody.

Ignoring the mutual profits of those who need not perfect themselves we must bow with gratitude to the voluntary passing away of all difficulties from inner or outer life. They are harmonizing distinct ways of living that separate peoples from many past generations in order to offer our earthen life a relative satisfaction in both spiritual and material spheres among the multitude of conflicts waiting to be aroused. It is to support these voluntarists that I want to gather and present in a simplified way the ideas from religious books, sacred bibles, from experiences with the ridiculous reality of human creatures. . . .

The formation of this handbook and its coming to you are such a case. In the following five chapters, with all my efforts, I will argue in a simple style some philosophical points

vài khía cạnh triết lý của một nền Tôn Giáo vừa mới được khai sinh cách đây 44 năm tại Việt Nam. Vì chủ đích phần nào nhằm tới người Tây Phương cố công tìm hiểu đời sống tinh thần của người Việt Nam, mà đời sống này lại được định hướng gần như trọn vẹn bởi những tư tưởng đạo giáo đã ăn sâu vào tâm thức, nên tôi thấy cần giúp cho chư huynh đệ đang tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa trong nội tâm của người dân bản xứ này, đã khiến cho họ có một đời sống tinh thần như hiện nay.

Đời sống tinh thần của người Việt Nam thật vô cùng phức tạp vì ảnh hưởng của nhiều giáo thuyết khác nhau. Chính vì thế các hoạt động tôn giáo đã dự phần quan trọng vào đời sống cộng đồng quốc gia tại xứ nhỏ bé đầy máu lửa này. Trong sự hỗn hợp đa diện những sắc thái đạo giáo như thế thật là khiếm khuyết nếu người ta vô tình hay cố ý làm lu mờ đi vai trò của Cao Đài Giáo trong xã hội Việt Nam.

Qua 44 năm lịch sử, những người theo Tôn Giáo này đã đóng một vai trò tích cực trong sự hình thành các cơ cấu chính trị hiện nay. Đó cũng là một trong những lý do khiến tôi soạn thảo tập tài liệu này hầu giúp thêm một phần nào cho những bậc cố công tâm Đạo cũng như những nhà nghiên cứu xã hội học hay những nhà thiện chí muốn đưa tay nâng đỡ sinh hoạt tôn giáo Việt Nam mà còn e dè không biết phải bắt đầu nơi đâu và làm cái gì cho thích hợp với nhu cầu và có kết quả.

Gần hơn, xuyên qua những cuộc phỏng vấn, luận bàn giữa các ký giả Tây Phương và chức sắc Cao Đài, đã có nhiều sự hiểu lầm của người Tây Phương khi họ thường nhìn và phê phán đời sống của người đệ tử Cao Đài dưới con mắt đơn thuần vật lý học của họ lại cũng có nhiều người thật tâm muốn tìm hiểu tất cả mọi khía cạnh của nền Tôn giáo mới này với ước vọng định hướng đời sống mình đúng với Thiên ý và đạt đến chơn hạnh phúc, nhưng có nhiều lý do đã khiến cho họ kết luận những điều trái với sự thật mà người đệ tử Cao Đài muốn phổ diễn.

Chắc chắn con người không thể nào hiểu được THƯỢNG ĐẾ là ai, khi tự ở trong nội tâm vẫn khư khư giữ một định kiến

CHÔNG HAI

of a new religion which was created forty-four years ago in Vietnam. This book aims in part at the westerner who wants to make a study of the Vietnamese people's spiritual life. Here religious life has infiltrated unwarily into the majority's conscience and has oriented their social activities, therefore I am trying to help you to understand the real reasons that have inspired them to choose their present way of living.

The spiritual life of the Vietnamese people is very complex due to the compound influences of many different religions. As a result, religious activities has an important role in the community life of this small nation full of tears, blood and fire of war. In such a multi-religious society it would be a great error if the role of CaoDaism was hidden away, whether willingly or unwillingly. Through the forty-four years of its history the followers of this religion have been playing an active parts in the formation of the present political policy and its organizations. That is also one the main reasons why I have prepared this book, in order to help to those who want to perfect themselves through religious ways as well as sociologists and voluntarists who want to support religious activities in Vietnam. These people may still have a sense of hesitation not knowing where to begin or what to do in order to be effective and consistent with their goals.

Closer to necessity, through many interviews and discussions about CaoDaism between western reporters and CaoDaist dignitaries there has been much misunderstanding about the life of a CaoDaist disciple. The westerners usually observed and commented with their purely physical eyes. There are also people who really want to know all aspects of this new religion with the great expectation of finding a new orientation for their activities, suited to God will, on order to achieve true happiness for themselves. But due to many factors, some of them come to a conclusion contrary to the truth that the CaoDaist disciple wants to express.

Sure, man will not be able to understand who God is and what He is if man himself continues to hold unchangable ideas deeply in his heart, saying that there is no God in the universe. It would really be hard to understand who and how is the One that

là không có Ngài trong vũ-trụ. Trong chiều hướng đó phải vất vả lắm mới tìm hiểu được ĐÁNG mà mọi người tín đồ Cao Đài đang tôn sùng là gì như thế nào nếu không đặt chân lên con đường họ đang đi.

Bây giờ trong địa hạt thuần túy tư tưởng, xin mời chư huynh theo dõi và đi trên con đường đó: **CON ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI.**

Chư huynh sẽ tìm hiểu khái niệm căn bản về sự cấu tạo con người theo quan niệm nhân bản Cao Đài Giáo., một người đệ tử sẽ phải làm gì trong suốt cuộc đời của họ kể từ khi theo Đạo, hệ thống tư tưởng của họ sẽ tiến bộ như thế nào và sau cùng họ đang làm gì để cố gắng vươn lên trong những hoàn cảnh khắc khe của một nước đang chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc chiến-tranh gây ra bởi sự xung đột ý thức hệ giữa hai khối Cộng-Sản và Tư-Bản trên hoàn cầu.

THÔNG BÁO

của BÀN TRỊ-SỰ HƯƠNG ĐẠO HOUSTON, TEXAS

Bàn Trị-Sự Hương-Đạo Houston, Texas trân trọng thông báo cùng đồng đạo:

Văn-Phòng Bàn Trị-Sự Hương Đạo Houston, Texas chuyển về địa-chỉ mới. Tuy nhiên vì việc xây dựng chưa hoàn tất nên mọi liên lạc với Bàn Trị-Sự Hương-Đạo Houston, Texas, xin đồng đạo tạm thời theo địa-chỉ và điện-thoại sau đây:

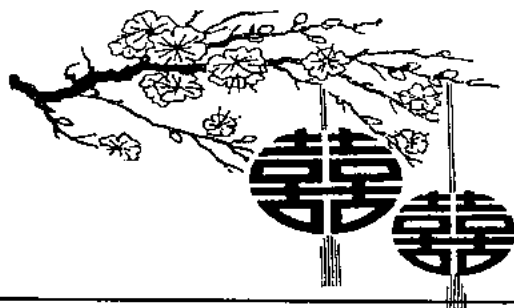
BTS Hương Đạo Houston
8810 Aspen Meadow Dr
Houston, TX 77071
Phone# 713-981-0854Trân trọng.

Trân trọng,

Houston, ngày 12-11-2002
TM. BTS Hương-Đạo Houston, Texas
CTS Lê Tấn Tài

all CaoDaist are worshipping if you did not try to step on the path of a CaoDaist disciple.. Now in the sphere of thoughts only, let's go on this path.

By following this path in theory you will understand the general concept of human formation, according to the humanist point of view of CaoDaism, what a disciple would do through his life from his first day of acception, how his thinking develops and at last you will understand what the CaoDaist in Vietnam is doing as an effort to immerge from the strictly limited circumstances of a country which is under the great stress of a war between the two great blocs in the world today- the Communists and the Capitalists.



CẢM ƠN

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế Đạo xin thành thật cảm ơn các cơ-sở , các cơ-quan Đạo, đồng đạo và thân hữu đã gửi thiệp , điện thoại, điện thư , email chúc mừng Giáng Sinh 2002 và Năm Mới 2003 .

Xin chân thành cảm ơn quý vị, xin chúc Quý vị thân tâm thường an lạc, tinh tấn trên đường tu tập.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại sẽ cố gắng hết sức mình trong hoạt-động để khỏi phụ lòng Quý vị.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại

CHƯƠNG HAI

KHÁI NIỆM VỀ NHÂN SINH QUAN

Để có thể dễ dàng hiểu được khái niệm về sự cấu tạo của con người theo quan niệm thần học Cao Đài Giáo, trước hết xin chư huynh tạm thời rời bỏ vài định kiến của mình, nếu có và giữ một thái độ khách quan trong khi đọc những dòng chữ sau đây. Nếu chư huynh thấy có chỗ nào khiếm khuyết, khó hiểu, đó chính là vì soạn giả vụng về chớ chẳng phải thực thể cấu tạo con người không toàn vẹn, vì sự bất tài của người viết chớ chẳng phải vì giáo lý Cao Đài không đủ sáng tỏ.

I./- BẢN THỂ CON NGƯỜI:

Nguồn cội con người vốn linh thiêng, nhưng khi tìm hiểu nó chúng ta hãy bắt đầu từ chỗ không linh thiêng trước đã. Khối tế bào tạo thành thịt, xương, da, lông, tóc... đó chính là hình hài của chúng ta, nhưng như vậy nó có khác chi một tử thi bất động đang nằm bên vệ đường kia? Phải có một yếu tố thứ hai khác hơn cộng thêm vào hình hài đó mới làm cho nó linh hoạt, nghĩa là nó sống. Sự sống được thể hiện dưới hình thức cái hình hài bằng xương, bằng thịt của con người biết ăn, uống, ngủ, biết ham muốn, buồn vui, ghét, giận, lo lắng, suy tư...

Yếu tố thứ hai đó gọi là **“đệ nhị xác thân.”** Nếu con người chỉ gồm có hai phần như vậy thôi, nghĩa là một “thể xác” bằng tế bào và một “đệ nhị xác thân” nhập lại làm một để thể hiện được sự sống, thì con người có khác chi một con thú, vì thú vật cũng biết cử động, ăn uống, ham muốn, buồn vui, ghét giận, như chúng ta vậy. Vượt lên trên hai phần cấu tạo đó, con người phải có một cái gì khác hơn nữa làm cho nó phân biệt với động vật và có một giá trị cao hơn tất cả các sinh vật hiện hữu trên mặt địa cầu về mặt tấn hóa.

Yếu tố thứ ba đó là nhà thần học gọi nói là **“linh hồn”** và nhà khoa học chỉ thấy tác dụng của nó dưới hình thức trí khôn.

CHAPTER TWO

GENERAL CONCEPT OF HUMAN LIFE

In order understand easily the general concept of human formation according to Caodaist theology at first you are required to put aside some of your fixed opinions-if you have any-and try to be quite objective while reading these lines . If you find something unclear , incomplete or hard to understand about human nature, that is because of the writer's clumsiness, not because of the incompleteness of human formation, because the writer's lack of ability, not because of the cloudiness of Caodai doctrine.

I- HUMAN NATURE

The human source is divine , but when we begin to study it we should start at common steps. The physical body of any one is a group of cells that form muscles, bones, skin, hair. . . .If man is such a formation, what is the difference from a dead body found on the roadside ? There must be another element added to the formation of cells to make it lively. The life expresses itself in the movements of the physical body like eating, sleeping, desire, sadness, worry, anger, thinking The second element is named the second body, as opposed to the physical body. If man is a combination of these two parts, a body consisting of cells and an invisible second body to make it lively, what is the difference between a man and an animal because an animal also knows moving eating, sadness, sleeping, desire . . . like us ? Above these two constituting parts, man must have something more which distinguishes him from animal and make him more valuable in the significance of progress than any other living creature in the world. This third element is named soul by theologians and scientists call its effect mind or intelligence.

Now, let's see in more detail the three parts of human formation.

Bây giờ chúng ta xem lại kỹ hơn từng phần một trong ba thể cấu tạo nên con người như vừa trình bày.

A-Hình Hài Thể Chất

Nếu chư huynh là người Tây Phương thiết tưởng không cần bàn giải gì hơn về cấu tạo và tính chất của thể xác con người, nếu chư huynh là người Đông Phương chưa từng khảo cứu học thuật Âu Mỹ xin chư huynh hãy tham khảo các sách vở, báo chí về cơ thể học, sinh lý học...

B-Đệ Nhị Xác Thân

Đây là một thực thể đã gây nhiều khó khăn cho người nghiên cứu. Trước hết, xin bàn đến sự hiện hữu của nó. Sau một ngày làm việc, đêm đến, chúng ta nằm nghỉ rồi trong một lúc mơ màng dường như chúng ta cảm thấy quên tất cả. Thân thể chúng ta nằm yên thường bất động đến nỗi muỗi cắn, cũng không biết, một người đứng bên cạnh cũng không hay, thậm chí có khi một vật lạ chạm vào người chúng ta cũng không cảm thấy. Tại sao vậy? Cái đệ nhị xác thân ngự trị trong hình hài con người làm cho chúng ta cảm biết dễ dàng trong lúc thức như vừa kể trên, giờ đây đã rút ra khỏi thể xác một phần và đi vào cảnh giới khác thích hợp với những hoạt động riêng biệt của nó. Tuy nhiên, nó vẫn còn giữ lại sự liên lạc với thể xác, tượng trưng bằng sợi dây từ điển, làm cho con tim còn đập, phổi còn thở và tay chân vẫn còn cử động một cách vô thức. Ngày nào sự liên lạc này chấm dứt hoàn toàn, thì lập tức thân xác chúng ta sẽ trở thành một tử thi bất động.

Bản Chất Đệ Nhị Xác Thân

Thần học Cao Đài Giáo dạy rằng lồng vào trong con người chúng ta còn có một thể thứ hai bằng khí chất, hình dạng giống hệt xác thân bằng xương bằng thịt nầy. Đặc tính của nó là linh hoạt, thu hút sanh khí trong càn khôn vũ trụ để truyền đến xác thân, và nuôi sống các tế bào cho được tốt tươi. Nó cũng rút rủa những kinh nghiệm của xác thân ở hồng trần chuyển đi đến những thể thanh cao hơn trong số những thể cấu tạo con người. Kinh nghiệm ấy là những viên gạch kế tiếp trải ra trên con

A-Physical Body

If you are a westerner it is unnecessary to argue about the formation and nature of human flesh. If you are an oriental who has not studied the western civilization the reading of anatomy and biology books would give you a more accurate knowledge of the physical phenomena inside your own body.

B- The second body

This is the fact which causes much trouble for students. At first let's see its presence. After a day working we lie down to rest when nights comes and a moment later we seem to forget everything. Our physical body lies motionless, it becomes so numb that we cannot feel the mosquito's bite or the presence of someone standing by, and sometimes we do not feel even the touch of a strange thing. Why? The second body found in our physical body to make it sensitive is drawing partly out of our flesh, and is going to other worlds consistent to its specific activities. It still keeps the relationship with our flesh, many people call the symbol of this relation "magnetic fiber" which makes our heart beat, our lungs breath and sometimes it causes some unconscious movements during sleep for our physical body. Any time this relation is found completely halted we will be quite dead.

The nature of the second body:

CaoDai thelogy says that within and a little around us there exist another body of the gaseous state exactly like our own fleshy body. Its main character is liveliness. It attracts the vital fluid spread everywhere in the universe and transmits it to our flesh to keep the cell alive. It also takes the experiences from this earthen life through sensity and impression and transmits them to other human structures that are more delicate. The experiences are pieces of bricks which pave the way we are going on or they are simply the remaining traces found on the path of evolution for each individual.

đường chúng ta đang đi hay là những dấu vết đương nhiên phải có trên con đường tấn hóa của mỗi người.

Đệ nhị xác thân đang lỏng trong khuôn hình hài xác thịt, nó có cả thể tích giống y như xác thân vậy, và chịu ảnh hưởng nặng nề những nghiệp quả tư tưởng và hành động thường nhật. Nếu con người còn nặng nề đeo mang những dục vọng xác thân thì sau khi chết “đệ nhị xác thân” phải lưu luyến tử thi sắp rời rã như là một môi trường thích hợp cho sự thỏa mãn của nó. Trong một vài trường hợp con mắt của người bình thường có thể nhìn thấy “đệ nhị xác thân” của kẻ chết mà người ta gọi là “bóng ma”. Nó không muốn rời khỏi xác thân vì người bạn đó đã giúp nó thỏa mãn mọi dục vọng khi nó còn ở trong xác, giờ đây nó sắp mất người bạn đó, nó muốn trở lại sống với người bạn cũ, nó muốn tiếp tục toại hưởng lạc thú hồng trần, nhưng mà luật vô hình buộc nó phải rời bỏ, nên nó hối tiếc, nó đau khổ.

Các phép độ hồn, giải oan, cầu siêu... của các nhà đạo giáo có tác dụng làm giảm bớt sự đau khổ này bằng cách giúp cho đệ nhị xác thân có đủ nghị lực và sự khôn ngoan để dễ dàng rời khỏi tử thi quên đi niềm luyến tiếc... Có thể sẽ có những thắc mắc rồi đệ nhị xác thân đi về đâu?

Chắc chắn phải có con đường cho nó đi.

Nếu trong cuộc sống, chúng ta là người biết hướng thượng kiểm soát được dục vọng của mình, và dùng cái năng lực phát ra từ sự ham muốn ấy mà phụng sự vạn linh và tìm hiểu về sự sống thì trước buổi chết, đệ nhị xác thân đã đủ khôn ngoan để biết rằng nó đã hết phận sự dưới thế, nó phải đi vào những cảnh giới khác. Như là một kết quả đương nhiên của sự hiểu biết này, đệ nhị xác thân rời khỏi tử thi một cách dễ dàng với niềm sung sướng như một tù nhân vừa mãn hạn rời khỏi khám đường và đặt chơn lên con đường do nghiệp quả chồng chất của nó định ra.

Tóm lại, những gì mà đệ nhị xác thân phải làm sau khi chết là kết quả của những hành vi và tư tưởng khi nó còn lỏng trong cái khuôn xác thịt. Thế nên, thân xác của người đệ tử Cao Đài phải chịu dưới những luật lệ của Giáo Hội, mục đích là để giúp cho người đệ tử có những dịp tạo nên những hành vi tốt, tư có thể hiểu đó là một ân huệ do Thượng Đế ban cho hay là kết

The second body stays inside the frame of the physical body , however , the second body like the physical body is three dimensional and our daily thoughts and actions have great influence on it. If man lives with great temporal desires through all his life, after death the second body loaded with their effects will spent a lot of time regretting its dead flesh as the most consistent place for its satisfaction. In particular cases someone can see the second body of the dead and we call it a phantom. It does not like to leave the flesh because this old friend helped it to satisfy all kinds of desires while it still resided in the flesh. Now it is going to lose this friend, its want to come back and live with him, it wants to continue enjoying , earthen satisfactions found only in a human flesh but, divine laws make it leave. So it feels refretful, sorrowful . . .

.All kinds of miracles of religious men like salvation, deliverance , prayer for the soul 's assension . . . have effect by relieving the sorrow and regret at this moment by giving the second body more energy and wisdom to leave the flesh as soon as possible and not to remember anything from this earthen life. This raises the question where will the second body go ? Of course there must be a path for it .

If we did perfect ourselves through all our life, if we could harness our desire and use the energy developed from it to serve all living creatures and to study life, well, right at the moment of death, our second body would be wise enough to know that it is about to finish its duty in the world and proceed to other worlds. The second body because of this knowledge will leave the flesh easily and with great happiness like a prisoner leaving its jail and its starts on the path decided by the effects of its previous actions and thoughts.

In brief, what the second body will do after the death is the results of its actions and thoughts during the time it framed itself in the body flesh. Therefore in the temporal life of Caodaist disciple must be controlled by church laws with the purpose of giving him more opportunities to do good actions and have better thoughts which will cause the second body to come back easily to its divine source. That may be considered as a favor granted by

tưởng thiện để ngày sau đệ nhị xác thân dễ dàng siêu thoát, nghĩa là đi trở về nguồn cội linh thiêng của con người. Đó là hệ quả đương nhiên của một định luật công bình bất di bất dịch tùy theo trạng thái tinh thần của chư huynh khi đọc những lời này.

C-LINH HỒN:

Bây giờ chúng ta sang qua phần linh hồn hay là yếu tố thứ ba cấu tạo con người. Từ xưa các nền Tôn giáo đều dạy rằng con người có một linh hồn. Nhưng sự hiểu biết về linh hồn thì khác nhau tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi cá nhân mỗi dân tộc. Những sự cố gắng giải thích linh hồn là cái gì bằng những lời lẽ thế gian, sau một thời gian có thể hằng thế kỷ đều trở nên thiếu sót, tương tự như một bài học đã qua đối với một cậu học trò đã đỗ đạt. Nói như vậy không có nghĩa là ngôn ngữ chẳng giải thích được điều gì cả như có người thường nghĩ, nhưng trái lại chúng ta cũng phải làm công việc người xưa đã làm, nghĩa là vẫn phải dùng ngôn ngữ của chúng ta mà diễn tả một thực thể trong thế giới vô hình nhưng với một hình thức khác tuy biết rằng chẳng thể nào vẹn toàn được.

Hằng ngày chúng ta sống không ai không suy nghĩ Con người có trí khôn, cái trí khôn đó giúp cho nó chiếm địa vị tối thượng trong các loài sinh vật trên mặt đất. Khi chết trí khôn ấy đi về đâu? Thật là khó hiểu nếu nói rằng một thực thể khôn ngoan dường ấy với những quyền năng sáng tạo phi thường mà lại chịu mất đi liền khi thể xác này chết. Cái trí khôn ấy có phải là linh hồn chúng ta không? Thưa không, nó chỉ là tác dụng thấy được do sự hoạt động của linh hồn nơi một con người, hay nói một cách khác, linh hồn là nguồn cội của sự khôn ngoan và câu nói ấy không phải là một định nghĩa, nó chỉ mô tả một trong vài điều giải thích về linh hồn và tùy theo mức độ quy phạm của linh hồn mà cái tác dụng thấy được của nó tức là trí khôn được thể hiện dưới hình thức cao thượng hay thấp hèn. Vậy thì chúng ta đừng cố gắng khoắc cho nó một hình ảnh vật lý nào dù là tượng trưng, vì nó vốn không hình không ảnh, và cũng đừng đòi hỏi chứng minh sự hiện hữu của linh hồn bằng những thí nghiệm dựa vào giác quan xác thịt. Chúng ta chỉ có thể nhận thức rằng

God or a natural result of an eternal law of equality depending on the developing situation of your mind when reading these lines.

C- The Soul.

Now we go on to the soul or the third element constituting a human being. From the old days many religions have taught that man has a soul but the understanding of the soul differs according to the the level or evolution of each individual, each people. The effort to explain what and how the soul is by human words after a period of time- perhaps centuries- did become unsatisfactory, like previous lessons to a graduate student. By saying so does not mean that language is unable to express the ideas as somebody thought but on the contrary we have to do the same work as the former meaning we also have to use human words to describe a fact in the invisible world, but remembering the limitations of language.

In our daily life we cannot stop thinking . Man has his intelligence which helps him take the highest position among all kinds of living creatures existing on the surface of the world. After death where will it go ? It is hard to understand , really impossible that such a wise fact with enough supernatural power of creation can vanish right after the death of the body. Is that intelligence our soul ? No, it is only the visible effect on the human mind or in other words , soul is the source of wisdom.. Such a saying does not mean a definition but only a sphere of significance among many other spheres not revealed yet . Depending on its level of denaturing the visible effect of a soul on a human mind expresses itself as coarse or sublime . So do not try to give the soul any physical shape, no image and it is not required to prove its existence by experience relying on the human senses. We only perceive that it exists in us without touching or seeing it with our temporal eyes.

nó có mặt trong con người chúng ta chớ không thể sờ mó được cũng không thể thấy được bằng nhục nhãn.

Linh hồn vốn trọn lành, trên con đường nhập thế nó phải khoác lấy một cái áo bằng khí chất, nhẹ nhàng tức là đệ nhị xác thân, thích hợp với những sự hoạt động của nó ở cõi trung giới. Linh hồn muốn biểu lộ những hoạt động của nó ở cõi hồng trần này nó phải mượn thêm cái khuôn xác thịt nặng nề dầy đặc tức là thể xác của chúng ta. Càng đi sâu vào những cảnh giới nặng nề ô trược, linh hồn càng mất tính cách trọn lành vì sự trì kéo của những lớp áo ngoài mà nó mặc có khuynh hướng vị kỷ và cái lớp ngoài nặng nề nhất nhưng cũng cần thiết hơn hết để linh hồn có thể cư ngụ ở cõi trần chính là thể xác của chúng ta.

Tóm lại, nếu chúng ta phải tách rời ra ba phần riêng biệt cho dễ hiểu thì nơi **mỗi con người đều có một linh hồn, một đệ nhị xác thân và một thể xác hữu hình**. Cho đến đây chúng ta chỉ mới kể ra ba yếu tố cấu tạo con người theo quan niệm thần học Cao Đài Giáo, còn sự hoạt động của ba thể ấy ra sao trên con đường nhập thế và xuất thế không thuộc phạm vi quyển sách nhỏ bé này.

Có thể sẽ có những thắc mắc liên quan đến những khám phá của khoa học về sự di chuyển những luồng chấn động trong hệ thần kinh tạo thành cảm giác, sự hoạt động mà máy móc có thể kiểm chứng được của các trung khu trên những bán cầu não... Tất cả những điều ấy chỉ là kỹ thuật điều khiển sự sống nơi con người do một quyền năng tối thượng sáng tạo, duy trì và hủy diệt nó. Con người chỉ có thể bắt chước kỹ thuật đó mà góp phần vào sự duy trì, đỡ nâng hay là hủy diệt sự sống. Tôi nhấn mạnh đến tánh cách kỹ thuật của những hiện tượng mà khoa học khám phá và nhiều người đã nhầm lẫn sự diễn biến của hiện tượng với nguyên thủy sáng tạo ra nó. Chính vì sự nhầm lẫn này mà con người đã để cho lòng kiêu hãnh ngự trị cả tâm linh khi nó vừa khám phá ra vài bí mật của vũ trụ trong số vô vàn những bí mật hãy còn che khuất. Lòng kiêu hãnh đã thực sự ngăn cản sự tiến bộ của con người không ít.

(còn tiếp)

The souls take its holy source from the Creator of the universe. On the way to this world it must wear a light coat of vital fluid named the second body for consistency with its activities in the astral world. The soul must borrow another frame which is our condensed psychical body to express its presence in the earthen world. The more condensed worlds a soul goes down in, the more it loses its holiness because of the pulling force of its different constituting coats tending to satisfy themselves. And the most condensed wrap our own body flesh, is also the most necessary residence for a soul in this earthen world..

In conclusion, there exist in a human being three constituting parts, a soul, a second body and a visible physical body. and such a separation is for representative purposes only. What regards their activities for its appearance on this world and what it must take off or preserve on the way back to the divine source overpass the limitations of this handbook.

May be the impression will be given of scientific discoveries of transmission of natural vibrations along nerves inspiring sensibility as well as psychobiologic activities on cerebral centers which can be tested and measured by scientific instruments. All these happenings are merely techniques to manipulate the life of a human being by a supreme power of creation, to maintain and destroy everything in the universe. Man can only imitate this technique to participate in the maintenance or destruction of life. I emphasize the technical speciality of the phenomena already discovered by science because many people confuse the procedure of the phenomena with its source of creation. This confusion made the arrogance override their mind when man discovered some secrets among the multitude of other mysteries still out of human knowledge. Such an arrogance did slow down human progress considerably.

(to be continued)

DUỠNG CHƠN TẬP

người dịch: Nguyễn Minh Thiện

53. – LẠC

Vui sướng chi hơn đắc Đạo mẫu,
Vượt xa thế-tục chẳng tham cầu,
Chúng dân đắc Đạo, hơn vua chúa;
Thoát bể trầm luân có dễ đâu.

Đâu bằng khách Đạo luận thanh-nhàn,
Chẳng phải lánh đời, tánh định an,
Xét thấu muôn duyên là giả hợp;
Chi nên chuyển cõi sống huy-hoàng.

Huy hoàng lạc cảnh tự tâm trung,
Pháp-giới minh-mông chẳng tận cùng,
Chuyển hóa tinh-thần về cõi tịnh;
Mới hay tâm lạc tại kỳ trung.

(1) Sách Mạnh Tử, thiên Công Tôn Sửu thượng nói rằng: "Viết: cảm vấn phu tử chi bất động tâm, dữ Cáo-tử chi bất động tâm, khả đắc văn dư? Cáo-tử viết: Bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí." Bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí, khả; bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất khả". Nghĩa là: Sửu nói: Dám hỏi nhà thầy không động tâm với Cáo-tử không động tâm, cái mẹo có thể nghe được chăng? –Thầy nói: Cáo-tử nói rằng: "Lời nói mà chẳng được thông thì chờ suy nghĩ ở trong tâm (sự sanh ra ngờ vực, náo loạn); trong tâm mà chẳng được yên, thì chờ động chi đến khí." Nói rằng tâm chẳng được yên, thì chờ động chi đến khí, còn hơi phải. Nói rằng: lời nói chẳng được thông chờ suy nghĩ ở trong tâm, thì không phải.

Vui có chi vui bằng đắc Đạo, dân chúng đắc Đạo vui hơn bậc vương-hầu. Khổ có chi khổ bằng thất Đạo, vương-hầu thất Đạo khổ hơn người xách bị.

Một ngày học Đạo, một ngày sung sướng; ngày ngày học Đạo, ngày ngày sung sướng; chung thân học Đạo, chung thân sung sướng. Học Đạo là cái pháp-môn an-lạc, cho nên Thánh-nhơn học mà không nhàm.

Châu Mậu Thúc dạy hai họ Trình tìm chỗ vui của đức Khổng, của thầy Nhan. Cái vui này ở trong thân người, cầu ngược vào trong thì tự nhiên có đủ.

Mạnh Tử nói rằng: Người quân tử có ba điều vui:

1. Vui về thiên luân (cha mẹ song toàn, anh em vô sự).
2. Vui về tánh phận ngược lên chẳng hổ cùng Trời, cúi xuống không thẹn với người):
3. Vui về danh giáo (tu hiệp bậc anh tài, chỉ dạy cho biết Đạo).

Cái vui ở đâu trên trời hay là ở tại người khác, ta không thể chắc cầu được. Còn cái vui ở nơi ta, sao mà chẳng lấy hết sức mình để cầu cho được nó vậy?

Nay người có ai bị kẻ khác sai khiến chẳng? Có ai bị muôn vật sai khiến chẳng? Có ai bị hình thể sai khiến chẳng? Người nào trừ được ba thứ sai khiến này thì mới có thể nói chuyện đến sự vui với họ.

Thường thấy kẻ đa mang công việc, hết sức hết gân, chỉ trông buông ra mà nghỉ, thì nghe khoái sướng trong mình lắm. Người học Đạo, nếu buông nghỉ được, lại vui gấp mấy muôn lần hơn kẻ thế.

Lối mấy năm trước, ta đi đường xa mà lại gặp nắng gắt, thấy một ông già ngồi trong nhà mát, ta cho ông ấy là cực kỳ vui sướng. Nay ta nhàn rồi, ngồi dưới gốc cây, tàng che mát mẻ, mà chẳng thấy gì là vui sướng hết. Sao vậy? Năm trước, ta đương cực nhọc mà thấy người thông thả, mới có cái tư tưởng vui ấy. Y giả, có phải nghèo thấy giàu, hèn thấy sang, mà đều như thế hết chẳng?

Làm người, ai ở địa-vị nào thì cứ làm theo địa vị nấy, thế thì không vào cảnh nào mà chẳng tự đắc (tọa chí). Phàm để tâm ước mơ ra ngoài, không có chi ích cả. Hết thấy các phan duyên(1), nghiệp trái, phải quấy, tội phước, đều do nơi một niệm ước mơ ra ngoài đó mà phát khởi, vậy chẳng nên dè dặt sao?

Bạch Tãn Lão Nhơn nói rằng: “*Học Đạo là pháp-môn an-lạc, người hay cho nó là khổ, còn danh lợi là việc cực nhọc, mà trái lại người cho nó là vui. Huệ-nhân với nhục-nhân tự nhiên phải có chỗ khác nhau là thế!*”

54. – THÁI CỰC

*Thái-Cực Thánh-Hoàng, bực Chí-Tôn,
Năng sanh, năng hóa, độ linh hồn,
Tìm nguồn Thái-Cực nơi linh khiếu;
Mới biết nhiệm-mầu diệu-pháp-môn.*

*Môn sinh học Đạo luyện kim-đơn,
Biết phép cầm trâu, biết phục hườn,
Biết giống Tiên-Thiên nơi Tổ Khiếu;
Ngàn tu muôn luyện, một Chơn-Nhơn.*

*Nhơn năng tiến hóa ngộ nơi mình,
Biết chuyển Pháp-Luân mở khiếu linh,
Tâm-Pháp nhãn-tàng rày đã rõ;
Mới hay Trời Phật rộng chơn tình.*

Thái-cực là tổ sanh lưỡng nghi (âm dương). Lưỡng nghi là tổ sanh Trời Đất. Trời Đất là tổ sanh muôn vật. Tu thân bằng tổ khí thân được vững bền. Vẽ bùa với tổ khí thì bùa sẽ linh nghiệm.

Ở trong mình người, thái-cực gọi là huyền-tẩn. Ấy là hai thứ chơn tinh diệu hiệp, tự nhiên mà tạo thành. Nó là gốc của thân khí, cũng là khiếu của tánh mạng.

(1) Cõi lời giải trong bài chữ Thức.

Đại khái, xem xét cái cơ Đạo của Trời, noi theo cách vận hành của Đất, làm hai việc đó thì trọn rồi.

Một âm, một dương, hai cái phối hiệp cùng nhau, là cái cơ Đạo của Trời Đất. Nhựt nguyệt vẫn xây, ngày đêm hiệp sáng với nhau, là cách vận hành của Trời Đất. Cho nên nói: Trời Đất sắp theo ngôi thứ thì có “dịch” vận hành nơi giữa.

Nói dịch là chỉ khảm li. Thánh-nhơn biết như thế nên mới lấy kiền thôn làm đánh thí, lấy ô thổ làm được vật(1). Ở trong đó, khi phát, khi tàng, khi đầy, khi vơi, có số, cũng phải lấy hỏa-hậu mà toán định.(2)

Am-phù kinh nói rằng: Nhựt nguyệt hữu số, đại tiểu hữu định; thánh-công sanh diên, thần-minh xuất diên. Nghĩa là: nhựt nguyệt có độ số (châu-thiên), lớn nhỏ (âm-dương) có nhứt định (vãng lai), thánh-nhơn theo đó mà hành công phu, tự nhiên có thần-minh (thiên cơ tạo-hóa) phát lộ. Tóm lại, trộm được cái máy nghịch dụng (vận dụng đi trở ngược lại) là đủ rồi.

Trời đất phân rẽ, nhựt nguyệt vẫn xây, chiếu diệu hiệp sáng, thì tạo-hóa sanh vậy. Nhựt nguyệt là tinh thần của trời đất, của âm dương. Nói theo bát quái, tức là khảm li. Ở tinh là khí âm ở trong quẻ li, thổ tửy là khí dương ở trong quẻ khảm.

Theo phép luyện đơn thì lấy ô thổ để làm được vật (vị thuốc), chẳng qua là biết cái tinh-ba của ngũ tạng, rồi trộm cái cơ mẫu nghịch dụng mà thôi. Được-vật sanh sản có thời tiết, hái lấy có cân lường, vận chuyển có pháp độ. Chỗ cốt-yếu là tại mặt trăng mọc lúc canh sơ (trăng lưỡi liềm mỏng ba-mới phát sanh kim khí), diên khí sanh hồi quý hậu (khi có quý thủy rồi), nhựt nguyệt hiệp sáng, âm dương hòa khí, tự nhiên mà đơn thành. Cho nên hình chữ đơn do hai chữ nhựt nguyệt hiệp lại.

(1) Đạo Quang nói rằng: Kinh nói : Nhựt nguyệt vốn là tinh ba của kiền khôn. Thánh nhơn ví kiền khôn như đánh khí, tử nhựt nguyệt như đơn được. Kiền khôn tức là chơn long, chơn hổ. Nhựt nguyệt là huyền khí của long hổ.

(2) Thánh nhơn mượn vật hữu hình mà ví dụ, kỳ thiết chỉ đem tinh “chơn nhứt” về huỳnh đạo. Huỳnh đạo là trung cung, chỗ kim đơn ngưng kết.

- Có kẻ hỏi: Sao mà gọi là **kim dịch hườn đơn**?

- Trả lời: Vật mất rồi mà tìm lại được gọi là hườn. Thâu lấy khí kim ở trong thủy, hiệp với khí hống của ta, mà được thành công, gọi là kim-dịch.

Bạch Tẩn Lão Nhơn nói rằng: “*Thái-Cực là lý, là tánh. Lưỡng nghi là khí, là mạng. Kỳ thiệt, ngoài lý không có khí, ngoài khí không có lý, đủ thấy tánh mạng chẳng phải chia ở hai chỗ riêng. Tu tánh là phương dưỡng mạng, cũng như đẩy bụng (thật phúc) tức là phép trống lòng (hư tâm) vậy(1).*”

55. – TRUNG

*Đạo mầu hiển lộ tại ngôi “Trung”,
Chẳng thấp chẳng cao, chẳng tận cùng.
Ai biết “Qui Trung” vào Chánh Đạo;
Nơi này siêu xuất “Chủ-Nhơn-Ong”.*

*Ông Phật, Ông Tiên cũng hiệp qui,
Qui Tam, hiệp Ngũ, tại thân này.
Duy tinh, duy nhất, rồi qui hiệp;
Suất tánh tinh thông lẽ diệu kỳ.*

*Diệu kỳ Lý Tánh tự ngôi “Trung”,
Tâm-Pháp nhơn tàng nói chẳng cùng,
Quán nhất chấp trung cầm mối Đạo;
Thông rồi một mối, vạn nguồn thông.*

1) Đạo Đức kinh nói rằng: Thị dĩ Thánh-nhơn chi trị (dân), hư kỳ tâm, thật kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt, thường sử dân vô trí vô dục, sử phù trí-giả bất cảm vi dã, vi vô-vi tắc vô bất trị. Nghĩa là: Cho nên những bậc vua thánh trị dân, làm cho chúng nó trống lòng mà đầy bụng, yếu chi mà mạnh xương, thường khiến dân không hay biết, không lòng tham (thanh tịnh), khiến kẻ trí chẳng dám dùng trí mình (mưu loạn), làm theo phép vô vi mà không chỗ nào chẳng được trị an. Trống lòng đầy bụng nghĩa bóng là trống lòng dục, đầy lòng Đạo, chớ chẳng phải nói cho dân ăn no mà để cho nó dốt.

Những bức thánh xưa truyền lại cho nhau, chỉ có một chữ trung chẳng chinh lịch, chẳng dựa nương, là cái thể của chữ trung. Chẳng quá chừng, chẳng không kịp, là cái dụng của chữ trung.

Vua Nghiêu nói rằng: Doãn chấp khuyết trung nghĩa là: tin chắc nắm giữ chữ trung của mình. Chấp trung đây là nói gồm luôn về động, về tịnh. Tịnh thì giữ chữ trung ấy để tồn tâm (dưỡng tinh thần), động thì giữ chữ trung ấy để ứng sự (đối người vật).

Doãn nghĩa là tin chắc. Có cái ý do thời-kỳ, tùy sự-vật, tự nhiên mà nắm giữ chữ trung, chớ không có một mảy miễn cưỡng, gián đoạn nào cả.

Vua Thuấn nói rằng: **Duy tinh duy nhứt**. Rõ thấy chỗ huyền vi, gọi là tinh. Trước sau giữ một dạ, gọi là nhứt. Y nói làm người phải nghe thấy cho “duy tinh”, giữ chí được “duy nhứt”, rồi sau mới có thể nắm giữ chữ trung. Trong chữ doãn đã có cái ý này, nhưng sợ người không hiểu thấy, cho nên vua Thuấn mới nói rõ thêm rằng: “Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi”, nghĩa là: lòng người rất rắc-rối (khó yên), lòng Đạo rất nhỏ nhẹm (khó biết). Có niệm tưởng là lòng người, không niệm tưởng là lòng Đạo. Y nói lòng người dễ lừng (bốc lên mà đốt), còn lòng Đạo dễ chìm (rất nhỏ khó thấy). Đây nói cái cơ vừa rắc-rối vừa nhỏ-nhẹm, làm cho người để ý đến, ngõ hầu cẩn thận về phép chấp trung.

Lý Diên Bình (1) nguy tọa (cũng như đoan tọa, là ngồi ngay thẳng) cả ngày để nghiệm thử coi cái khí tượng của hỉ, nộ, lạc, lúc chưa phát về trước, ra sao, đặng kiểm chỗ “trung” nói đó. Ông làm như vậy lâu rồi, mới biết gốc lớn của thiên hạ quả là ở tại đó. Cho nên nói: học vấn chẳng phải nhiều lời, chỉ ngồi lắng lặng, lóng sạch lòng để nghiệm thử thiện lý. Nếu thấy

(1) Lý Đông tự là Nguyên Trung theo học cùng La Tùng Ngạn, nghiên cứu lý học rất tin tưởng. Châu Tử thờ Ông làm Thầy. Người thế gọi Ông là Diên Bình tiên sinh, nghĩa là tiên sinh ở đất Diên Bình.

được thiên-lý rồi thì nhơn-dục phải tiêu thối cả.

Lý Thanh Am nói rằng: Chỗ trung này chẳng phải là ngôi giữa chừng hai bên trong ngoài, chẳng phải là ngôi giữa của bốn phương, cũng chẳng phải là ngôi giữa trung tâm. Ấy là chỗ ý niệm chưa phát. Cho nên nói rằng: thánh-nhơn do nơi đó mà tẩy tâm thối tàng ư mật (rửa lòng thối ẩn nơi kín).

Bạch Tãn Lão Nhơn nói rằng: “*Chỗ ý niệm chưa phát gọi là trung. Thanh Am nói ra lời này, có thể gọi là một tay dũ về rỗng mà còn điểm nhãn luôn.*”

Diên Bình tiên sanh cả ngày ngụy tọa, để nghiệm thử coi cái khí tượng của hỉ, nộ, ai, lạc, lúc chưa phát về trước, chánh là doãn chấp khuyết trung. Nhờ lâu ngày dày công, nhơn-dục biến ra thiên-lý, yêu tình trọn hóa như lai, công phu toàn do nơi: tẩy tâm thối tàng.”

56. – HỌC THÁNH

*Nghiêu Thuấn sanh ra trọn Tánh Trời,
Võ Thang năng học chỗ cao vời,
Chúng dân chí quyết theo Hiền Thánh;
Thoát cảnh trầm luân, dứt nghiệp đời.*

*Đời là trường học với trường thi,
Học Đạo am tường hổ tự tri,
Học sách Thánh Hiền năng tự giác;
Đạo mẫu liễu đạt chỗ tâm kỳ.*

*Kỳ tri chơn Mạng, Tánh qui trung,
Thần khí qui căn, Tánh-Mạng đồng,
Học Thánh năng tu thành chánh giác;
Pháp mẫu diệu hữu tức Chơn Không.*

Người xưa có nói rằng: “Nhơn giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn, Nghiêu Thuấn thị thiên sanh để thánh-nhơn, Thang Võ thị học thành để thánh-nhơn.” Nghĩa là: Người người đều có thể làm vua Nghiêu vua Thuấn. Vua Nghiêu, vua Thuấn là thánh-nhơn tự Trời sanh ra, còn vua Thang, vua Võ là thánh-nhơn nhờ học mà nên.

Lão Quân nói rằng: “Ngã phi thánh-nhơn, học nhi năng chi.” Nghĩa là: Ta chẳng phải thánh-nhơn, nhờ học mà được vậy.

- Có kẻ hỏi: Châu Mậu Thúc(1) nói có thể học làm thánh, phải thiệt vậy chăng?

- Trả lời: Phải.

- Có chi làm cốt-yếu không?

- Có.

- Xin hỏi.

- Lấy chữ nhưt làm cốt. Nhưt nghĩa là không lòng dục. Không lòng dục ắt tịnh hư, động trực (Tịnh thì trong tâm trống không, động thì nói, làm ngay thẳng). Tịnh hư thì sáng láng, sáng láng ắt suốt thông, động trực ắt chung cùng, chung cùng thì bủa khắp. Sáng láng, suốt thông, chung cùng, bủa khắp, thì đã gần bậc thánh rồi.

Học Đạo tức là học thánh-nhơn. Đạo là vật ta sẵn có, chẳng phải ở đâu ngoài lại. Thánh chẳng phải đức tuyệt vời, hễ học thì đạt tới nơi.

Cái tánh của ta với thánh-nhơn đồng như nhau. Ai thiệt hiện được tánh mình, tức là thánh-nhơn vậy. Người học khoa cử thì sẽ đậu khoa cử, thiên hạ đều biết hết. Người học thánh-nhơn thì sẽ tới bậc thánh-nhơn, sao lại chẳng rõ kìa?

(1) Châu Đôn Di là một vị danh Nho, tự là Mậu Thúc (1067-1073), trước ra làm quan, sau vì có bệnh xin từ chức, về ở dưới núi Liên-Hoa, thuộc Lư Sơn. Ở đó có một cái khe, ông bèn đặt tên là Liêm Khê và tự lấy làm tên hiệu Hậu Nho gọi phái học của ông là Liêm-phái.

Phu tử của ta tin chắc rằng mình có thể làm thánh nhơn, cho nên học mãi mà không nhàm. Ngài cũng thấy người đời đều có thể làm thánh nhơn, cho nên dạy hoài mà chẳng mỏi. Ngài châu lưu các nước là muốn lấy đạo của thánh nhơn mà dạy trong thiên hạ. Ngài chỉ dẫn sáu kinh là muốn lấy đạo của thánh nhơn mà truyền tới đời sau.

Chỗ nhà Nho gọi Thánh, tức là Thích gọi Phật, Đạo gọi Tiên.

Phật là gì? Phật là giác (sáng-suốt, xét thấu mọi lẽ). Tiên là gì? Tiên là núi (bất động). Đó là nghĩa xưa nay của hai chữ này.

Ta lại đem chữ Phật, chữ Tiên mà nói rõ thêm một chút nữa.

Chữ Phật một bên chữ **nhơn** (người), một bên chữ **phật** (chẳng). Phật có cái nghĩa chẳng làm theo nhơn-dục. Người làm được những việc người ta chẳng làm, thì có thể thành Phật.

Chữ Tiên một bên chữ **nhơn** (người), một bên chữ **sơn** (núi). Sơn có cái nghĩa thường định thường tịnh. Người hay tịnh được như núi thì có thể thành Tiên.

*Bỏ dục liền là Phật,
Tĩnh mê mới thành Tiên.
Làm sao mà chứng Thánh?
Duy một chẳng hai ba.*

Xem qua thì Nho, Thích, Đạo đều nhờ không lòng dục mà thành. Kẻ nào học Thánh mà còn lòng tham lam, thì một trăm người không được thành lấy một.

- Có kẻ hỏi: Muốn học thánh-nhơn, mà như khó trừ tập-khí thì mới làm sao?

- Trả lời: Tại chẳng khứng trừ cho nên nói khó. Nếu thiệt muốn trừ, một khắc đã thấy xong. Sao vậy? Vì hết thấy tập-khí đều là hư-vọng, tâm mê thì có nó, tâm ngộ thì không ngay. Chẳng phải ngộ rồi mới không có, vốn trước kia nó không có rồi.

Bạch Tấn Lão Nhơn nói rằng: “Đạo là vật ta sẵn có, chẳng phải ở đâu ngoài lại. Thánh chẳng phải đức tuyệt vời, hễ học thì đạt tới nơi. Bốn câu này đủ khai chỗ đường-áo của thánh-nhơn, thêm tinh-thần cho kẻ học.

Mạnh Tử sanh sau Khổng Tử một trăm năm, mà dốc lòng học theo Khổng Tử, cho nên tới ngày nay, người đều xưng lương Khổng, Mạnh.”

57. – KHÂM LI

*Khâm Li trở lại quẻ Khôn Càn,
Mượn khí thuần âm quá ngũ-quan,
Phục lại thể Càn hườn Đại-Đạo;
Mới hay Quốc-Độ mở Huyền-Quan.*

*Huyền-Quan Nhứt Khiếu cửa Linh-Tiêu,
Đạo-Pháp đâu xa học hỏi nhiều,
Thanh-lọc, phục hườn và mở Khiếu;
Thuần dương xuất tục, Tánh tiêu-diêu.*

*Tiêu-diêu khoái lạc có chi bằng,
Tánh hiệp vô-vi cứ thượng thăng,
Thông thấu Tam-Tài chi bí chỉ;
Con Thầy, Thầy độ tận lương năng.*

- Có kẻ hỏi: Dịch có tám quẻ, mà kẻ cầu Đạo thường nói quẻ khâm, quẻ li mà thôi, là tại sao vậy?

- Trả lời: Quẻ kiển thuộc dương, quẻ khôn thuộc âm. Kiển ở phương nam, khôn ở phương bắc, hai ngôi đối chiếu với nhau. Đây là cái thể của tiên thiên. Kiển dương khi động tức sanh ngọn gió bất chánh, cho nên hào giữa ở quẻ kiển sa vào giữa quẻ khôn, làm cho quẻ kiển thành ra quẻ li, quẻ khôn thành ra quẻ khâm.

Nam bắc là hai cái then-chốt của trời đất. Ấy là, theo bát quái tiên thiên, chỗ kiển khôn ở trước khi. Nay kiển khôn ci

lui về địa-vị vô dụng, rồi lại đem li khảm mà thế vào chỗ ấy, thì cái công dụng của hậu thiên mới phát hành. Chơn-khí ở cung khảm biến làm diên, tức là “Thiên nhứt sở sanh chi thủy” (là nước của Trời sanh ra lần thứ nhứt). Chơn-tinh ở cung li biến làm hống, tức là “Địa nhị sở sanh chi hỏa” (là lửa của Đất sanh ra lần thứ nhì). Bởi cơ nam(1) đặng cái tinh này, mà dùng tinh hay biến đổi, cho nên đi thuận thì thành người. Nữ(1) đặng cái khí kia, nhưng dùng khí được vững bền, cho nên đi nghịch thì thành tiên.

Lấy chơn-diên là tiên thiên chưa bị vọc khuấy (chưa nhiễm trần) chế chơn-hống là hậu thiên chứa đã lâu rồi, thì hai loại mền nhau, triều nhau như vợ chồng, như con mẹ, chẳng đành rời nhau. Đó là tự nhiên như nhiên, không biết duyên cớ sao mà ra làm vậy.

Li là mặt nhứt, mặt nhứt chủ về dương tinh, mà hào giữa quẻ li thuộc âm, ấy là âm ngụ nơi nhà dương. Ở trong mình người, thiếu-âm số 8, nam-tử đặng số đó, cho nên hai tám (16 tuổi) thì chơn-tinh thông (lậu tinh); thiếu dương số 7, nữ-tử đặng số đó, cho nên hai bảy (14 tuổi) thì thiên quý chí (có kỳ). Có phải nhờ dương đặng số âm, âm đặng số dương, mà được thấy nghĩa hộ tàng (cái này ngụ trong cái kia, cái kia ngụ trong cái này) đó chăng?

Cho nên người muốn cầu Đạo thì phải đem cái hào dương trong quẻ khảm tái nhập cho được trong giữa quẻ li, thì mới phục lại thể kiến mà hườn y Đại Đạo. Vả lại, dương ở trong âm lấy động làm chủ, cho nên lúc rút quẻ khảm chỉ phải coi chừng nó động. Còn âm ở trong dương lấy tịnh làm chủ, cho nên khi đắp quẻ li roi, phải tịnh để dưỡng nó.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “Dùng tinh hay biến đổi, người đời đều biết; dùng khí được vững bền, người đời không rõ. Lấy chơn diên tiên thiên chưa bị vọc khuấy mà chế chơn hống hậu thiên chứa đã lâu rồi. Hai câu này tiết lậu cái bí chỉ

(1) Nam đây là chỉ quẻ khảm. Nữ đây là chỉ quẻ li. Sách Đạo Gia thường dùng hai chữ nam nữ mà chỉ khảm li, âm dương, chớ lấy nghĩa trai gái mà lầm.

của trọn bộ Ngũ Chơn thiên, kẻ đắc quyết nghĩa là được thầy truyền bí quyết rồi tự mình hiểu lấy..

Lúc rút quẻ khảm, chỉ coi chừng nó động; khi đắp quẻ li rồi, phải tịnh để dưỡng nó, lại là một câu khẩu quyết còn trọng yếu hơn nữa.

58. – KHAI QUAN (MỞ CỬA ẨM)

*Khai quan điểm nhơn khách phàm phu,
Kiến tánh minh tâm hết điếc mù,
Hoán đổi hậu-thiên thành chánh khí;
Phá tan cửa ngục thoát lao tù.*

*Lao tù cơ thể nhất chơn-linh,
Thiên-Tánh từ nhiên biến Thất-Tinh,
Vận chuyển Pháp-Luân trừ nội tặc;
Lưu thanh khí trực khỏe thân minh.*

*Minh lý đạo mâu kíp luyện phanh,
Đạo năng khai giải, Đạo năng hành,
Khai quan tụ khí thông đường cũ;
Chí lớn căn sâu Đạo đắc thành.*

Trong mình người có mạch nhâm và mạch đốc. Dương hồi còn trong thai bào, hai mạch này thường vận chuyển không bao giờ gián đoạn, nên thần khí hỗn hiệp, thông với tiên thiên. Đến khi xé bọc ra, cắt rún rồi, thì mạch này bèn chia làm hai: mạch nhâm chủ về phần âm, khởi tại khiếu thừa-tương (môi dưới) mà dứt ở khiếu hội-âm (gần lỗ đại, phía trước); mạch đốc chủ về phần dương, khởi tại khiếu trường-cường (gần lỗ đại, phía sau) mà dứt ở nhơn-trung (môi trên)(1), thì âm dương hết giao, trước sau gián đoạn. Nê-hườn chẳng cùng đơn-điền giao thông, khí đơn-điền chẳng cùng vĩ-lư thấu suốt, quan khiếu chẳng thông, hóa cơ không chủ. Do cái khí bảm nhiều ít mà thành ra

thọ mạng vẫn dài. Cho nên ngày chết đã định rồi từ khi con người mới sanh ra.

Xưa có người hiểu lý này trước hết, được chứng quả trường sanh, là nhờ có phép châu-thiên thăng giáng, hà-xa vận chuyển khiến cho hai mạch liền nhau, tuần hườn không đứt, ba quan khai thông, châu lưu chẳng nghĩ. Theo phép này, trước giờ tỵ, sau giờ ngọ, ngồi xếp bằng ngay thẳng, bốn cửa bế ở ngoài, hai mắt xem vào trong, trong-trẻo như nước đứng, vắng-lặng tợ nhà không, sẽ đến không lo, qua rồi chẳng tưởng, tâm chẳng sanh diệt, khí không ra vào. Hãy điều hơi thở cho lâu, chú tưởng tại đơn-điền, giữ đừng cho khí tán, thì mới nghe trong đơn-điền có khí phát động. Tức thì đem hơi thở lỗ mũi cắn bế nơi dạ dưới; lấy ý mà phụ hơi một chút, cho khí thông vĩ-lư. Vĩ-lư thông thì phải nhiều hơi cốc-đạo (lỗ đại), lưởi chống ổ gà, dùng ý dẫn từ từ lên tới nê-hườn. Đem khí lên tới nê-hườn gọi là hườn tinh bổ não. Một chấp, khí ấy hóa ra cam-lộ, do thước-kiều(1) mà đi xuống, thì bỏ cái lưởi xuống, tự nhiên hội-yết khai thông, dùng ý nhẹ nhẹ đưa về ngươn-hải. Đó là một hiệp. Đủ 360 hiệp như vậy gọi là một châu-thiên.

Làm như vậy cho lâu, tự nhiên khí cơ lưu chuyển, cốt tiết xoi thông, ba quan lần mở, hai mạch tìm lại con đường Tào-khê, có cảm sẽ thông, vào cửa chúng diêu (huyền khiếu), ngươn-tinh hết chạy ra nữa.

Trên là một tiết công phu, có thể làm cho người sống lâu. Tới việc bảo ngươn khế hư (giữ gìn huyền-khiếu, hiệp với hư-không), thoát thai thần hóa (thần ra khỏi thai, vô cùng biến hóa), lại có một từng công phu vi diệu khác nữa, nhưng kỳ thiệt cũng tự bước đầu này mà tiến lên.

Bạch Tẩn Lão Nhơn nói rằng: "Giữ điều hơi thở, có ngày phục trú cái khí hậu thiên; chứa khí khai quan, tự nhiên trở lại con đường tiên thiên, tức là chỗ gọi: tìm được con đường trước cũ lại

(1) Thước kiều là cầu của chim ô thước bắt qua sông Ngân Hà cho Chức Nữ sang gặp Ngưu Lang đêm mồng bảy tháng bảy. Đây có nghĩa là chỗ nguy hiểm khó qua (ngõ thông ra lỗ mũi).

9. – TỰ CHÁNH(2)

*Tự chánh lâu ngày đắc chánh trung,
Tâm hôn, tánh vía thấy qui không,
Thế-gian cõi tạm nương thân độ;
Công-quả, công-phu đến tận cùng.
Cùng tận tánh chơn rõ Đạo mầu,
Biết đường chẳng luận chậm hay mau,
Trở về nguồn sống mà vui sống;
Tận độ khách trần học Đạo Cao.
Cao-Đài xuất thế độ toàn linh,
Học Đạo giác mê cũng tự mình,
Thánh-Thể Thầy phô bày trước mắt,
Người khôn giác ngộ mới Thiên-Tình.*

Đức Khổng Thánh nói rằng: “Quân tử thực vô cầu báo, cư vô cầu an, mầu ư sự nhi thận ư ngôn, tự hữu đạo nhi chánh diên.” Nghĩa là: Người quân tử (chuyên tâm dốc chí về sự học) ăn không kịp no, ở không kịp yên, nhậm lẹ về việc làm, đặt dè trong lời nói(nhưng còn chưa dám cho mình làm phải) lại hay gần gũi với người có Đạo để chất chánh những điều trái phải.

Ngài chuyên tâm gắng sức, có thể nói là học đúng theo tông-chỉ. Vậy mà còn phải gần gũi người có Đạo để mình biện chánh tà. Chẳng phải ngài có ý quá khiêm, kỳ thiệt là muốn học thêm mà thôi. Ngài thiệt thấy rõ Đạo Lý trong thiên hạ là vô cùng, còn học-vấn của một người thì hữu hạn. Cho nên Đại Thuấn là bậc thánh-nhơn, còn ham hỏi và ưa xét những lời thiển-cận, quên mình mà theo người, vui xem gương người để làm lành. Nhan Tử là bậc đại hiền, mình có tài năng mà hỏi người không tài năng, mình nhiều học thức mà hỏi kẻ không học thức, có như không có, đầy tự trống trơn.

Từ xưa đến nay, thánh không tự xưng mình là thánh, cho nên nhờ đó mà làm thánh; hiền không tự xưng mình là hiền,

2) *Tự* là đến gần, *chánh* là chất chánh (hỏi cho chính đính về chỗ còn nghi ngờ). *Tự chánh* nghĩa là gần người có Đạo để chất chánh trái phải.

cho nên nhờ đó mà làm hiển. Người nay chẳng phải vậy. Họ tự khoe mình đã gặp thầy, mà chẳng xét coi thầy đó chơn hay giả; tự khoe mình đã cầu Đạo, mà chẳng xét coi Đạo đó cạn hay sâu. Họ lầm theo bàng-môn, luyện đui tu mù, rốt cuộc không nên trò gì cả. Họ nhìn giả làm chơn, chấp mê không tỉnh ngộ. Có kẻ thương họ lầm lạc, lấy Đạo chánh mà chỉ dạy, họ cũng không tin nữa!

Kinh Dịch nói rằng: một âm một dương gọi là Đạo. Kẻ nhân thấy Đạo gọi Đạo là nhân, kẻ trí thấy Đạo gọi Đạo là trí. Đời này, những nhà luận Đạo đều là người thấy nhân thấy trí, cầu luôn về gốc ngọn, gồm hết cả dưới trên, giữ trọn tánh mạng song tu, Đạo đã minh, đức đã lập, tất nhiên phải chờ người dốc lòng ham học, thường có lòng tự chánh, mới lànói Đạo cùng họ.

Kẻ sĩ có Đạo mới có thể làm nên thân mình, giúp người trọn phận, mới có thể xét rộng, rồi tùy thời mà thi thố. Tỉ như cái chuông lớn, đánh mạnh thì nó kêu lớn, đánh nhẹ thì nó kêu nhỏ, chẳng đánh thì nó không kêu. Chẳng đánh mà kêu thì người ta cho là cái chuông kỳ quái, còn đánh mà không kêu thì người ta cho là cái chuông đồ bỏ. Cho nên người có Đạo tùy người mà giúp ích, chẳng phải để mất người, nghĩa là: gặp người nên giúp mà bỏ qua; lại cũng chẳng phải để mất lời nói, nghĩa là: nói Đạo với người không biết gì.

- Có kẻ hỏi: Như ở đời này, có kẻ sĩ mộ Đạo, mà khó gặp người có Đạo, là tại sao vậy?

- Trả lời: Kinh sách ở trong đời này tự người có Đạo truyền lại. Mình xem kinh sách mà tự chánh, chỉ giữ đừng phạm câu kinh sách dặn, thì lời dạy ta chẳng phải là nhiều sao?

Bạch Tẩn Lão Nhơn nói rằng: *"Muốn gần người có Đạo để chất chánh phải quấy, nếu ta chẳng có Đạo thì làm sao biết được người có Đạo? Hướng Đạo có lớn có nhỏ chẳng đồng, có tà có chánh khác xa. Mìnhặng chánh rồi mới biết chỗ chánh của người, mình không tà rồi mới biết chỗ tà của người. Nếu chẳng phân biệt trắng đen, gặp người thì cầu giáo, làm như thế mà không theo bàng-môn ngoại đạo, thiệt là ít có lắm!"*

CHUNG

1. Nghĩ về Cơ Tận Độ:

Chúng ta đều biết rằng Đức CHÍ-TÔN đến mở Đạo Cao Đài cũng là khai mở Cơ Tận độ cho toàn thể nhân loại nơi mặt địa cầu này. Chữ Tận độ được hiểu là một sự độ rỗi rộng rãi cùng khắp cả chúng sanh. Theo Thánh Giáo từ buổi sơ khai mới có loài người trên trái đất này, Đức Phật MẪU cho xuống trần một trăm ức nguyên nhân. Trải qua hai thời Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ chỉ độ rỗi trở về được có tám ức. Sự mạng của Tam Kỳ Phổ Độ này phải độ cho hết 92 ức nguyên nhân còn lại và cả Hóa nhân và Quỷ nhân cũng đều phải độ.

Sở dĩ nhân sanh bị chìm đắm trong biển trầm luân này là vì họ gây ra nhiều nghiệp chướng rồi cứ phải luân luân chuyển chuyển trong kiếp luân hồi để trả nghiệp đền oan không phương thoát vòng sanh tử. Biết bao nhiêu tôn giáo đã ra đời nhưng vẫn không thắng nổi khối ác trước của loài người, bây giờ thử hỏi Đạo Cao Đài làm thế nào để gọi là Tận độ chúng sanh ?

- Điểm đặc biệt hơn hết là ngày nay chính mình Đức CHÍ-TÔN Đại Từ Phụ và Đức PHẬT-MẪU là Đại Từ Mẫu đến để độ rỗi con cái Người chờ không giao cho một vị Tiên Phật nào giáng trần để lập giáo như trước đây.

“Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa” (TNHT, trg. 16)

Các tôn giáo xưa kia vì giao cho tay phàm nên càng ngày càng xa chánh giáo và biến ra phàm giáo nên năng lực độ rỗi chúng sanh kém hữu hiệu. Ngày nay chính mình Đức CHÍ-TÔN là vị giáo chủ tối cao. Người chưởng quản Bát Quái Đài là nắm linh hồn của Đạo để điều khiển Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài là chơn thần và thể xác của Đạo. Đối với Đạo Cao Đài thì khoảng cách giữa hai cõi hữu hình và vô vi rất gần chớ không còn xa xôi diệu vợi nữa. Hơn nữa không ai thương hơn sanh hơn là Cha và Mẹ của

họ. Theo Đức Hộ-Pháp thì giờ phút này như sanh có thể nhỏ nhẹ với Cha Mẹ thiêng liêng của họ, như vậy muốn xin điều gì hợp với Đạo đức thì có lẽ Cha Mẹ cũng không nỡ chối từ. Và Cha Mẹ luôn luôn trông chờ con thương được trở về ngôi xưa vị cũ:

"Ngồi trông con dựng phi thường,

Mẹ đem con đến tận đường hằng sanh"

Muốn tận độ con cái của Người, Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu đã dùng một trong số các biện pháp quan trọng chúng ta có thể kể sau:

- Đem bí pháp đến thế gian .

- Ân xá tội tình nghiệt chướng, đóng địa ngục mở tầng Thiên.

• **Đem bí pháp đến thế gian:**

Thánh giáo Đức CHÍ-TÔN có dạy về hai chữ Phổ Độ:

"Phổ là bày ra. Độ là gì? Là cứu chúng sanh.

Muốn trọn hai chữ Phổ Độ phải làm thế nào ? Chúng sanh là gì ?

Chúng sanh là toàn cả nhân loại, chớ không phải lựa chọn một phần người như ý phạm các con tính rồi.

Muốn trọn hai chữ Phổ Độ phải làm thế nào ? Thấy hỏi ? Phải bày bửu pháp chớ không dựng dấu nữa".

Hai chữ bửu pháp và bí pháp có nghĩa cũng gần giống nhau là những pháp môn quý giá được các hàng tổ sư giữ bí mật và chỉ truyền cho môn đệ nào xứng đáng và bằng khẩu khẩu tâm truyền chớ không phô bày cho tất cả mọi người biết.

Ngày nay, trong cửa Đạo Cao Đài các bí pháp được bày ra cho cả môn đệ được thụ hưởng hay thực hành, chúng ta có thể kể một vài phép như: phép cắt dây oan nghiệt, giải oan, tẩm Thánh, hôn phối...Có khi những bí pháp này được lồng thời, trong những nghi thức cúng kiến như Hội Yến diêu Trì, cúng

cúng đàn...

- Về bí pháp Hội Yến Diêu Trì: Đức Hộ-Pháp có giảng thuyết vào dịp Trung Thu Kỷ Sửu (1949) như sau:

“Cổ pháp định cho Chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung, hưởng được Hội Yến Bàn Đào tức nhiên hưởng được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả đào Tiên, uống được Tiên tửu mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống gọi là nhập tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ có ai dâng hưởng nếu có dâng hưởng cũng một phần rất ít.

Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu dâng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này để Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát, ấy là một Bí Pháp Thiêng Liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới dâng.

Hôm nay là ngày Phật Mẫu đem Bí Pháp dâng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi.

Hôm nay là ngày lễ của Ngài mà cũng là ngày trọng hệ trong cửa Đạo, xin toàn cả con cái của Ngài nhớ và để nơi tâm mình, bởi thế năm nào Bản Đạo cũng để ý đến lễ của Ngài hơn hết; từ tạo Thiên lập Địa đến giờ chưa có ai hưởng được thời kỳ này. Ngài đến tại mặt địa cầu 68 này dâng tận độ con cái của Ngài.

Chúng ta phải chiêm ngưỡng ơn vô biên vô tận của Ngài, chúng ta phải chiêm nghiệm lễ này để làm mật niệm cảm ơn Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, ấy là Bí Pháp của chúng ta đó vậy”.

- Về pháp “Tứ Thời Tụng Niệm” Đức Hộ-Pháp cũng có lời phê khi một vị Chí Thiện vì già yếu xin nghỉ cúng thời Tý tại Đền Thánh như sau:

“Hễ càng già lại càng cúng nhiều dâng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Đức CHÍ-TÔN định, ấy là bí mật giải thoát

của Chí Tôn để nơi cơ Tận Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý Bí Pháp này” (Trích Lời Phê DHP, trang. 6)

Đây là lời dạy của Đức Hộ-Pháp từ đầu thập niên 1950, nhưng cho đến nay có mấy người hiểu thấu và thực hành lời dạy này. Xưa kia người muốn tu hành phải đi tầm sư học Đạo, phải lên non cao núi thẳm muôn vàn khổ cực, ngày nay Đức CHÍ-TÔN đem Đạo, đem bí mật giải thoát để trong cửa Đại Đạo, trong những sinh hoạt thường ngày thông dụng nhất cho con cái người dễ dàng đoạt cơ giải thoát. Vì vậy trong bài thuyết Đạo vào dịp Trung Thu Tân Mão, Đức Hộ-Pháp có giảng:

“Xưa kia con người đi tầm Đạo, còn hôm nay trái lại Đạo lại đi tìm người. Ôi, nếu chúng ta tưởng tượng cái ân hậu vô biên của Đức CHÍ-TÔN đã thi thố thì chúng ta hạnh phúc không thể gì có ngôn ngữ nào mà tả cho đặng...”.

• Ân xá tội tình, đóng địa ngục mở tầng Thiên.

Trong lời Tựa của quyển Kinh Lễ Hội Thánh có viết rằng:

“Đức Q. Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ-Pháp trót mười năm trường nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng dâng xin kinh Tận Độ, nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần Thánh Tiên Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (1935) mới giáng cho Tân Kinh. Ấy là giọt nước Cam Lô của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đấng linh hồn của toàn thể giới.

Chúng ta thâm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua mười năm Chí Tôn mới mở cơ Tận Độ. Cơ Tận Độ nhưn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi”.

Kinh Tận Độ chính yếu là kinh để độ rồi vong hồn người

chết được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Trong bốn kinh này có nhiều đoạn nói lên sự ân xá tội tình và cửa địa ngục được bế lại, không còn cảnh hành hình như thuở xưa:

- Như trong Phật Mẫu Chơn Kinh:

"Vô siêu dọa quả căn hữu pháp,

Vô khổ hình, nhơn kiếp lưu oan

Vô địa ngục, vô quỷ quan,

Chỉ Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên"

- Hoặc như trong bài Kinh Giải Oan:

"Đóng địa ngục, mở tầng Thiên,

Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương".

Trong kinh Tận Độ, quan trọng nhất là Di-Lặc Chơn Kinh do Đức Thích Ca giảng cơ ban cho để cầu siêu rồi các chơn hồn dầu chết đã lâu hay mới qua đời. Vì vậy trong các tang lễ mỗi đêm đều trì tụng Kinh Di-Lặc càng nhiều càng tốt. Nơi các Thánh Thất, mỗi chiều sau thời Dậu đều có tụng nhất là vào các ngày Sóc Vọng.

Kinh Di-Lặc còn có tác dụng giải trừ bớt tai nạn, bệnh tật, nghiệt chướng nếu ai thành tâm trì tụng, vì trong kinh này có các đoạn như:

"Nhược hữu nhơn thọ trì khứng kinh ma chướng, nhứt tâm thiện niệm: Nam Mô Di-Lặc Vương Bồ Tát, năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệt chướng tất đắc giải thoát".

Dịch nghĩa: "Nếu như có người nhận lãnh và gìn giữ làm theo lời Phật dạy, bị sợ hãi vì ma quỷ cản ngăn, một lòng một dạ tưởng nghĩ điều lành, niệm: Nam Mô Di Lặc Vương Bồ Tát, có khả năng cứu giúp tai nạn khổ sở, có khả năng cứu giúp ba tai họa lớn, có khả năng cứu được bệnh tật, có khả năng cứu giúp và dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi các thứ nghiệt chướng, ắt

được giải thoát”. (Giải Nghĩa Kinh Thiên Đạo Thế Đạo, HT Nguyễn Văn Hồng)

- Về sự ân xá tội tình, Đức Hộ-Pháp có để lại bút phê như sau:

“Đức CHÍ-TÔN là Đại Từ Phụ, khi đến độ Bản Đạo, Bản Đạo có hỏi về phương tận độ các vong linh như loại thì có nói quả quyết như vậy: Dầu cho có kẻ nào phạm tội đầy đầy mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũngặng được siêu thoát” (trích Lời Phê ĐHP)

“Kêu danh Ta” tức là niệm Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Điều này chúng ta tưởng dễ nhưng nghĩ lại cũng rất khó bởi vì có mấy người lúc hấp hối còn được bình tỉnh, sáng suốt để niệm danh Thầy ? Tại sao chúng ta không tập niệm danh Thầy hằng ngày ngay từ bây giờ mà phải đợi đến lúc hấp hối mới niệm ? Nếu chúng ta lo tụng kinh Di-Lặc hằng ngày thì đến lúc chết đâu cần ai tụng cũng được siêu thoát. Ngoài ra chúng ta đừng quên rằng chỉ có món hành trang quan trọng nhất là công quả mới mang được về bên kia thế giới.

Tóm lại, chúng ta may duyên sanh nhằm thời kỳ Đức CHÍ-TÔN mở cơ Tận Độ, may duyên được làm môn đệ của Đấng Cao Đài thì cơ hội để được trở về Thiên Liêng vị rất dễ dàng nếu như chúng ta quyết chí lo tu hành, lập công bồi đức và để trọn đức tin nơi Thầy.

1. Hãy biết thanh toán hết các mối oan nghiệt nơi cõi tạm này để được siêu thoát:

Danh từ siêu thoát hay siêu thăng tịnh độ có nghĩa là được giải thoát khỏi chốn hồng trần này. Mà muốn được giải thoát trước hết phải thanh toán hết các món nợ, các mối dây oan nghiệt đối với thế nhân thì chúng ta mới được ung dung thanh thản ra đi. Cái gì tạo ra quả phúc còn cái gì tạo ra oan nghiệt? Cụ Nguyễn Du đã trả lời qua câu Kiều:

“Tu là cõi phúc, tình là dây oan”

Nhưng không phải chỉ có tình mới tạo ra dây oan mà còn những thứ khác cũng gây nhiều oan nghiệt như: sự oán ghét, thù hận.

- Một khi chúng ta oán ghét ai trong lòng thì luôn nghĩ xấu về người đó, tức là đã gây ra ý nghiệp.

- Rồi vì sự oán ghét chúng ta nói lên những lời nguyền rủa tức là đã mang khẩu nghiệp.

- Ảnh hưởng của lời nguyền rủa làm cho người đối tượng bị đau kho, tức tối, rồi phản ứng lại, đó là bắt đầu các mối oan nghiệt. Chưa kể những lời nguyền rủa làm người sân hận, gây cản trở bước đường tu tiến của người khác. Có khi những lời nguyền rủa này lại thành sự thật thì đã gây nên một nghiệp quả nặng nề rồi.

Vì vậy nên Đức CHÍ-TÔN có dạy một câu mà ai cũng thuộc nằm lòng là:

"Vậ Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à!"

Tuy nhiên, có ai thi hành được đầy đủ lời dạy này, vì khi chúng ta sân hận lên thì lý trí sẽ không còn sáng suốt nữa.

Trong Phương Luyện Kỹ đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo, Đức Hộ-Pháp có những lời khuyên thật vô cùng minh triết :

"Đức tin và khôn ngoan là kho chỉ bửu, ngoài ra là cửa bỏ là đồ vô giá.

Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó mà giữ Thanh Tâm Công Chánh cho đặng,

Ai chẳng oán hận mới thắng được kẻ thù nghịch cùng mình.

Sự cừu hận là khối thảm khổ đê nhứt của nhơn sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét".

Sự cừu hận, oán ghét là những khía cạnh xấu trong thất tình lục dục của con người, nên khi còn mang nặng phàm thể mấy ai

thắng nổi. Đức Cao Thượng Phẩm cũng đã có được kinh nghiệm này nên khi về Thiêng Liêng vị, Ngài có giáng cơ khuyên giải chư chức sắc như sau:

“Hồi em còn ở thế, sức giận của em đến đổi, nếu em được Thiêng Liêng vị tức cấp, thì có lẽ cây quạt của em đã đưa họ trụi vào phong đô không sót một ai. Nhưng chừng bỏ xác phàm, được nhơn huệ quang rồi, em lại thương đau thương đón, dường như sợ cho họ sai đường lạc nẻo thì phải mất một bạn thiêng liêng rất quý trọng vậy; thành thử phải điu dắt chịu theo tâm phàm họ cao thấp mà sửa từ bước, độ từ chặn. Mà nếu rủi điu họ không được, thì phải tận tụy với trách nhiệm làm thế nào cho họ đừng sa đọa phong đô, để cầu với Tòa Tam Giáo, cho tái kiếp mà chuộc căn quả”.

Thật xúc động thay khi nghe được những lời khuyên của một bậc đại giác. Đức Ngài đã diễn tả hai thái độ của một người ở cõi hữu hình và cõi vô vi. Đức Ngài đã không “điều dắt, chịu theo tâm phàm” của những bạn Đạo “mà sửa từ bước, độ từ chặn” mà còn muốn “đưa họ trụi vào phong đô” nên ngày nay Ngài còn hối tiếc.

Tóm lại, khi còn mang xác phàm chúng ta thường hành động theo sự hướng dẫn của thất tình lục dục tức của phàm tâm, điều này thường gây nên nhiều oan nghiệt buộc ràng tức là khó mà đoạt cơ giải thoát choặng. Nên nếu đã lỡ sai đường thì chúng ta tìm cách giải tỏa để không còn vướng bận và tự hậu điều chỉnh bước đường trở về với Thánh tâm thì mới khỏi ân hận khi về thiêng liêng vị vậy./.

• **Quang Thông**
(07-2002)

Hàn San Tự và Thiền Lâm Tự: đường vào lịch sử.

Lê Tấn Tài và Vương Văn Ký

Phần I: Hàn San Tự và Thiền Lâm Tự: đường vào lịch sử.

Do một nhân duyên nào đó, một sự việc được ghi vào lịch sử một cách trân trọng và sống mãi với nhân gian. Từ hơn ngàn năm trước, tại đất Tô Châu, bến Phong Kiều, trong một đêm trăng mờ, tiếng quạ kêu sương áo nã, rặng cây phong ẩn hiện hai bên bờ Đại Hà, xa xa lửa chài lấp lánh, Trương Kế, một sĩ tử vừa hỏng thi đang trên đường từ trường thi ở kinh đô trở lại nhà, neo thuyền qua đêm tại đây để chờ sáng. Nỗi buồn thi hỏng gặm nhấm tâm hồn, dầy vò người sĩ tử, khiến chàng trong cơn đau sầu, đã xuất thần làm nên bài thơ trác tuyệt, vốn vẹn có 28 chữ, mà suốt hơn ngàn năm qua đã được say mê, nghiên cứu và phẩm bình. Thi nhân khắp nơi, từ Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn ... trong ngàn năm qua đã mơ ước một lần đến viếng ngôi chùa cổ Hàn San để tìm hiểu, chiêm ngưỡng và chia sẻ với thi nhân Trương Kế niềm cảm xúc tuyệt vời. Hàn San Tự, một ngôi chùa cổ tằm thường có may mắn được đề cập trong bài thơ ngắn ngủi này mà tên đã lưu vào sử sách và luôn được duy trì, trùng tu.

Tại Việt Nam, Thiền Lâm Tự cũng được may mắn đóng góp vào lịch sử khai đạo Cao Đài. Thật vậy, Thiền Lâm Tự, còn gọi là chùa Gò Kén, là nơi khai sinh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong đêm rằm tháng 10 âm lịch năm Bính Dần 1926. Trải qua 77 năm kể từ ngày khai đạo, tôn giáo Cao Đài đã có số tín đồ lên đến nhiều triệu. Trong tâm của các tín hữu đạo Cao Đài, chùa Gò Kén đã gắn liền với lịch sử khai đạo.

Xin thân mời bạn cùng tôi tìm hiểu những giai thoại về hai ngôi chùa lịch sử nói trên.

1. Hàn San Tự và bối cảnh lịch sử của bài thơ “Phong kiều đa bạc”.

Trong bài: “*Đọc lại Phong kiều dạ bạc*” (1) trên tạp chí Văn Học, số 195, tháng 7 năm 2002, (từ trang 22 đến trang 29), tác giả Trần Long Hồ cho biết: “Trương Kế vốn là nhà thơ nổi tiếng thời thịnh Đường, nhưng người ta quên mất năm sinh và năm mất của ông, chỉ biết ông sinh thời vào khoảng những năm trước và sau 756, niên hiệu Chí Đức, đời Đường Túc Tông. Sinh quán của ông ở Tương Châu, nay thuộc tỉnh Hồ Bắc. Ông đậu Tiến Sĩ vào năm thứ 12 niên hiệu Thiên Bảo”. Tác giả Trần Long Hồ tiếp: “... Trương Kế, thi nhân đang ngao du thuyền trên sông và đậu lại ở bến Phong Kiều”. Lập luận cho rằng thi nhân đang “ngao du thuyền trên sông” tôi thấy có nhiều điểm không đồng ý. Nếu thi nhân đang “ngao du, hưởng thú bổng bềnh trên sông nước” thì tâm hồn thi nhân không quá sầu đau để thốt ra: “*giang phong ngư hỏa đối sầu miên*”.

Trong dịp viếng Tô Châu năm 2001, tôi được người hướng dẫn du lịch, ông Edward Zhang Honghua, người địa phương quê ở Tô châu giải thích về bối cảnh lịch sử bài thơ “*Phong kiều dạ bạc*”. Theo ông, thi nhân Trương Kế sáng tác bài thơ, nhân lúc thuyền ông đậu qua đêm tại bến Phong Kiều trên Đại Hà, lúc ông trên đường từ trường thi trở về nhà, sau khi hỏng thi. (Đại Hà là một con kinh dài nhất Trung Quốc, nối liền miền Bắc và miền Nam. Mời bạn đọc bài: “*Bây ngày ở Giang Nam*” của Thọ Ân trong Đặc San Tây Ninh Mến Yêu năm 1999 từ trang 126 đến 138, để biết thêm nhiều điều thích thú của vùng đất Tô Châu và lịch sử đào Đại Hà). Nỗi buồn thi hỏng “*thi không ăn ớt thế mà cay*” đã là nguyên nhân khiến nhà thơ làm nên bài thơ “*Phong kiều dạ bạc*” xuất sắc mà suốt hơn ngàn năm qua, đã làm cho độc giả say mê, yêu thích:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Đạ bán chung thanh đảo khách thuyền*

Thi sĩ Tần Đà dịch ra tiếng Việt:

*Trăng tà, tiếng quạ kêu sương
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ*

*Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San*

Tôi xin tạm dịch:

*Quạ kêu, trăng lặn, sương đầy
Bờ phong kia với lửa chài buồn sâu
Hàn San tự, Cô Tô lâu*

Chuông khuya vắng tiếng dong sậu thuyền ai

(Xin thân mời bạn đọc bản dịch của Vương Văn Ký ở phần hai)

Thật vậy, chỉ với 28 chữ, thi nhân đã vẽ ra cho chúng ta thấy toàn cảnh bờ Đại Hà trong một đêm đầy sương, tiếng quạ kêu thảm nảo. Bên bờ kinh, hàng cây phong thấp thoáng, với ánh lửa của dân chài nhấp nháy xa xa. Thi nhân buồn vì thi hỏng, đang ngủ chập chờn thì bỗng chuông công phu khuya từ chùa Hàn San vọng lại, đánh thức thi nhân. Câu chuyện chỉ giản dị có thế. Tuy nhiên, với tài thi xuất chúng của Trương Kế, bài “Phong kiều dạ bạc” đã trở thành “bất tử” và đã làm nổi tiếng một ngôi chùa nhỏ, rất tầm thường như các ngôi chùa khác trong vùng Tô Châu với nghề dệt lụa và người đẹp Tây Thi thời Đông Chu (770 đến 314 trước Công Nguyên).

Tác giả Trần Long Hồ còn nhắc một giai thoại lý thú có liên quan đến bài thơ “Phong kiều dạ bạc”:

“Chuyện ghi rằng, vào đêm Trương Kế đậu thuyền tại bến Phong Kiều, không phải chỉ có một mình thi nhân không ngủ được mà có đến hai người khác nữa cũng trần trọc không sao an giấc. Hai người nầy say mê thơ, chắc cũng không kém nhà thơ Trương Kế. Người thứ nhất là sư cụ trụ trì chùa Hàn San. Nhà sư thao thức không ngủ được, có lẽ vì cảnh sắc quá đẹp ở bến Phong Kiều chẳng, nên suy tư để làm một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt. Nhưng nhà sư chỉ làm được hai câu đầu rồi bị ngưng trệ ở đó, không sao làm tiếp được. Lúc đó, nhà thơ Trương Kế ở dưới thuyền cũng thao thức vì cảnh đẹp thiên nhiên và làm chỉ được hai câu đầu mà thôi. Nhà thơ không nghĩ ra được hai câu tiếp.

Trong khi đó có người thứ ba cũng trần trọc trong đêm là chú tiểu trong chùa. Chú tiểu cũng là người say mê thơ. Lúc đó, sư cụ trụ trì thấy chú tiểu còn thức bèn đưa hai câu thơ mà nhà sư làm ra, nhưng không thể làm tiếp được để kết thúc bài thơ. Chú tiểu vừa

đọc qua hai câu đầu của sớ cụ liền viết ra ngay hai câu sau. Sớ cụ đọc qua, ráp nhau lại, nhận thấy cả bài thơ bốn câu hay quá. Nhà sớ mừng rỡ, cho rằng Phật Tổ đã linh thiêng giúp đỡ cho hai người. Sớ cụ bảo chú tiểu thấp hương, thỉnh chuông để tạ ơn Phật. Lúc đó, Trương Kế đang thao thức suy nghĩ về hai câu thơ sau, thì tiếng chuông chùa Hàn San vang ngân lên, lập tức nhà thơ viết liền ra hai câu sau, hoàn thành bài thơ tuyệt tác để lại cho đời sau”.

Đây là bài thơ của sớ cụ trụ trì và chú tiểu chùa Hàn San:

*Sớ tam, sớ tứ, nguyệt mông lung
Bán tự ngân câu, bán tự cung
Nhất phiến ngọc hồ phân lương đoan
Bán trâm thủy để bán phù không.*

Trần Trọng San (2) dịch: (Thơ Đường, Trần Trọng San, cuốn một, trang 116, nxb Bắc Đẩu, in lần thứ ba, 1972)

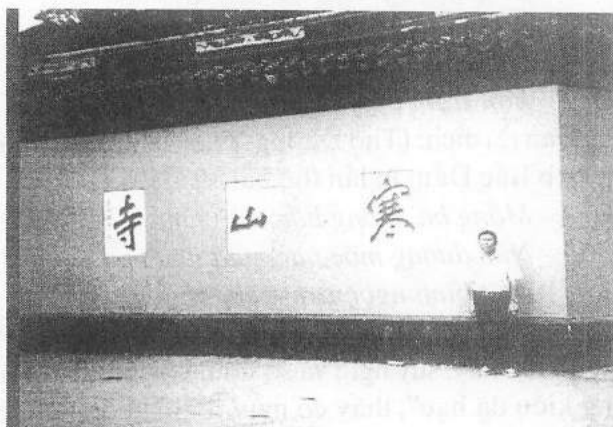
*Mông ba, mông bốn trăng mờ
Nửa đường móc bạc, nửa như cung trời
Một bình ngọc trắng chia hai
Nửa chìm đáy nước, nửa cài từng không.*

Tôi đọc giai thoại này, suy nghĩ và so sánh với những chi tiết trong bài “Phong kiều dạ bạc”, thấy có mấy điểm không ổn, chưa hài lòng: Trong giai thoại văn chương này, nói rằng trong đêm thi nhân Trương Kế làm bài thơ “Phong kiều dạ bạc”, cũng là đêm sớ cụ và chú tiểu làm bài thơ vịnh văng trăng non, mà sớ cụ nói rõ là: “mông ba, mông bốn”. Ánh trăng non “mông ba, mông bốn” chỉ kéo dài khoảng đầu hôm, đến giữa khuya thì biến mất khỏi bầu trời. Trong khi đó, Trương Kế thì nói rõ: “Nửa đêm về sáng, trăng đã xế, nhưng vẫn còn trên bầu trời” (nguyệt lạc; dạ bán chung thanh đáo khách thuyền). Theo chi tiết này, khi chuông chùa Hàn San ngân vang lên thì trăng tuy lặn, nhưng vẫn còn trên bầu trời, chắc chắn là cận ngày rằm, chứ không thể là trăng non “mông ba, mông bốn” được. Vâng, ánh trăng trong “Phong kiều dạ bạc” phải “già” hơn ánh trăng non “mông ba, mông bốn” trong bài thơ của sớ cụ và chú tiểu chùa Hàn San.

Tuy chỉ với bài thơ Đường thất ngôn tứ tuyệt ngắn ngủi, Trương Kế đã đi vào lòng người yêu thơ suốt ngàn năm hơn. Hôm nay, ta

đọc lại, vẫn thấy lòng chơi vơi buồn, cùng chia sẻ niềm đau đớn, thất vọng với tâm sự buồn rầu của một tử sĩ hồng thi. Đây cũng là nhân duyên đưa một ngôi chùa tầm thường vào lịch sử trên ngàn năm nay tại Trung Quốc, mà qua bao nhiêu thay đổi, chùa Hàn San vẫn được trùng tu, gìn giữ để làm một di tích lịch sử cho người đời chiêm ngưỡng, lễ bái.

2. Thiền Lâm Tự, tức chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam, nơi khai đạo Cao Đài.



Hình 1: Tác giả đứng trước cổng chùa, với hàng đại tự ghi “Hàn San Tự”

Hàng năm, tới ngày mùa, cánh đồng lúa xanh bát ngát bao quanh chùa Gò Kén, chạy dài giáp với con sông Vàm Cỏ Đông.

Xin mời bạn thăm cảnh chùa Gò Kén qua sự mô tả của nhà sư khảo Huỳnh Minh, (3) trong “Tây Ninh, xưa và nay”, trang 223-227, ấn bản do Tây Ninh Đồng Hương Hội tái bản tại Úc Châu: “...Từ Lâm Tự (nhà sư khảo Huỳnh Minh ghi trong sách là Từ Lâm Tự. Tên đúng là Thiền Lâm Tự, Lê Tấn Tài chú thích), Gò Kén xây cất bằng gạch, lợp ngói, nằm cận quốc lộ 22, cách tỉnh



Hình 2: Tác giả và hiền nội đứng tại bến Phong Kiều Tô-Châu nơi mà hơn ngàn năm trước thi nhân Trương Kế đã neo thuyền qua đêm và làm bài thơ “Phong Kiều dạ bạc”



Hình 3. Tác giả và hiền nội trong “Tàng Thư Các” của Hàn San Tự, phía giữa là bia đá khắc bài thơ “Phong kiều dạ bạc”

Từ giả chùa Hàn San, xin mời bạn trở về thăm một miền đất hiền hòa, thôn dã của đồng ruộng xanh tươi tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. lỵ Tây Ninh 6 cây số ngàn. Chùa nằm về phía bên mặt quốc lộ, hướng Tây Ninh về Sài Gòn. Một con đường đá đỏ dài lối 200 thước đưa du khách từ ngã rẽ quốc lộ vào đến chùa. Hai bên đường có cây che mát lối đi. Chùa có hàng rào và cổng xây bằng gạch. Trên cổng có tấm bảng rành rành nêu ba chữ lớn tên chùa... Chùa xây trên nền cao, khá tốt đẹp. Cuộc đất của chùa rộng được lối 4 mẫu. Chia ra 2 mẫu dùng làm nghĩa địa, 2 mẫu trong phạm vi chùa và vườn. Quanh chùa có trồng nhiều cây long nhãn, cành lá sum xuê. Chánh điện có 6 nóc. Hai bên có đông lang và tây lang. Cách thờ phượng trong chùa gồm đủ cả, ngôi thứ phân minh. Chánh điện thờ Đức A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí ở bên trên. Tầng dưới thờ Thích Ca, Ca Diếp, A Nan. Hai bên vách thì có Thập Bát La Hán, Đạt Ma Tổ Sư, Địa Tạng và bày rõ cảnh Thập Điện. Ngay giữa chùa thì có tượng Tiêu Diện Đại Sĩ đứng ngó ra, đối diện là tượng Hộ Pháp Già Lâm. Trước bên Hộ Pháp còn có thờ Đức Ngọc Hoàng ngồi giữa, Nam Tào và Bắc Đẩu đầu hai bên. Ngoài ra, chùa còn có một cái trống sấm và một đại hồng chung rất xưa, trên 50 năm. Trước sân chùa có hai bảo tháp. Tháp bên tả là của Tổ Sư Yết Ma Lượng lấy cốt ở Thiên Lâm cổ tự đem về an vị nơi tháp năm 1925. Tháp bên hữu là của hòa thượng Giác Hải, an vị trong năm 1939. (Xin xem hình số 5, bạn đọc sẽ thấy hai ngôi bảo tháp này đã bị "quấy rầy" do các đống gạch của lò gạch nằm trên cuộc đất của chùa). Chùa Từ Lâm này đã có một lúc là nơi tiếp cơ khai đạo Cao Đài. Nguyên khoảng đầu tháng 10 âm lịch năm Bính Dần 1926, một đêm, các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang cầu cơ, được ơn trên mặc khải, đứng ra lo liệu việc mở mang nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hai ông Cư và Tắc lập tức tiếp xúc với Hòa Thượng Giác Hải, hỏi mượn chùa Từ Lâm, tạm làm nơi khai đạo đầu tiên. Đồi bên thỏa thuận cho mượn chùa trong ba tháng, kể từ rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) đến rằm tháng giêng năm Đinh Mão (1927). Sau đó, (trễ kỳ hạn hơn một tháng), Hội Thánh Cao Đài tìm được cuộc đất tốt ở Tây Ninh, để xây Thánh Thất, giao trả chùa lại như cũ.

Lại nữa, đạo Cao Đài bắt nguồn khởi thủy từ chùa Từ Lâm ở Gò Kén này, về sau mới do lệnh thiêng liêng chọn vị trí xây cất Tòa Thánh Đại Đạo như chúng ta thấy ngày nay. Do đó, hầu hết tín đồ đạo Cao Đài đều biết ngôi Từ Lâm Tự Gò Kén, nơi thiêng liêng giáng cơ trong buổi đầu để khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhà thơ Huệ Phong có làm một bài thơ vịnh cảnh chùa dưới đây:

*Từ Lâm Gò Kén mắt vui trông
Trước lộ sau kinh ruộng giáp vòng
Cửa tịnh chuông tan niềm tục lụy
Gió thanh dương thổi nhạc hư không
Chính nơi Từ Phụ khai chơn giáo
Tuyển bậc hương sanh lập đại đồng
Phật Tự xưa in hình Thánh Thất
Cảnh này còn mãi với non sông...*

Tôi trở lại quê nhà, thăm chùa Gò Kén ngày thứ ba 12/9/2000. Năm 1971, nhà sư khảo Huỳnh Minh mô tả ngôi chùa tráng lệ và xinh đẹp, có cây cảnh xanh tốt bao quanh. Gần 30 năm sau, tôi trở về thăm lại cảnh chùa. Tôi bàng hoàng, sửng sốt, khi thấy toàn cảnh chùa gần như hoang phế. Thửa vườn cây trái xung quanh chùa bị chặt sạch mất, thay vào đó là ao sâu thẳm. Đất đá đã bị đào lên để bán cho người đắp nền nhà, làm đường... Trên sân chùa, một lò gạch đang hoạt động. Hai ngôi bảo tháp với công trình kiến trúc công phu, là nơi an nghỉ của các ngài hòa thượng trụ trì, đã bị “quấy rầy” bởi các đồng gạch được chất tràn đầy, vun vẩy sát bên cạnh. Trước chánh điện, tường vôi cũ kỹ, loang lổ, dơ bẩn. Nền tráng xi măng lâu ngày bị bể vụn, lồi lõm, cỏ mọc xen lẫn vào các chỗ xi măng nứt, làm cho cảnh chùa như thê lương, điêu tàn thêm. Hai dãy nhà đông lang và tây lang cao ráo, tráng lệ, thoáng mát ngày nào đã biến mất. Không biết do xuống cấp quá tệ, không sửa chữa được, hay ai đã dỡ, di chuyển đi đâu mất? Phía sau chùa, dãy nhà dùng làm hậu liêu cho quý vị sư trụ trì và cô vải trú ngụ. Một phần hậu liêu là nhà bếp. Nơi đây, một thời, các bà, các cô, trong đó có má và các chị tôi, đã tấp nập đến làm công quả, giúp chùa nấu nướng các món ăn chay để cúng Phật. Bây giờ, chùa đã hoang phế. Người vắng, chùa điêu

tàn, siêu vẹo, gần như chờ một cơn gió để sụp đổ. Tôi thực sự quá xúc động. Lòng mình chùn xuống. Tôi không ngờ chùa Gò Kén ngày nay đìu hiu, quạnh quẽ, điêu tàn đến như vậy. Tôi muốn vào thăm viếng vị trụ trì, thì được cho biết nhà sư đi vắng. Có lẽ, đang đi canh tác ở đâu đó để có lương thực cho chùa. Ôi! Trong nền “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” ai cũng phải quần quật tự lo lương thực, kiếm sống. Kinh kệ, phật pháp xin được gát lại. Đợi chờ. Lòng tôi quặn thắt, đau đớn lạ lùng.



Hình 4. Tác giả đứng phía trước chánh điện Thiên Lâm Tự trong chuyến viếng thăm ngày thứ ba 12/9/2000

Chùa Gò Kén, nơi khai sinh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một tôn giáo mà ngày nay tín đồ có trên mấy triệu người,

vừa ở trong nước, vừa ở hải ngoại. Có một hôm đẹp trời nào đó, có vị tín hữu nào đó trong lúc tình cờ đọc được lịch sử khai đạo, bèn muốn làm một chuyến hành hương thăm lại di tích lịch sử khai đạo của các đấng “Tiền Khai Đại Đạo”, bèn “cơm ăn, cơm vỡ, lặn lội đường xa” tìm đến nơi, thì hỏi ôi:

*“Đoàn người vừa kịp đến nơi
Thì chùa đã đổ tả tơi bao giờ
Chùa xưa lặng ngắt như tờ
Dấu xưa “khai đạo” rêu lờ mờ xanh”*

(phỏng theo “Truyện Kiều” của cụ Nguyễn Du)



Hình 5: Tác giả đứng cạnh hai bảo tháp tại Thiên Lâm Tự, phía sau là mấy đồng gạch của lò gạch cạnh chùa.



Hình 6. Tác giả đứng bên cạnh tường rào phía tây lang. Tường đã sụp đổ, sân tráng xi măng sụp bể chưa được sửa chữa, cỏ mọc um tùm, hoang phế.

Vị tín hữu đó chỉ còn nhìn thấy một quang cảnh chùa tiêu điều với vài mái ngói loang lổ, ngổn ngang trong đống gạch vụn, xi măng bề bộn, xen lẫn với đám cây cỏ mọc hoang dã. Rồi vị tín hữu đó sẽ âm thầm ứa lệ và tự hỏi: “Đâu là ngôi chánh điện mà trong đêm rằm tháng 10 âm lịch năm Bính Dần, các ngài tiền khai “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” làm lễ khai đạo?” Mới có 77 năm kể từ ngày khai đạo, mà một di tích lịch sử quý giá của nền đạo Cao Đài đã bị hoang phế. So với Hàn San Tự, đã trải qua hơn ngàn năm mà chỉ do một duyên may nhỏ, tên chùa được đề cập trong một bài thơ nhỏ “Phong kiều dạ bạc” mà luôn được tu bổ, gìn giữ để cho hậu thế đến thăm viếng, chiêm ngưỡng, còn Thiên Lâm Tự đã được một duyên may to lớn, đã là nơi khai đạo của một tôn giáo có hơn mấy triệu tín đồ, mà mới có 77 năm, đã bị bỏ quên, bụi thời gian đã phủ lên chùa một lớp sơn hoang phế, điêu tàn.

Tín đồ các tôn giáo lớn, lâu đời, như Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo, Hồi Giáo, ai cũng đều có tâm nguyện, trong đời được một lần có duyên may được hành hương, chiêm bái nơi Thánh Địa, hoặc nơi mà vị Giáo Chủ của họ giáng sinh. Ngay tại Việt Nam, người theo đạo Thiên Chúa hằng năm vẫn tổ chức thăm viếng La Vang, nơi Đức Mẹ hiện ra. Hằng triệu tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo hằng năm vẫn ùn ùn kéo về Tổ Đình làm lễ kỷ niệm ngày đản sinh của Đức Huỳnh Giáo Chủ, dù bị cường quyền đàn áp và ngăn cấm.

Sau năm 1975, cùng với vận nước điêu linh, các di tích lịch sử của tiền nhân để lại đã không được trân trọng giữ gìn mà còn bị “bàn tay tham lam” tẩu tán, tàn phá. Hoàng cung triều Nguyễn, các tháp Chàm, chùa chiền, lăng tẩm ... đã bị thời gian tàn phá, xuống cấp trầm trọng đến mức báo động. Cùng chịu chung số phận hẩm hiu của các di tích lịch sử khác, chùa Gò Kén cũng bị rơi vào lãng quên, đang chờ ngày khai tử. Không biết có duyên may nào, tiếng kêu cứu thảm thương của chùa Gò Kén vang vọng đến những người có lòng, dù là tín hữu đạo Cao Đài hay tín đồ của các tôn giáo khác, mỗi người hoan hỉ phát tâm, góp một phần nhỏ để trùng tu, duy trì một di tích lịch sử của tiền nhân, một thời đã là cơ sở tôn giáo khang trang, đẹp đẽ, và là nơi khai sinh của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh.

Phần II: Thơ của Vương Văn Ký, dịch bài “Phong kiều da bạc” và vịnh Chùa Gò Kén

Phong kiều Dạ Bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô-Tô thành ngoại Hàn San Tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Thuyền Đêm đậu bến Phong Kiều.

Bản dịch của Vương Văn Ký

A-

Quạ kêu trăng lặn đầy sương,
Phong in bến, lửa chài vương mộng sầu.
Chuông Hàn San tự Cô-Tô,
Nửa đêm vọng lại thẩn thờ thuyền ai

B-

Quạ kêu trăng lặn sương rơi,
Phong in bến, lửa chài khơi mộng sầu.
Chuông Hàn San Tự Cô-Tô,
Nửa đêm đánh thức khách dò trong sương.

C-

Quạ kêu trăng lặn sương đầy,
Phong in bến mộng, lửa chài sầu vương.
Cô-Tô San tự chuông chuông,
Nửa đêm thức tỉnh khách buồn bên sông.

D-

Quạ kêu trăng lặn trời đầy sương,
Phong bến lửa chài sầu mộng vương.
San tự Cô-Tô chuông vắng lại,
Khách dò tỉnh giấc giữa đêm trường.

Tiếng chuông chùa Thiên Lâm Gò Kén

Vương Văn Ký

(Kính tặng chư tín hữu Cao-Đài)

Đây Thiên Lâm Tự đất Tây-Ninh,
Cảnh sắc trang nghiêm lại hữu tình.
Giữa điện hiển bày tâm cảnh Phật,
Quanh gò phong kín ruộng mương kinh.
Lời dương liễu réo mời chư Tổ,
Tiếng mõ chuông hòa thỉnh chúng sinh.
Tiên khởi nơi đây khai Đại-Đạo,
Long-Hoa ngời sáng ánh quang minh !

Long-Hoa ngời sáng ánh quang minh,
Tín hữu mười phương ai biết tin ?
Điện Phật sân đường nay quanh quế,
chư tăng bốn đạo thấy điều linh.
Gió mưa lấn át lời tam bảo,
Sấm sét nhạt nhòa tiếng kệ kinh.
Đêm tối thâm u huyền ảo vắng,
Chuông chùa Gò-Kén gọi bình minh.

Chú Thích: Hàn San Tự & Thiên Lâm Tự : đường vào lịch-sử do HTDP Lê Tấn Tài, Sydney, NSW Úc Châu biên khảo, thứ ba 19-11-2002 nhằm ngày rằm tháng 10 năm Nhâm Ngọ, kỷ-niệm ngày khai Đạo Cao-Đài thứ 78.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Long Hồ, Đọc lại *Phong kiều dạ bạc*, tạp chí Văn Học, số 195, tháng 7 năm 2002, trang 22 -29
2. Trần Trọng San, Thơ Đường, cuốn một, nxb Bắc Đẩu, in lần thứ ba, 1972, trang 116
3. Huỳnh Minh, Tây Ninh xưa và nay, loại sách sưu khảo, tác giả xuất bản, ấn bản do Tây Ninh Đồng Hương Hội tái bản tại Úc Châu, trang 223-227,



VƯỜN THƠ

Thi Đoàn Vườn Huệ Tráng phụ trách

Nhân lễ Hạ Ngươn 15-10 Nhâm Ngọ (2002) và kỷ-niệm 78 năm Khai-Minh Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ, Nhật Tân gợi dòng "Tâm Cảm" hướng "Về Nguồn".

VỀ NGUỒN

Muốn đặng Về Nguồn ắt phải tu,
Linh Quang (1) thanh nhẹ lướt mây mù.
Thuận tùng Thiên lý hòa duyên kiếp,
Bất nhất nhân tâm hóa phiếm phù.
Đạo-đức phục hồi thời thượng cổ,
Chơn linh an lạc chốn thiên thu.
Đường về thượng giới cao hay thấp,
Do bởi tâm tu kịp đắp bù.

x

x

x

Đắp bù oan nghiệt vấy trần gian,
Mở lối ưu tư thoát khổ nàn.
Thăng hóa chơn thân cao tích lũy,
Nhẹ nâng thanh khí cảnh ưu nhân.
Sớm tu gỡ rối vòng oan trái,
Muộn Đạo căn cơ vướng oán than.
Quán trọ thể trần đừng bận lụy,
Thần minh (2) soi rạng chín tầng thang.

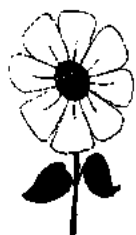
Nhật Tân

Thi Đoàn Vườn Huệ Tráng
Fontana-California.

(1) Con người ai cũng có tiểu linh quang phân tánh từ Đại linh quang Đức Chí-tôn ban cho.

(2) Lương-tâm do Trời phú ban sẵn cho mỗi người.

MỪNG KHAI ĐẠI-ĐẠO



Thất thập bát niên Đạo phổ truyền,
Cao-Đài tận độ khách trần duyên.
Qui nguyên Tam giáo gầy Chơn-pháp,
Hiệp nút Ngũ Chi dựng Đạo quyền.
Vạch nẻo nguyên nhân hồi phẩm vị,
Soi đường hóa chủng hưởng ngôi Thiên.
Trau tâm luyện kỹ cùng Tam lập,
Phá chấp trừ mê trí hóa hiền.

Tổ Nguyên

San Jose, 15-10 Nhâm Ngọ

Chú thích: Câu 3, 4, 5, 6 là Tôn-Chỉ và Mục Đích của Đạo.

ĐẠO TRỜI

Tiên Phật thương đời buổi loạn ly,
Chèo thuyền Bát Nhã vượt gian nguy.
Ngọc Kinh, Thiên Tướng lâm trần thế,
Hộ giá, phò cơ chuyển hội kỳ.
Bác ái công bình sắc chỉ tuyên,
Ngũ Chi Tam Giáo phục hoàn nguyên.
Thiên nhân hòa ước khai ngươn hội,
Thất ức niên dư Đạo phổ truyền.
Thiên thượng nhân gian đã hiệp đồng,
Thanh bình an lạc tại trần hồng,
Tình thương đạo-đức chan hòa khắp,
Định phận an bày có Hóa công.
Luyện trau tâm hạnh hiển dăng Trời,
Thần Thánh Phật Tiên đến đổi đời.
Đại-Đạo hoằng khai cơ tận độ,
Cội nguồn khách tục trở về thôi.
Quê xưa nguồn cội cội vô cùng,
Không khởi thủy và không kết chung.
Điều hữu thường hằng miên viễn ấy,
Bao la vô tận một Huyền Khung.

HT Bùi Đông Phương

CÁO TẬT THI CHÚNG



Xuân khứ bách hoa lạc,
 Xuân đáo bách hoa khai.
 Sự trục nhân tiền quá,
 Lão tòng đầu thượng lai.
 Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
 Đỉnh tiền tạc dạ nhất chi mai.

Mãn Giác

Dịch thơ:

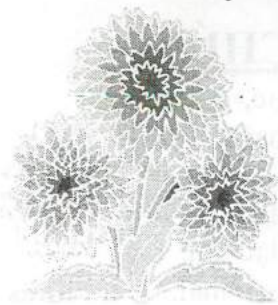
CÁO BỊNH DẶN BẢO CÁC MÔN ĐỒ.

Xuân đi trăm thức hoa tàn,
 Xuân về lại thấy rộn ràng muôn hoa.
 Việc đời chớp mắt thoáng qua,
 Thoáng thôi, tóc đã sương pha rối bời.
 Chớ hiểm xuân cõi hoa rơi,
 Đêm qua nở một cành mai trước thềm.

Nguyễn Tấn Hưng dịch

Mãn Giác Thiền sư (1052-1096) tên là Lý Trường, người đất Lũng Triền, hương An Cách, là con của Trung Thư Ngoại Lang Lý Hoài Tổ. Ham học, thông hiểu cả Nho lẫn Phật. Khoảng năm 1076-1084 xuất gia, được truyền tâm ấn nơi Quảng Trí Thiền Sư chùa Quán Đỉnh. Vua Lý Nhân Tôn xây chùa bên cạnh cung Cảnh Hưng mời sư đến trụ trì để tiện hỏi han. Ngày 30-11 năm Hội Phong thứ năm (1096) sư cáo bệnh, gọi môn đồ lại đọc bài kệ trên rồi mất, vua sắc thụy là Mãn Giác.

告疾示衆 滿覺
 春去百花落。
 春到百花開。
 事逐眼前過。
 老從頭上來。
 莫謂春殘花落尺。
 庭前昨夜一枝梅。



Thị Đệ Tử

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
 Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
 Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
 Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Vạn Hạnh Thiền sư

Dịch thơ:

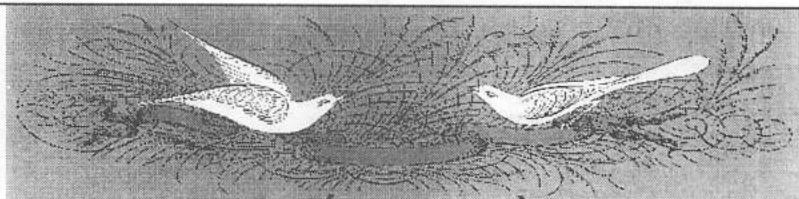
Dặn bảo các đồ đệ

Xuân tươi, thu héo muôn loài,
 Cái thân chớp lóe có rồi lại không.
 Ngại gì suy thịnh, hưng vong,
 Thịnh suy, ngọn cỏ sương lông sớm mai.

Nguyễn Tấn Hưng dịch

Thiền Sư Vạn Hạnh (? - 1018) họ Nguyễn (tên thật, năm sanh chưa rõ) người Châu Cổ Pháp lộ Bắc Giang. Từ nhỏ Thiền Sư học thông tam giáo, say mê Đạo Phật. Năm 21 tuổi tu ở chùa Lục Tổ hương Dịch Bảng. Sư rất quan tâm tới những biến cố chính trị, góp nhiều ý kiến cho vua Lê Đại Hành chống ngoại xâm, sau lại giúp Lý Công Uẩn lên ngôi. Đời Tiền Lê Ông cũng được vua Lê Đại Hành tôn kính, mà sang đời Lý, vua Lý Thái Tổ cũng rất trọng vọng Ông. Bài kệ này Thiền sư Vạn Hạnh đọc cho đệ tử khi sắp mất.

身如電影有还無
 萬木春榮秋又枯
 任運盛衰無怖畏
 盛衰如露草頭鋪
 示弟子 萬行禪師



Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà cụ Đại-Tả Tạ Thành Long cư ngụ tại Garden Grove, California báo tin lễ Thành hôn của con là:

Tạ Thành Long Quốc Bảo

Thứ Nam

sánh duyên cùng con của Bà Quả Phụ Trịnh Đức Ngôi như danh Phạm Thị Hồng Hoa, ngụ tại Garden Grove, California là:

Trịnh Phạm Xuân Hương

Thứ Nữ

Hôn lễ được cử hành vào lúc 10 giờ sáng Thứ Bảy ngày 14-12-2002 (nhằm ngày 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ) tại tư gia đường Sutherland thuộc thành-phố Garden Grove, California.

Xin thành thật chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại
và Tập-San Thế-Đạo

Ban Thế-Đạo Bắc California.

Ban Thế-Đạo Nam California.

Tây-Ninh Đồng Hương Hội.

Đại-Đạo TN Hội California.

Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học-Đường & Lê Văn Trung

Châu-Đạo California.

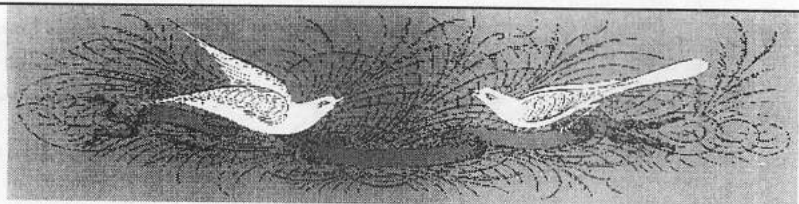
Tộc-Đạo và ĐTPM Orange.

Tộc-Đạo Santa Clara

ĐTPM San Jose.

Tộc-Đạo San Diego.

Tộc-Đạo Little Saigon.



Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của ` Hiền Huynh Chánh Trị-Sự
Trần Văn Hùng và Hiền Tỷ Luật-Sự Nguyễn Thị Tư Bé , ngụ tại
Westminster , California, báo tin lễ thành hôn của con là:

Henry Tran

Thứ Nam

sánh duyên cùng con của Ông Bà Andrew Dang, ngụ tại
Westminster, California , là :

Helen Dang

Thứ Nữ

Hôn lễ được cử hành vào lúc 10.00 giờ sáng Thứ Bảy ngày 23-
11-2002 (nhằm ngày 19 tháng 10 năm Nhâm Ngọ) tại Thánh
Thất Orange, Westminster, California.

Xin thành thật chung vui cùng Hai Họ và chúc Cô Dâu
Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại
và Tập-San Thế-Đạo

Ban Thế-Đạo Bắc California.

Ban Thế-Đạo Nam California.

Tây-Ninh Đồng Hương Hội.

Đại-Đạo TN Hội California.

Châu-Đạo California.

Tộc-Đạo và ĐTPM Orange.

Tộc-Đạo Santa Clara

ĐTPM San Jose.

Tộc-Đạo San Diego.

Tộc-Đạo Little Saigon.

Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học-Đường & Lê Văn Trung

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi được hung tin: Hiền nội của Hiền Huỳnh Phó Trị-Sự Nguyễn Thành Công, ngụ tại Forest Park, bang Georgia là:

ĐẶNG THỊ HIỆP

Đã qui vị lúc 2.05 giờ sáng ngày 19-09--2002 (nhằm ngày 13 tháng 08 năm Nhâm Ngọ) tại Atlanta, bang Georgia, Hoa-Kỳ.

Hưởng dương 53 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia-đình Hiền Huỳnh Phó Trị-Sự Nguyễn Thành Công.

Xin thành tâm cầu nguyện Đức Chí-Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Hiền Tỷ Đặng Thị Hiệp được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Atlanta, ngày 23-09-2002

TM. Bàn Trị-Sự và Đồng đạo ThánhThất Atlanta, GA

CTS Nguyễn Thanh Xuân

Nguyễn Văn Hưởng.



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Ban Quản Nhiệm Bắc California, Ban Quản Nhiệm Nam California và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại:

1- Địa chỉ: 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone & Fax: (408) 238-6547
E- mail: dutani@juno.com

3- HT. Nguyễn văn Cầu, Phone: (408) 262-4209
Fax: (408) 262-2948, E-mail: caunguyencd@yahoo.com

4- HT. Mai văn Tim, Phone: (206)723-3864
E-mail: TIMMAI@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- **Tập San Thế Đạo :**3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA. 95121

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

Trần Đức Nhuận, Phone: (408) 929-5167

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 539-8051

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Seattle,WA.:

HTDP Trần Công Be, Phone: (425) 747-2183

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tấnh, Phone: (678) 422-8784

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Texas:

HTDP Lý Trường Tho, Phone: (281) 988-9858

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario, Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 598-0629

III- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Texas:

HT. Lâm Hoàng Minh, Phone: (281) 575- 0277

2- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Miền Đông và Đông Nam Hoa Kỳ:

HT. Nguyễn Thừa Long, Phone: (504) 831-3152 .

3- **Ban Đại Diện** Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Washington:

HT. Mai Văn Tim, Phone: (425) 957-9486

4- **Ban Đại Diện** Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

1- **Địa chỉ:** 115 E. Reed St., # A313, San Jose, CA. 95112

2- HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 924-0763

E- mail: to_nguyen@juno.com

V- Ban Thế Đạo Nam California:

1- **Địa chỉ:** 8791 Orangewood Ave., Garden Grove, CA. 92841,
Phone & Fax: (714) 636-6622

2- HT. Bùi Văn Nho, Phone: (909) 687-0962, Fax: (909) 687-0962.

VI- Yểm trợ tài chánh:

Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

Chi phiếu hoặc Money Order xin gửi về:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr.,

San Jose, CA. 95121-1716



Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo:

Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo là tuân Thế Luật của Đạo, đem công sức và giáo lý hướng dẫn nhơn sanh trở về nguồn cội Đạo, tô điểm cho nền Đạo mỗi ngày một thêm huy hoàng.

Nội Luật Ban Thế Đạo

TIN TỨC

I-Tin Ban Thế-Đạo Hải Ngoại:

1-Thành lập và Yểm Trợ Hội Tương Tế Cao-Đài:

Vào ngày 8-12-2002 tại Văn-Phòng Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại San Jose, California, một cuộc họp của Hội Tương Tế Cao-Đài đã diễn ra với sự tham dự của Luật-Sư Nguyễn Tâm.

Hiền Tài Nguyễn Văn Cầu, Chủ-Tịch Hội-Đồng Quản-Trị Hội đã chủ trì phiên họp trình bày diễn tiến về tiến trình về việc thành lập Hội và sau đó Luật-Sư Nguyễn Tâm hướng dẫn các thành viên trong Hội-Đồng Quản-Trị và Ban Điều Hành về việc quản-lý và điều hành Hội đúng theo pháp-luật của chánh quyền Hoa-Kỳ. Kế tiếp, Luật-Sư Nguyễn Tâm long trọng trao lại cho Hiền Tài Nguyễn Văn Cầu giấy phép hoạt-động của Hội cùng bộ hồ-sơ và con dấu nổi của Hội.

Hội Tương Tế Cao-Đài là một Hội được thành lập vào ngày 27-08-2002 tại San Jose, California do một số Hiền Tài và nhân sĩ tại San Jose, California và được sự hỗ trợ hoàn toàn của Ban Thế-Đạo Hải Ngoại, nhằm mục đích thể hiện tinh-thần Cao-Đài hoàn toàn bất vụ lợi. Phạm vi hoạt-động của Hội là Hoa-Kỳ và trong nhiệm kỳ đầu tiên, Chủ-Tịch Hội-Đồng Quản-Trị là Hiền Tài Nguyễn Văn Cầu và Trưởng Ban Điều Hành là Hiền Tài Dự Phong Dương Văn Ngừa và văn-phòng đặt tại số 3032 Peppermint Dr, San Jose, California.

Hội Tương Tế Cao-Đài sẽ bắt đầu hoạt-động từ ngày 01-01-2003 và Luật-Sư Nguyễn Tâm là Cố-Vấn Pháp-Luật của Hội. Bản Điều Lệ Hội và các thông tin về Hội sẽ được gửi đến đồng đạo và thân hữu để phổ biến và kính mong đồng đạo và thân hữu hưởng ứng, tham gia Hội.

2-Hiền Tài Dự Phong

Trong tháng 12-2002, căn cứ vào 2 Quyết-Định số 163 và 164 Ban Thế-Đạo Hải Ngoại đã mời được thêm tám (8) vị Hiền Tài Dự Phong và cho đến cuối năm 2002, con số Hiền Tài Dự Phong đã lên đến 45 vị. Đây là một điều rất khích lệ và hứa hẹn sự phát-triển mạnh mẽ của Ban Thế-Đạo trong tương-lai.

Tưởng cũng nên nhắc lại là Chủ-Trương “ Thế Hệ Kế Thừa ” được phổ biến và thực hiện kể từ ngày 01-09-2000 nhằm mục đích mời những vị trí-thức, đạo tâm gia nhập Ban Thế-Đạo để có cơ-hội thuận tiện phục vụ Đạo tại hải ngoại trong thời-gian Hội-Thánh Đại-Đạo Tam-Ký Phổ-Độ bị giải thể và các cơ-quan Đạo bị đình chỉ hoạt-động trong đó có Ban Thế-Đạo.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại thiết tha mời những vị thiện trí-thức, những vị đạo tâm gia nhập hoạt động trong Ban Thế-Đạo Hải Ngoại nhằm phổ truyền giáo-lý Đạo và bảo vệ chơn truyền của Đạo. Một khi Hội-Thánh Đại-Đạo Tam-Ký Phổ-Độ tái phục quyền theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và Luật Đạo, Ban Thế-Đạo Hải Ngoại sẽ đình chỉ hoạt-động ngay và tòng phục Hội Thánh.

3-Hoạt-động Ban Đại-Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Úc-Châu:

Vào ngày Chủ Nhật 10-11-2002, tại Hội Trường vùng Canley Vale gần Cabramatta, NSW, Australia, Hiền Tài Nguyễn Kim Triệu, Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu đã tổ-chức một buổi sinh hoạt đạo sự để giải thích và vận động các cháu trẻ và các huynh tỷ đồng đạo gia nhập hoạt-động trong Ban Thế-Đạo Hải Ngoại với tên gọi là Hiền Tài Dự Phong. Hiện diện trong buổi sinh hoạt có các cháu trẻ trong Đại-Đạo Thanh-Niên Hội Sydney, Úc-Châu và các phụ huynh trong không khí thân mật và ấm cúng.

Trong buổi sinh hoạt này, Hiền Tài Lê Văn Ngộ trình bày đề tài: “ Nền Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ lúc sơ khai ” và Hiền Tài

Nguyễn Kim Triệu trình bày đề tài: "Vấn đề gia nhập Ban Thế-Đạo (Hiền Tài Dự Phong) và vấn-đề giáo-dục, hướng dẫn con cái trong tinh-thần đạo-đức của Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ ". Ngoài ra, cũng trong buổi sinh-hoạt này Hiền Tài DP Lê Tấn Tài cũng đã trình bày về Ban Thế-Đạo và hoạt-động từ lúc thành lập 1965 đến 1975 và sau đó là chương trình thực hiện Thế Hệ Kế Thừa tại hải ngoại cùng hoạt-động của Ban Đại-Diện Ban Thế-Đạo tại Úc Châu. Buổi sinh hoạt đã được kết thúc trong tinh-thần vui vẻ, huynh đệ hứa hẹn triển vọng trong tương-lai.

4-Ban Thế-Đạo Nam California:

Phương hướng Hoạt-Động từ 12-2001 đến 12-2004.

Trong văn thư số 23/BTD/NCL ngày 09-09-2002, Ban Thế-Đạo Nam California đã phổ biến Phương hướng hoạt-động của Ban Thế-Đạo Nam California trong thời-gian từ 12-2001 đến 12-2004 tóm lược trong 8 điểm như sau:

Điểm 1: Tuyệt đối tuân hành Tân Luật Pháp Chánh Truyền của Hội-Thánh Cao-Đài Tòa-Thánh Tây-Ninh.

Điểm 2: Tuân hành Bản Quy Điều Nội Luật của Ban Thế-Đạo Tòa-Thánh Tây-Ninh.

Điểm 3: Giúp Đạo trợ Đồi với thuyết Tam Lập (Lập công, lập ngôn, lập Đức).

Điểm 4: Luôn luôn giữ lập-trường Trung Dung đoàn-kết hòa ái với các cơ-quan và cơ-sở Đạo.

Điểm 5 : Luôn luôn giữ hạnh khiêm cung và tự rèn luyện bản thân bằng Ngũ Giới cấm và Tứ Đại Điều Quy.

Điểm 6: Học Đạo không ngừng để nâng cao trí huệ.

Điểm 7: Cố gắng phát-triển Hiền Tài Dự Phong (HTDP) từ lượng tới phẩm để giúp Đạo trong tương-lai.

Điểm 8: Chú trọng lập công trong việc đẩy mạnh công-tác xây dựng Thánh-Thất theo kiểu Tòa-Thánh Tây-Ninh.

II- Tin Châu-Đạo California:

1- Lễ Kỷ-niệm Hội Yến Diêu Trì và Lễ Kỷ-Niệm Ngày Khai Minh Đại-Đạo.

-Vào ngày rằm tháng 8 năm Nhâm Ngọ, khoảng trên 100 Chức Sắc, Chức việc và đồng đạo vùng Orange và San Diego tập trung về Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Orange dự lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì.

Đúng 6.00 giờ tất cả những vị hiện diện cùng vào Chánh Điện đánh lễ Đức Chí-Tôn thời Dậu rồi sau đó sang Điện Thờ Phật Mẫu cử hành lễ Kỷ-Niệm Hội Yến Diêu Trì.

-Vào lúc 6.00 giờ chiều ngày thứ ba 19-11-2002 dù là ngày làm việc nhưng có hơn 100 đồng đạo và chức việc các Thánh-Thất vùng Nam California tập trung về Thánh-Thất Orange đánh lễ Đức Chí-Tôn ngày Rằm Hạ Ngươn và tham dự Lễ Kỷ-Niệm Ngày Khai Minh Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ năm Đạo thứ 78.

2- Công cử tại Tộc-Đạo San Diego.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 8 tháng 9 năm Nhâm Ngọ (13-10-2002) đồng đạo thuộc Tộc Đạo San Diego đã tụ tập tham dự phiên họp tại Văn-Phòng Tộc Đạo, số 1041 Vista Oak Place, Chula Viste, CA dưới sự Giám Sát của HH Hiền Tài Nguyễn Văn Xã (Q. Khâm Châu Châu Đạo California) và HH CTS Diệp Văn Xê, (Phụ Tá Nội Vụ Châu Đạo) để công cử lại vị Đầu Tộc sở tại và bổ sung chức việc cho 3 Hương Đạo.

Buổi họp đã được diễn ra một cách trang nghiêm và đã được kết-quả theo danh sách đính kèm.

Buổi họp đã chấm dứt vào lúc 12.30 giờ cùng ngày.

Kết Quả việc Công Cử:

Q. Đầu Tộc San Diego: HT Nguyễn Trung Đạo
(nhiệm kỳ 5 năm).

Văn Phòng Tộc-Đạo:

Đầu Phòng Văn: HT Lê Ngọc Tuyết.

Hộ Vụ: PTS Trần quang Sơn.
Công vụ : PTS Đặn minh Dương.
Lễ vụ: CTS Nguyễn Văn hoành.
Lương vụ: TS Trần Thị Lợi.

Hương-Đạo East San Diego:

Chánh Trị-Sự Nam :Nguyễn Văn Hoanh.
Phó Trị-sự Nam :Lê Trung Trực.
Thông sự Nam : Nguyễn Văn Phổ.
Chánh Trị-Sự Nữ : Đặng Thị Cừ.
Phó Trị Sự Nữ : Đoàn Ngọc Nga.
Thông Sự Nữ : Trần Thị Kim Dung.
Từ hàn: Nguyễn Tấn Đạt.

Hương Đạo Linda Vista:

Chánh Trị-Sự Nam :Lê Quang Giai.
Phó Trị-Sự Nam: :Đặng minh Dương.
Thông sự Nam : Cao Hoà Thuận.
Chánh Trị-Sự Nữ :Thái Kim Ngọc.
Phó Trị-Sự Nữ :Lê Thị Huyền Linh.
Thông Sự Nữ :Trần Thị Lợi.
Từ Hàn :Trần Thị Lợi kiêm nhiệm.

Hương Đạo Chula Vista:

Chánh Trị-Sự Nam :HT Nguyễn Trung Đạo.
Phó Trị-Sự Nam :Trần Quang Sơn.
Thông Sự Nam :Lê Tấn Hồng.
Chánh Trị-Sự Nữ :La Kim Hoa.
Phó Trị-Sự Nữ :HTDP Nguyễn Thuỳ Dung.
Thông Sự Nữ :HTDP Nguyễn Thùy Trang
Từ Hàn: HTDP Nguyễn Thuỳ Dung kiêm nhiệm

Vì lý do có nhiều bài vở cần phải đăng trong số này nên Tiểu Thuyết “ *Tình Người* ” và “ *Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ* ” được tạm hoãn đăng một kỳ. Xin quý đồng đạo và thân hữu thông cảm và thứ lỗi cho. Xin thành thật tri ân.

Tập-San Thế-Đạo

Tường Thuật:

Lễ Kỷ-Niệm Ngày Khai Minh Đại-Đạo năm thứ 78

Phượng Huỳnh

Đối với người Cao-Đài, ngày Khai minh Đại-Đạo rất là quan trọng. Ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần 1926 các Bậc tiền khai, những Thiên sứ của Đức Chí-tôn thiết lập đàn tràng cáo tri cùng trời đất, khẩn nguyện chư Phật, chư Tiên, chư thánh, chư Thần khai sáng nền Đại-Đạo, công khai hoàng dương Đạo pháp và phổ-độ chúng sanh, đưa nhân loại vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên Đại-Đạo Tam kỳ Phổ-Độ, một kỷ nguyên Thương Yêu và công Chánh.

Nhận thức được tầm quan trọng của ngày Khai Đạo năm nay các Thánh-thất vùng Nam California cùng nhau tổ-chức Buổi tiếp Tân Lễ Kỷ-Niệm ngày Khai minh Đại-Đạo vào ngày 24-11-2002 tại Hội-Trường Châu Đạo California, số 14072 đường Chestnut, Westminster, California.

Theo chương-trình đến 10 giờ mới khai mạc buổi lễ nhưng mới 5.00 giờ đồng đạo khắp nơi đã lần lượt tập trung về địa-điểm tổ-chức. Họ đến sớm để phụ giúp Ban Tổ-Chức làm các công tác vệ sinh chung quanh Hội-Trường, tình nguyện làm trật tự, làm hướng dẫn viên việc đậu xe cho quan khách.

Trời Nam California hôm nay nắng ấm rất đẹp và đến 9 giờ đồng đạo đã đến rất đông . Cả khu đường Chestnut tràn ngập màu trắng áo đạo của người Cao-Đài. Đến 10 giờ hội trường đã đầy khách và khoảng 250 ghế ngồi đã không còn trống. Và khi có khách vào, người Cao-Đài đã đứng lên nhường chỗ cho khách, mời khách ngồi và họ đứng chung quanh hoặc đứng phía sau của Hội-Trường.

Buổi tiếp tân đã bắt đầu khai mạc với nghi thức chào Quốc kỳ Mỹ, Quốc kỳ VNCH, và Đạo kỳ, Quốc Ca Mỹ và Quốc Ca VNCH. Sau đó là phút mặc niệm để tưởng nhớ Chư Vị tiền khai Khai Minh Đại-Đạo, quý vị Chư Chức Sắc và tín-đồ Cao-Đài đã qui vị trong nhiệm-vụ hoàng dương và bảo vệ Đạo-Pháp..

Hiền Tài Phạm Văn Khảm, Phụ-Tá Ngoại-Vụ Châu-Đạo California, thành viên Hội-Đồng liên-Tôn Việt-Nam tại Hoa-Kỳ, Trưởng Ban Tổ-Chức Buổi Tiếp Tân Lễ kỷ-Niệm Ngày Khai Minh Đại-Đạo năm thứ 78 đọc diễn văn khai mạc.

Tiếp theo lần lượt:

-HH Hà Vũ Bằng, Đầu Phòng Văn Tộc-Đạo Orsange đọc "Tuyên Ngôn Khai Đạo".

-HH CTS Trần Quang Linh đọc Thông Điệp của Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật gửi Chư Vị Hoàng-Đế, Quốc Vương, Quý vị Nguyên Thủ, Lãnh-Đạo các nước, Chư Vị Lãnh-Đạo các Tôn-Giáo trên toàn thế-giới.

-HH CTS Phan Văn Hồ, Q. Đầu Tộc Anaheim đọc Thông Điệp của Đức Q. Giáo-Tông gửi cho quý vị Chủ-Tịch Nghiệp-Đoàn Báo Chí trên thế-giới.

-HH CTS Diệp Văn Khê, Phụ Tá Nội-vụ Châu-Đạo California đọc thơ hồi báo của Đức Thánh cha Godwin, trưởng lão Giáo-Hội Eglise Gnostique Đức Quốc.

-HH Hiền Tài Bùi Văn Nho, Tổng Quản Nhiệm Ban Thế-Đạo Nam California trình bày Sơ Lược Lịch-sử và Giáo-Lý Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ.

Sau khi Hiền Tài Bùi Văn Nho chấm dứt bài thuyết trình, các quan khách tham dự đã lần lượt phát biểu cảm tưởng và được ghi nhận như sau:

-Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Viện Chủ chùa Liên Hoa, Trưởng Ban Thường Vụ Hội Đồng Liên Tôn Việt-Nam tại Hoa-Kỳ.

-Mục sư Trần Thanh Vân, Phụ-Tá Trưởng Ban Thường Vụ Hội Đồng Liên Tôn Việt-Nam tại Hoa-Kỳ.

-Linh Mục Trần Công Nghị, Phụ Tá Trưởng Ban Thường Vụ Hội-Đồng Liên Tôn Việt-Nam tại Hoa-Kỳ.

-Ông Nguyễn Thanh Giàu, Hội-Trưởng Giáo-Hội Phật Giáo Hòa-Hảo miền Tây Nam Hoa-Kỳ, thành viên Hội Đồng Liên Tôn Việt-Nam tại Hoa-Kỳ.

-Sư Bà Thích Nữ Diệu Từ, Viện Chủ Chùa Diệu Quang.

-Ông Nguyễn Lý Sáng, Hội-Trưởng Tây-Ninh Đồng Hương Hội Hoa-Kỳ.

-Luật Sư Phạm Văn Phổ, Chủ-Tịch Công Đoàn Công Giáo Miền Tây Nam Hoa-kỳ.

-Luật Sư Nguyễn Xuân Nghĩa, Đại Diện giới trẻ.

Sau cùng là bài đáp từ của Hiền Huynh Hiền Tài Nguyễn Văn Xa, Quyền Khâm Châu Châu Đạo California do Hiền Huynh Hiền Tài Phạm Văn Khảm đọc thay vì Hiền Huynh Hiền Tài Nguyễn Văn Xã mắc bệnh.

Buổi tiếp tân Lễ Kỷ-Niệm Ngày Khai Minh Đại-Đạo năm thứ 78 do các Thánh Thất Nam California cùng nhau tổ-chức đã chấm dứt vào lúc 12.15 giờ với sự thành công rực rỡ và sau đó quan khách và đồng đạo đã dùng tiệc tại Thánh thất do Ban Tổ-Chức khoản đãi.

RA MẮT SÁCH: Tình Người

Vào ngày 28-11-2002, lúc 10.00 giờ, Hiền Tài Kim Minh và Hiền Tài Hồ Hoàng đã tổ-chức ra mắt quyển tiểu thuyết tình cảm xã-hội "Tình Người" tại Hội-Trưởng Châu Đạo California với sự tham dự của hơn 100 vị quan khách, và thân hữu.

Sau nghi thức khai mạc, Hiền Tài Phạm Văn Khảm, điều hợp viên chương trình giới thiệu sơ lược tiểu sử của hai tác giả Kim Minh và Hồ Hoàng. Kế tiếp lần lượt quý vị sau đây đã lên phát biểu về cuốn tiểu thuyết Tình Người:

-Kỷ-Sư Võ long Triều, cựu Tổng Trưởng Thanh Niên VNCH.

-Ông Nguyễn Thanh Giàu, Hội-Trưởng Giáo-Hội Phật Giáo Hòa-Hảo Miền Tây Nam Hoa-Kỳ.

-Ông Nguyễn Lý Sáng, Hội-Trưởng Tây-Ninh Đồng Hương Hội

-Ông Phạm Văn Minh, một đọc giả.

Trước khi chấm dứt buổi ra mắt sách, tác giả Hồ Hoàng đã cảm ơn quan khách, ân sư, bạn bè đã phụ giúp tổ-chức buổi ra mắt sách. Tác giả đã ngâm một bài thơ trong sách có nghệ sĩ Chí Tâm đệm độc huyền cầm.

Tưởng cũng nên nhắc lại, tiểu thuyết "Tình Người" hiện còn được tiếp tục đăng trong Tập-San Thế-Đạo.

Buổi ra mắt sách bế mạc vào lúc 12.00 giờ cùng ngày. Quan khách, thân hữu đã được mời dùng cơm chay thân mật và thưởng thức chương trình văn nghệ do nghệ sĩ Chí Tâm và Ban Nhạc "Biển Xanh" của Đại-Đạo Thanh-Niên Hội California phụ diễn.

Hình Ảnh Lễ Kỷ-Niệm Ngày Khai Minh Đại-
Đạo năm thứ 78 tại Hội Trường
Thánh Thất Orange, Westminster, California



Quang cảnh Hội Trường lúc chào Quốc Kỳ và Đạo Kỳ



Quan khách trong Hội Trường

**Thanh niên Phật Giáo Hòa Hảo và Đại-Đạo
Thanh Niên Hội chụp hình lưu niệm.**



**DANH SÁCH
HIỆN TÀI DỰ PHONG TẠM THỜI**

(đợt 5 và đợt 6 theo QĐ163 , QĐ164 của BTĐHN)

1-Nguyễn huỳnh Anh, sanh năm 1955 tại Tây-Ninh (VN),
hiện ngụ tại bang Louisiana, Hoa-Kỳ.

2-Lê Đăng, sanh năm 1955 tại Cà Mau(VN) , hiện ngụ tại
Toronto, Canada.

3-Nguyễn Thùy Linh, sanh năm 1969 tại Long-An(VN), hiện
ngụ tại bang Louisiana, Hoa-Kỳ.

4-Nguyễn Thùy Ngân, sinh năm 1971 tại Long-an(VN), hiện
ngụ tại bang Louisiana, Hoa-Kỳ.

5-Nguyễn Thị Bích Thủy, sinh năm 1969 tại Phước Long(VN),
hiện ngụ tại bang California, Hoa-Kỳ.

6-Trần Văn Tước, sinh năm 1947 tại Tây-Ninh(VN), hiện ngụ
tại bang California, Hoa-Kỳ.

7-Nguyễn Kinh Luân, sinh năm 1973 tại Long-An(VN) hiện
ngụ tại bang Louisiana, Hoa-Kỳ.

8-Võ Hoàng Ngô, sinh năm 1937 tại Rạch Giá(VN), hiện ngụ
tại bang Tennessee, Hoa-Kỳ.

GIỚI THIỆU SÁCH

I- Sách biểu, Không Bán:

1- Ban Thế-Đạo Hải Ngoại ấn hành:

-Thánh Ngôn hiệp tuyển(trọn bộ).

-Giáo Lý của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng.(tái bản năm 2000)

-Thiên Đạo của Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh (tái bản năm 2001).

Xin liên lạc: Ban Thế-Đạo Hải Ngoại

2- Điện Thờ Phật Mẫu San Jose, CA, ấn hành.

-The Outline of CaoDaism.

-Tiểu sử và lời Thuyết Đạo của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang.

Xin liên lạc: Điện Thờ Phật Mẫu San Jose,

1489 South White Rd

San Jose, CA 95127

Phone: 408-258-9496.

3-Thánh Thất Portland, bang Oregon, ấn hành.

-Thánh Ngôn Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cửu Vị Nữ Phật và Chư Thánh Bạch Vân Động.

Xin liên lạc: Thánh Thất Portland

3182 Crimson Place

Hillsboro, OR 97124

Phone: 503-693-7696

4-Sách Giải Nghĩa Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Xin liên lạc: HTDP Dương Văn Nghĩa

3032 Peppermint Dr

San Jose, CA 95148.

Phone: 408-238-2315

II-Sách của Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ

Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ là người đã bỏ ra 50 năm nghiên cứu về Triết Học và Đạo Giáo. Và qua sự nghiên cứu đó, Bác Sĩ Thọ cũng theo chủ trương của Cao-Đài Giáo là các tôn giáo đều đưa về một mối.

Trong năm 2002, Bác Sĩ Thọ mới in xong 8 cuốn sách mới, đó là:

1-Tính Mệnh Khuê Chỉ (498 trang, USD 25.00)

2-Vạn Vật Nhất Thể (248 trang, USD 14.00)

3-Hướng Tinh Thần (217 trang, USD 12.00)

4- và 5- Tinh hoa các Đạo Giáo (2 tập) (299 trang và 320 trang, USD 30.00)

6-Tham Đồng Khế (316 trang) USD 15.00.

7-Trung Dung Tân Khảo (580 trang, USD 25.00)

8-Phật Học Chỉ Nam (210 trang, USD 15.00).

Giá 8 cuốn gửi đến nhà tổng cộng là USD 146.00 (USD 136.00 và USD 10.00 cước phí)

Đây là những quyển sách rất cần thiết cho những ai muốn nghiên cứu về Triết Lý và Đạo Giáo. Sách được viết rất mạch lạc ,công phu và rõ ràng.

Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ chủ trương các tôn-giáo đều đưa về một mối (Vạn Giáo nhất lý), khác nhau về danh từ, về hình thức bên ngoài (Vạn Vật đồng nhất thể, Tinh -hoa các đạo-giáo, Hướng tinh-thần) và bàn rất nhiều về Nho (Trung Dung Tân Khảo), Thích (Tinh Mệnh Khuê Chỉ, Tham Đồng Khế), Phật (Phật Học Chỉ Nam).

Muốn mua các quyển sách trên, **Thư từ liên lạc** xin gửi về:

Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ,

10432 Stern Ave.

Westminster, CA 92683

Mua sách, bưu phiếu xin đề cho **Dalena Vu**

Trân trọng giới thiệu và mong được sự ủng hộ.

ĐỌC và CỔ-ĐỘNG cho Tập-San Thế Đạo

**Danh Sách Cơ-Sở & Đồng Đạo, Thân Hữu
yểm trợ Tập-San Thế-Đạo
(từ ngày 23-09-2002 đến ngày 31-12-2002)**

1	Trần Ngọc Thi, Rosemead, CA	\$20.00
2	Lê Sáng Huệ, St Louis, MO	\$50.00
3	Nguyễn Triết, Sacramento, CA	\$20.00
4	Ng. Th. Khanh & Trịnh T. Liêng, Vancouver, OR	\$60.00
5	Ng. H. Tường, DDS & Tô Mỹ Huệ, DDS, San Jose, CA	\$400.00
6	HT Nguyễn Tấn Tạo, Gretna, LA	\$20.00
7	Thái Chương, Buena Park, CA	\$25.00
8	Đỗ Văn Tâm, Syracuse, NJ	\$20.00
9	Trí Vương, Mississauga, Canada	\$37.01
10	Nguyễn Minh Đức, Milpitas, CA	\$10.00
11	Lê Ngọc Huệ, San Diego, CA	\$20.00
12	Nguyễn Thanh Tân, San Jose, CA	\$30.00
13	Phạm Thị Minh, DDS, San Jose, CA	\$50.00
14	Nguyễn Văn Đấu, San Jose, CA	\$15.00
15	Hồ Văn Thái, San Francisco, CA	\$20.00
16	HTDP Trần công Minh, Bellevue, WA	\$20.00
17	Trần Văn Nhiều, Anaheim, CA	\$10.00
18	Nguyễn Văn Y, San Jose, CA	\$20.00
19	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	\$20.00
20	Nguyễn Văn Nhờ, Lawrenceville, GA	\$50.00
21	Thái Thành Cương, Houston, TX	\$50.00
22	PTS Trần Văn An, Seattle, WA	\$20.00
23	Đặng Kim Toàn, San Jose, CA	\$20.00
24	Trần Minh Khiết, DDS, San Jose, CA	\$200.00
25	Nguyễn Văn Thêm, Toronto, Canada	\$12.46
26	Lê Quang Giai, San Diego, CA	\$20.00
27	HT Lê Ngọc Thọ, Montreal, Canada	\$62.31
28	CTS Lâm Văn Mẫn, Tacoma, WA	\$25.00
29	Đặng Thị Cự, San Diego, CA	\$10.00
30	Ẩn danh, San Jose, CA	\$10.00
31	Lê Văn Thành, Germantown, MD	\$20.00
32	Võ Danh, San Diego, CA	\$30.00

33	HTDP Hh. Vân& HTDP Phan T. T.Hồ, Westminster,CA	\$300.00
34	HTDP Trần Văn Tấnh, Morrow, GA	\$20.00
35	Hồ Anh, Fountain Valley, CA	\$50.00
36	Lê Văn Hiệu, Westminster, CA	\$10.00
37	Nguyễn Thị Lộc, Houston, TX	\$20.00
38	Đặng Văn Tiên, Ventura, CA	\$20.00
39	Nguyễn Ngọc Tiên, Westminster, CA	\$20.00
40	HT Cao Văn Bảy, Lawrenceville, GA	\$20.00
41	PTS Trần Long Thuấn, Stone Mtn, GA	\$20.00
42	Nguyễn Văn Thế, Houston, TX	\$20.00
43	Hồ Văn Dẫn, Garden Grove, CA	\$10.00
44	Lưu Quốc Minh, Holliday, FL	\$20.00
45	Phan Thành Hải, DDS, San jose, CA	\$100.00
46	HT Trần Văn Hữu, Vista, CA	\$20.00
47	HT Phạm Văn Cờ, Santa Ana, CA	\$20.00
48	Trần Văn Đất, Santa Ana, CA	\$50.00
49	Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA	\$20.00
50	HTDP Ngô V. Tú& HTDP Trần N. Thảo, Bellevue, WA	\$50.00
51	CTS Lê Tấn Tài, Houston, TX	\$50.00
52	Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA	\$20.00
53	HT Nguyễn Hồng Sơn, Elk Grove, CA	\$20.00
54	Lê Hiếu Dzu, La Mirada, CA	\$20.00
55	Bùi Thiên Phúc, Stone Mtn, GA	\$30.00
56	Jimmy .H.Võ, Lakewood, WA	\$20.00
57	Phan Thị Đạo, Seattle, WA	\$10.00
58	Phạm Văn Bé, Seattle, WA	\$20.00
59	Nguyễn Ngọc Sương, Stone Mtn, GA	\$20.00
60	Võ hoàng Ngô, Memphis, Tennessee	\$100.00
61	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA	\$20.00
61	HT Mai Văn Tim, Everett, WA	\$20.00
62	Nguyễn huỳnh Hoa, Warminster, PA	\$50.00
63	CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita, KS	\$20.00

Tổng cộng: 2,606.78

*Tổng cộng danh-sách này là Hai ngàn sáu trăm lẻ sáu đôla
bảy mươi tám xu (USD 2,606.78).*

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại



SANDY DENTAL P.C.

SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

Fax: (408) 272-2202 • E-mail: SandyDenta@aol.com



SANDY DENTAL P.C., hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được tin nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều BS Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

• Tiêm thuốc tiên, trung tâm thành phố San Jose, gần Fwy 101, 280, 680, toa-tác giữa 1 vườn cây, khu th-tử, góc đường với parking rộng-rãi.

- Trang thiết bị tối tân và vệ sinh tối đa
- Nước dùng thật tinh khiết.
- 1 bộ dụng cụ riêng cho mỗi bệnh nhân.

Đặc Biệt:

- Pokémon Game cho trẻ em và Cable TV
 - Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75
 - Thay các trám chỉ để hợp màu với răng
 - Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.
- Tiểu đất ân cần, khung cảnh trang nhã. Có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.



** Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng



**NHẬN MEDI-CAL
BẢO HIỂM
VISA - MASTER CARD**



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện với Lucas, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

COUPON

- Tẩy Trắng Răng
(Tooth Whitening)

\$75

Giá bình thường \$300

SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện với Lucas, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

COUPON

- Khám Tổng Quát
- X-rays
- Làm Sạch Răng (Cleaning)

\$25

Giá bình thường \$75

Giá trị cho bệnh nhân đã khám răng đầy đủ.

B.B.Q. Bánh Mì số 1 Inc.

Restaurant & Food to Go



**Đủ các món ăn 3 miền.
Nhận Đặc Tiệc- Giao Tận Nhà.**

**Nhà Hàng Sạch Sẻ Vệ-Sinh, Món Ăn
Tinh Khiết**

**Chủ nhân: Ông Bà Huỳnh Long Vân rất
vui mừng được tiếp đón đồng hương ,
đồng đạo**

**9812 Bolsa Ave, # 102
Westminster, CA 92683
(Trong khu Chợ Little Saigon)
Tel # 714-775-8834**



SAN JOSE

VINH QUANG CỬ

Auto Body & Service Center

"Your complete auto body & automotive service center"

60 Stockton Avenue, San Jose, CA 95126

Tel: (408) 295-7118

Fax: (408) 295-7510



**CHUYÊN SỬA CHỮA, SƠN, LÀM ĐỒNG
CÁC LOẠI XE MỸ VÀ NGOẠI QUỐC**

AUTO BODY SHOP:

- Làm đồng
- Kéo sườn
- Sơn
- Thay kiếng
- Bọc nệm, thảm

*

ĐẶC BIỆT: CƠ PHÒNG SƠN
HẤP VÀ MÁY MÓC, DỤNG CỤ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN

AUTO REPAIR:

- Rebuild máy, Carburetor, Transmission
- Tune Up
- Làm thống, tiện đĩa
- Hệ thống điện, máy lạnh, máy sưởi
- Thay nhớt (máy & hộp số)
- Có bán vỏ xe cũ, vỏ lốp xe
- Balance bánh xe bằng computer

MUFFLER

(ống xả)

có sẵn thay sẵn

Muffler (ống xả)

các loại xe Mỹ

và Ngoại Quốc

Cung Chúc

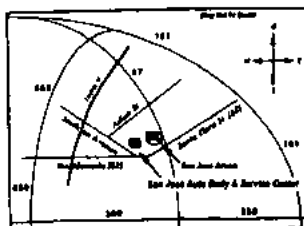


★ **ĐẶC BIỆT:** *Tân Xuân*

- SMOG CHECK, BRAKE + LAMP CHECK STATION
- 4 WHEEL ALIGNMENT
- NHẬN DỊP XUÂN VÉ BỚT 10%

- Bớt Deductible tùy theo job
- Kéo xe miễn phí

- Tiền công được bớt tối đa cho quý khách
- Nhận Visa - Mastercard



TIÊU CHUẨN:

- TÍN NHIỆM
- KỸ LƯỢNG
- THÀNH THẬT
- GIÁ PHẢI CHĂNG

VIỆC LÀM BẢO ĐẢM 6 THÁNG HOẶC 6,000 MILES

Mở cửa 6 ngày trong tuần

Từ 9 AM - 6 PM

Nghỉ ngày Chủ Nhật

Chủ Nhân

Kính Mời



T&N DENTAL CARE, INC.

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S. TÔ MỸ HUỆ, D.D.S.

125 N. JACKSON AVE., SUITE 104 - San Jose, CA 95116
(408) 923-8272

(Cạnh Alexian brothers Hospital giữa Alum Rock Ave và Mc Kee Rd. có thể đến bằng đường
Alexian Drive vì mặt tiền phòng mạch trong ra đường này - Tiền đường xe Bus 70, 74 và 81)

Giờ làm việc:

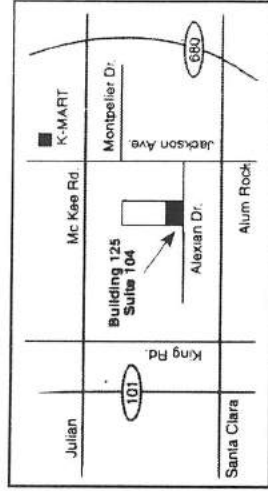
Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:00 am - 6:00 pm
Nghỉ Thứ Tư & Chủ Nhật



Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc Nha Khoa toàn diện.
Được giải thưởng về "Need, character and scholarship".
Nguyên là Bác Sĩ Y Khoa tại bệnh viện Nguyễn Văn Học và Chợ Quán.

Với sự cộng tác của bác sĩ nha khoa SHAELEE DUNG NGUYỄN

Phòng mạch hoàn toàn mới, trang trọng, rộng rãi.
Nhân viên ân cần, vui vẻ, hướng dẫn các vấn đề về bảo hiểm, cách giữ răng cho bền tốt.
Các bác sĩ luôn luôn tìm mọi phương pháp chữa trị tốt nhất cho quý vị.
Có thể cầu xe phía trước hoặc vào bãi đậu xe bên của khu Jackson Medical Center.



KÍNH BIỂU

TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr.
San Jose, CA 95121-1716